

THERAVĀDA

ĐẠO PHẬT THÍCH-CÁ

TRAYAPRANĀMA SAMKHEPA

GIHIVINAYA SAMKHEPA

NHƯ'T-HÀNH

CỦA NGƯỜI TẠI GIA TU PHẬT



DỊCH-GIẢ :

Bikkhu VAṆSARAKKHITA

Tỳ Khưu HỘ-TÔNG



PHẬT - LỊCH : 2501

DƯƠNG-LỊCH : 1957-58

LỜI TỰA



Quyển kinh này phát sanh do các bậc Thiện-Tin Saigon có tâm tín thành trong sạch, mong làm việc pháp-thí, là một điều phước rất cao-quí, nên cầu atmã trích dịch để phân phát cho những hàng cư sĩ mộ đạo thấy rõ chơn-lý nhà Phật và thiết-hành theo, ngõ hầu hưởng hạnh-phúc thanh-cao trong đời này và kiếp sau.

Quyển kinh này đã diễn ra quốc-âm, nay tái bản, có duyệt chánh và thêm pháp trích-lục trong các kinh, nhất là Hạnh-Phúc kinh (Maṅgalasūtra).

Do quả phước của pháp-thí này, cầu cho tất cả chúng sanh đừng có sự thù oán lẫn nhau, đừng có sự làm hại lẫn nhau, đừng có sự khờ-não, hãy hòa-hảo nhau, thương yêu nhau và cho được an-vui lâu dài, cho có chánh-kiến, xu hướng theo Phật-Pháp, mau đến Niết-Bàn, dứt khỏi sanh tử luân-hồi hưởng quả, vô sanh bất-diệt.

Mong thay. . .

VAṆSARAKKHITA Bhikkhu
(HỘ - TÔNG Tỷ khưu)

PHẬT-PHÁP LƯỢC-GIẢI

Vấn. — Vì sao phải tu Phật ?

Đáp. — Đạo Phật là con đường để cho tinh-thần của chúng sanh nương theo, ngõ hầu đi đến mục-dịch thoát-ly sông-mê biển-khổ. Trong thế gian có nhiều sự khổ kể không xiết, nên Phật gọi là biển-khổ ; sanh khổ ; già khổ ; đau khổ ; chết khổ ; muốn mà không được, khổ ; thương mà phải lìa, khổ ; ghét mà phải hợp, khổ ; thương tủi, khổ ; thất vọng, khổ ; sanh ly tử biệt, khổ ; vân vân... Đã biết bị trầm-luân khổ hải, lẽ cố nhiên phải tìm đường thoát khổ ; con đường ấy là Đạo Phật vậy. Cho nên chúng ta cần phải xu-hướng theo để dứt khỏi thống khổ luân hồi.

Vấn. — Tu, cứ sao phải thọ Tam-qui ?

Đáp. — Tam-qui, bước đường lối-tiên của người học Phật, Qui-y Phật, Qui-y Pháp, Qui-y Tăng, gọi là qui-y Tam-Bảo.

Bạc, vàng, san-hò, hồ-phách, xa-cừ, xích-châu, mã-nỏ là bảy báu thế-gian, tuy quý thật, nhưng chẳng có năng lực tiếp-độ chúng sanh ra khỏi vòng sanh-tử, chỉ có Phật-Pháp-Tăng mới cứu vớt chúng sanh hết khổ đến vui được, nên gọi là Tam-Bảo, ba món báu quý trọng hơn hết.

Qui-y Phật, là nương theo Phật. Phật là bậc đã tỉnh giấc vô-minh, thấu suốt ba cõi, thông cả ba đời đã chứng quả vô-sanh bất diệt.

Chúng sanh muốn được giải-thoát các thống-khổ, lẽ đương nhiên phải nương theo Ngài, đi trên con đường Ngài đã đi, thì sẽ đạt mục-dịch như Ngài chẳng sai.

Qui-y Pháp, là phải nương theo lời Phật dạy, có ghi chép trong Tam-Tạng Pháp-Bảo (kinh, luật luận). Xem Tam-Tạng và học hỏi thêm nơi bậc Thiện-Tri-Thức, để suy cứu cho châu-đáo, lời nào hữu-lý mới nên thật hành theo, chẳng vì nghe thấy mà vội tin, e phải lầm đường, lạc nẻo. Phật có dặn Đại-Đức A-Nan-Đa rằng : «A-Nan-Đa này ! Sau khi Như-Lai nhập diệt, nếu có ai nói ta nghe Phật giảng giải cách này, hoặc thế kia, các người chớ nên vội tin mà cũng đừng vội bỏ ; nghe rồi phải xét, lời nào đúng theo chơn-lý là lời của Như-Lai ; bằng không, là lời bịa đặt, các người nên cần-tuận, dè-dặt ».

Qui-y Tăng là nương theo Tăng. Tăng là nhóm thầy Tỳ-Khưu, từ 4 vị trở lên, hoà-thuận ở chung cùng nhau, ăn theo Phật (1), ở theo Phật (2), mặc theo Phật (3), nghiêm-trì giới luật theo Phật (4). Các Ngài siêng năng học hỏi Tam-Tạng, nhất là phải thông-thuộc Tạng-Luật để thọ-trì cho tinh-nghiêm, và cảm-hoá người đời y theo chí-nguyện hoằng-pháp lợi-sanh của Phật.

Tăng là những bậc tu-hành chơn-chánh, xả phú cầu-bần, xả-thần cầu đạo, hạnh kiểm trang nghiêm đáng làm mô-phạm cho quần-sinh, nên chỉ ta cần nương theo để bước lên con đường giải-thoát.

Vấn.— Vì sao phải niệm Phật ?

(1) Phật ngộ thực (2) Ngài hằng ngự nơi thanh vắng (rừng núi) trừ ra trong 3 tháng hạ thì Ngài mới ngự nơi tịnh xá. (3) Ngài mặc tam y, trì bình khất thực, (4) giới luật tinh nghiêm.

Đáp.— Vì bị ngũ-trần lôi cuốn, làm cho tâm lờ điên-đảo, không phân lẽ chánh điều tà, nên chúng ta tạo ra nghiệp báo sâu dày, do đó phải bị luân-chuyển trong sáu đường, từ vô-lượng kiếp, đến nay vẫn còn mắc trong vòng khốc hại. Nếu muốn được sáng suốt, trước tri-giới cho nghiêm, sau định tâm cho vững, chế ngự lục-căn, ngăn ngừa lục trần thì tâm sẽ dần-dần thanh-tịnh, suốt thông mọi lẽ, phân biệt chánh tà, lánh các sự dữ, làm những điều lành, như thế sẽ hết khổ được vui. Ví như nước giữa gió, thường hay xao-động, nên xem trong nước nào thấy rõ vật chi. Nếu đem nước đựng vào nơi kín đáo, sóng lặng nước trong, vật chi trong nước cũng hiện bày tỏ rõ, chúng ta biết nước tốt mà dùng, biết nước dơ mà bỏ.

Cho nên niệm Phật, Tham-thiền là một phương pháp tối cao, làm cho tâm xao-xuyến trở nên thanh-tịnh, tâm mờ ám ra sáng-suốt, thấu rõ ba tướng: vô-thường, khổ-não, vô-ngã, của sự vật, chẳng có vật chi là của ta, cho đến thân tứ-đại (mà ta lầm tưởng là ta), cũng chẳng phải ta thì ngoài ra có cái chi là ta, là của ta, với nhận thức ấy, chẳng còn chi cho ta phải quyến-luyến, thương-yêu ham muốn. Hễ không quyến-luyến, thương-yêu, ham-muốn thì có chi là khổ, tức là được tiêu-diêu tự-tại vậy.

Kinh Pháp-Cú có nói: «Cái nhân của các việc khổ là lòng thương yêu, ham muốn; bằng dứt lòng thương yêu, ham muốn, cái khổ không chỗ sanh vậy.» Chúng ta vì khổ mà phải tu, nếu niệm Phật mà dứt khổ, còn chờ gì mà không thành

tâm đêm ngày niệm Phật dặng thoát khổ đến vui.

Vấn.— Quan-sát các sở-hành có ích-lợi chi ?

Đáp.— Vì không quan-sát hoặc quan-sát không châu - đáo những hành-vi, nên ta hay tưởng lầm làm quấy, cho giả là thiệt, lấy khổ làm vui, nên đã gây ra nghiệp-báo đầy đầy, mà cũng chưa biết tự hối. Vì thế nên Phật dạy các đệ-tử : « Phải xem xét việc làm, lời nói và ý-tưởng cho nhất-nhiệm, bằng không thì sự tu hành khó bề tấn-hóa ».

Thường hồi ức quan-sát mới có thể tự thấy lỗi mình, rồi thành tâm sám-hối ngay, thì thân tâm sẽ trở nên trong sạch, tu-hành mau có hiệu-quả.

Sám-hối là ăn-năn chữa cải những lỗi đã phạm trước và nguyện sau này chẳng dám tái phạm. Sự ăn-năn không cũng chưa đủ trừ tội, phải làm lành thêm, làm nhiều hơn cái lỗi mà mình đã phạm mới được.

Vấn.— Thờ Phật, lễ Phật và cúng Phật có ý nghĩa thế nào ?

Đáp.— Thờ Phật, để cho ta thường được chiêm ngưỡng Đức-Hạnh cao siêu của Phật mà thức-tỉnh thân-tâm, tu-hành theo chánh-pháp của Ngài. Thờ Phật phải chọn chỗ qui trọng. Phật là bậc Chí-Tôn Chí-Thánh, thấy cả ba giới, từ-phụ bốn loài, chỗ thờ Ngài phải chí cao, chí trọng mới là phải.

Lễ Phật, cúng Phật vì lòng kính mến ân-đức của Phật. Ngài đã tròn phạm-hạnh từ, bi, hỷ, xả, siêu xuất tam-giới, đáng cho chúng-sanh lễ-bái, chiêm ngưỡng. Khi dâng hương, dâng, hoa cúng Phật, nên thành tâm niệm-tưởng chí nguyện tự-giác giác-tha của Ngài. Thuở còn ở địa-vị Bồ-

-tát, Ngài thấy chúng-sanh hằng bị cái khổ sanh tử trọng đại, cho đến thân Ngài cũng không tránh khỏi số phận ấy; nhân đó, Ngài dành lià ngôi vua, trốn cha lánh vợ, xa con, vào non Tuyết-lãnh tu khổ-hạnh sáu năm, để tìm đạo giải-thoát. Khi được chứng quả Niết-Bàn rồi mà cũng chưa vơi Nhập-diệt, Ngài đi thuyết Pháp trọn 45 năm, mong tiếp-độ chúng-sanh thoát-ly khổ-hải, Ngài mới mãn-nguyện. Ân-đức ấy, trời cao khó sánh, biển thẳm không bi nên chỉ, khi lễ Phật, cúng Phật, chúng ta phải nhớ đến ân-đức cao thâm ấy, rồi chuyển tri theo đạo hạnh của Ngài, nguyện tu theo chủ nghĩa từ, bi, bác - ái, tự-giác, giác-tha, thế mới gọi là lễ Phật, cúng Phật bằng cách chơn-chánh cao-thượng.

Trong sách Minh-Tám có mấy câu sau này, rất đúng chơn lý :

*Lễ Phật giả, Kính Phật chi đức,
Niệm Phật giả, Cảm Phật chi ân.
Khán kinh giả, Minh Phật chi lý.
Tọa thiền giả, Đăng Phật chi cảnh.*

Nghĩa là :

*Lạy Phật ấy, Kính đức của Phật.
Tưởng Phật ấy, Cảm tạ ơn của Phật.
Xem kinh ấy, Rõ lẽ của Phật.
Ngồi thiền ấy, Lên cõi của Phật.*

Vấn. — Tu cần phải ăn chay không ?

Đáp . — Ăn cách nào tu cũng được, tùy duyên mà ăn cho vừa có đủ sức lực dựng sống để hành đạo cho tinh-tấn. Ăn chay mà thân thể xanh xao, tinh-thần bạc-nhược thì rất hại ; đường

đạo đã không được tiến-hóa mà còn phải thoái-chuyển, trở-ngại cho sự tu-hành. Ăn chay như thế, thà là ăn mặn, ăn theo câu « *ăn mà sống, chứ không phải sống mà ăn* », phải nguyện cử ba món kể sau này, dầu không ăn nó mà phải chết cũng chẳng nên ăn :

1^o Thú mà người cố ý giết để cho ta ăn, và ta nghe tiếng nó kêu la ;

2^o Thú mà người cố ý giết để cho ta ăn, và ta đã thấy nó bị giết ;

3^o Thú mà ta biết hoặc nghi người giết cố ý để cho ta ăn.

Ba thứ thịt ấy gọi là « tam-linh-nhục ».

Dưới đây tôi xin trích soạn mấy điều xin của Ông Đề-Bà Đạt-Đa :

Ông Đề-Bà-Dạt-Đa là đệ-tử nghịch Phật, một ngày kia vào bạch với Phật như vậy : Bạch Đức Thế-Tôn, cầu xin Đức Thế-Tôn nhận chịu mấy lời đệ-tử xin sau này :

Xin Đức.Thế.Tôn buộc các Thầy Tỷ-khưu :

- 1.— Phải ở tú nơi rừng đến trọn đời ;
- 2.— Phải khát thực mà ăn đến trọn đời ;
- 3.— Phải ăn chay trường đến trọn đời ;
- 4.— Phải mặc y may bằng vải dơ lượm được đến trọn đời ;
- 5.— Phải tu gần cội cây đến trọn đời. »

Phật bèn đáp : « Đề-Bà-Dạt-Đa này ! Như-Lai không thể thuận theo lời của người xin đó đâu. Các thầy Tỷ-Khưu được phép :

- 1.— Tu ở rừng, ở núi, hoặc ở chùa ;

- 2.— Phải khổ thực mà ăn, nhưng khi có thí chủ thỉnh thì được phép đi dự trai-tăng ;
- 3.— Ăn chay hoặc ăn mặn theo tam-tịnh-nhục (là ba món đã kể trên) ;
- 4.— Phải mặc y may bằng vải - lượn được (1), nhưng khi có thí chủ dâng cúng y thì được phép thọ lãnh và mặc ;
- 5.— Được phép tu ở tịnh thất.

Sự giải thoát chẳng phải chỗ ăn chay hoặc ăn mặn, mà ở chỗ tịnh tam-nghiệp là :

Thân : Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm ;

Khẩu : Không nói dối, không chửi rủa, không đâm thọc, không nói lời vô-ích.

Ý : Không tham, không sân, không tà-kiến.

Ăn chay mà thân khẩu không lành, ý chứa gươm đao, giới luật không giữ thì đâu gọi là chay. Chay là lành, là trong sạch toàn cả thân, khẩu, ý.

Trong Phật-học đại tự-diễn có giải rằng : *Trai giả, khiết giả, trang giả, cung giả*. Chữ trai ấy nghĩa là : *sạch vậy, nghiêm vậy, kính vậy. Tỳ tâm viết trai : rửa lòng trong sạch gọi là trai vậy (2)*.

Ông Pierre Salet, dịch giả cuốn « Les paroles du Bouddha có trích diễn câu này : Ce qui nous rend impur, ce n'est pas manger de la viande, mais c'est la haine, l'intempérance, l'entêtement, la bigoterie, la fourberie, l'envie, l'orgueil, la complaisance pour les hommes injustes ».

Nghĩa là : Những điều làm cho chúng ta bất tịnh không phải là sự ăn thịt (ăn mặn), mà là lòng oán hận, không tiết độ, ngoan-ngạnh, mê-tin, gian xảo, lật-đổ, kiêu-căng, xu-hướng theo kẻ bất chánh.

(1) Rồi giặt sạch.

(2) Chữ trai tục thường gọi là chay. xem thêm trong « lịch sử Phật pháp ».

MỤC LỤC

LỄ BÀI TAM BẢO TÓM TẮT (TRAYAPRANĀMA SAMKHEPA)



LUẬT CƯ SĨ TÓM TẮT (GIHIVINAYA SAMKHEPA)



PHÁP TRÍCH LỤC



TRAYAPRANĀMA SAMKHEPA

LỄ BÀI TAM BẢO TÓM TẮT



I.— LỄ BÀI TAM BẢO TÓM TẮT

RATANATTAYA -
PŪJĀ

Imehi dīpadhūpā-
disakkārehi Bud-
dhaṇ Dhammaṇ
Sanghaṇ abhipūjayā-
mi mātāpitādīnaṇḡu-
navantānanca may-
haṇca dīgharattaṇ
atthāya hitāya sukhā-
ya.

BUDDHARATA-
NAPANĀMA
Namo tassa bhaga-
vato arahato sam-
māsambuddhassa.

LỄ CÚNG TAM BẢO

Tôi xin dâng các vật
lễ này, nhứt là nhang đèn
để cúng Phật, Pháp, Tăng,
Tam-Bảo, ngưỡng cầu cao
các bậc ân-nhân, nhứt là
cha-mẹ tôi và tôi đều
được sự tấn-hóa, sự lợi-
ích, sự bình an lâu dài.

(Lạy)

LỄ BÀI PHẬT BẢO

Tôi xin hết lòng thành
kính làm lễ đức Bhagava
đó (1). Ngài là bậc Ara-
han cao thượng, được

(1) Trong bộ kinh Tikkā namo có giải :

Namo sātāgiriṇ yakkho
tassa ca asurindako
bhagavato mahārājā
sakko arahato tathā
sambuddhassa mahābrahmā
ete pañca namassare

dịch : Sātāgiri Dạ xoa nói : namo

Atula Vương nói : tassa

Tứ đại thiên Vương nói : bhagavato

Đức Đế Thích nói : arahato

Đại Phạm thiên nói : sammāsambuddhassa

Đó là 5 vị trời tôn kính Phật trước hết

Nghĩa là : Tôi xin hết lòng thành kính làm lễ đức Bhagava đó...

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Yo sannisinno varabodhimūle māraṇsasenaṇ mahatiṇ vijeyyo sambodhimāgacchi anantaṇāno lokuttamotaṇ panamāmi Buddhaṇ.

Ye ca buddhā atitā ca ye ca buddhā anāgatā paccuppannā ca ye buddhā ahaṇ vandāmi sabbadā.

chứng quả Chánh Biến-Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

(*Đọc 3 lần, lay 3 lay*)

Đức Phật tham . thiền về số-tức-quan, ngồi trên Bồ-Đoàn, dưới bóng cây Bồ-Đề quý báu, và đắc thắng toàn bọn Ma-Vương mà thành bậc Chánh-đẳng Chánh-giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng-sanh, tôi xin hết lòng thành kính mà làm lễ Ngài.

(*Lay*)

Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá-khứ. Chư Phật sẽ thành Chánh-Giác trong kiếp vị lai, Chư Phật đang thành Chánh-Giác trong kiếp hiện tại này, tôi xin hết lòng thành-kính mà làm lễ Chư Phật trong Tam-Thế ấy.

(*Lay*)

BUDDHA GUNA

Itipi so Bhagavā

1— Arahāṇ

(Ứng-cung)

2— Sammāsambuddho

(Chánh-Biến-Tri)

3— Vijjācarana-sampanno.

(Minh - Hạnh - Túc)

4— Sugato

(Thiện-Thệ)

5— Lokavidū

(Thế-Gian-Giải)

6— Anuttaro

(Vô - Thượng-Sĩ)

7— Purisadammasārathi

(Điều-Ngự-Trượng-Phụ)

8— Satthādevamanussānaṇ

(Thiên-Nhơn-Sư)

ÂN ĐỨC PHẬT

1— Đức Thế-Tôn hiệu Arahāṇ bởi Ngài đã xa lìa các tội lỗi và tiền khiên tật rồi, nên thân và khẩu của Ngài đều được trọn lành.

2— Đức Thế-Tôn hiệu Sammāsambuddho bởi Ngài đã thành Bậc Chánh-đẳng-Chánh-giác, tự Ngài ngộ lấy không thầy chỉ dạy.

3.— Đức Thế-Tôn hiệu Vijjācaranasampanno bởi Ngài toàn đắc 3 cái giác, 8 cái giác và 15 cái hành.

4.— Đức Thế-Tôn hiệu Sugato bởi Ngài đã đi đến nơi an lạc, bất sanh bất diệt Đại-Niết-Bàn.

5.— Đức Thế-Tôn hiệu Lokavidū bởi Ngài đã thông suốt Tam-Giới.

6.— Đức Thế-Tôn hiệu Anuttaro bởi Ngài có đức hạnh không ai bì.

7— Đức Thế-Tôn hiệu Purisadammasārathi bởi Ngài là đấng tế-dộ những người hữu-duyên nên tế-dộ

8.— Đức Thế-Tôn hiệu Satthādevamanussānaṇ

9 — Buddho
(Phật)

10 — Bhagavā
(Thế-Tôn)

BUDDHA
ATTAPATENNA
Natthi me sannaṃ
annaṃ buddho me
saranaṃ varaṃ etena
saccavajjena hotu me
jayamaṅgalaṃ.

BUDDHA
KHAMĀPANA
Uttamaṅgena van-
de-haṃ pādapaṇsuṃ
varuttamaṃ Buddhē
yo khalito doso Bu-
ddho khamatu taṃ

bởi Ngài là thầy cả Chư-
Thiên và nhơn loại.

9. — Đức Thế-Tôn hiệu
Buddho bởi Ngài thông
thấu lý Tứ-Diệu-Đế, và
đem ra giáo hóa chúng
sinh cùng biết với.

10. — Đức Thế-Tôn hiệu
Bhagavā bởi Ngài đã
siêu-xuất Tam - Giới, tức
là Ngài không còn luân
hồi lại nữa. (Lạy)

LỜI BỐ CÁO
QUI Y PHẬT BẢO

Chẳng có chi đáng cho
tôi phải nương theo, chỉ
có Đức Phật là quý-báu,
nên tôi phải hết lòng
thành-kính mà nương
theo, dặng cầu sự an-lạc
đến cho tôi, y như lời
chơn thật này.

(Lạy)

SÁM HỐI PHẬT BẢO

Tôi xin hết lòng thành-
kính cúi đầu làm lễ
vi-trần dưới chân Đức
Phật, là Đấng Chí-Tôn
Chí-Thánh.

Các tội lỗi mà tôi đã
vô ý phạm đến Phật-Bảo,

mamaṇ.

DHAMMARATA- NAPANĀMA

Atthaṅgik āriya-
patho janānaṇ mok-
khappavesāya ujū ca
maggo dhammo.
ayamsantikaro paṇi-
to niyyāniko taṇ pa-
namāmi dhammaṇ.

Ye ca dhammā atītā
ca ye ca dhammā
anāgatā paccuppan-
nā ca ye dhammā
ahaṇ vandāmi sabba-
dā.

DHAMMA GUNA
1 — Svākkhāto
Bhagavatā

cúi xin Phật-Bảo xá tội
lỗi ấy cho tôi

(Lạy)

Các Pháp đúng theo Đạo
Bát-Chánh, là con đường
đi của bậc Thánh-Nhân,
là con đường chánh,
dẫn người hữu - chí
nhập Niết - Bàn được.
Pháp ấy là Pháp trừ-diệt
các sự lao-khổ và các
điều phiền-não, Phật-Bảo
là pháp chỉ dẫn chúng-
sinh thoát khỏi cái khổ
sinh-tử luân-hồi, tôi xin
hết lòng thành-kính mà
làm lễ Pháp ấy.

(Lạy)

Các Pháp của Chư Phật
đã có trong kiếp quá khứ,
các Pháp của Chư Phật
sẽ có trong kiếp vị-lai,
các Pháp của Chư Phật
đang giáo truyền trong
kiếp hiện tại này, tôi xin
hết lòng thành-kính mà
làm lễ các pháp trong
Tam-Thế ấy.

(Lạy)

ÂN ĐỨC PHÁP BẢO
1 — Svākhāto bhagavatā
nghĩa là Tam Tạng Pháp-

- | | |
|---------------------------------|---|
| | Bảo của Đức Thế-Tôn đã khẩu truyền y theo Chánh-Pháp. |
| 2 — Dhammo | 2 — Dhammo là Pháp Thánh có 9 hạng: 4 đạo 4 quả và 1 Niết-Bàn. |
| 3 — Sanditthiko | 3 — Sanditthiko là Pháp mà Chư Thánh đã thấy chắc, biết chắc bởi nhờ k ến-tánh chẳng phải vì nghe vì tin kẻ nào khác, nghĩa là tự mình thấy rõ Chơn-lý. |
| 4 — Akāliko | 3 — Akāliko là Pháp độ cho đắc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ. |
| 5 — Ehipassiko | 5 — Ehipassiko là Pháp của Chư Thánh đã đắc quả rồi, có thể ứng hóa cho kẻ khác biết được. |
| 6 — Opanayiko | 6 — Opanayiko là Pháp của chư Thánh đã có trong mình do nhờ phép thiền định. |
| 7 — Paccattan veditabbo Vinnūhi | 7 — Paccattan veditabbo Vinnūhi là Pháp mà các hàng trí-tuệ nhất là bậc Thượng-Trí được biết được thấy tự, nơi tâm. |

DHAMMA
ATTAPATĒṆĀ

Natthi me saraṇaṇ
annaṇ Dhammo me
saraṇaṇ varaṇ ete-
na saccavajjena hotu
me jayamaṅgaṇ.

DHAMMA
KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vande-
haṇ dhammaṇca du-
vidhaṇ varaṇ dham-
me yo khalito doso
dhammo khamatu
taṇ mamaṇ

SAṄGHARATA
NAPANĀMA

Saṅgho visuddho
vara dakkhineyyo
santindriyo sabba-
malappahīno gune-
hinekehi samiddhi-
patto anāsavo taṇ
panamāmi Saṅghaṇ

LỜI BỔ CÁO QUI_Y
PHÁP BẢO

Chẳng có chi đáng
cho tôi phải nương theo
chỉ có Đức Pháp là quý-
báu, nên tôi phải hết
lòng thành kính mà
nương theo, dặng cầu sự
an-lạc đến cho tôi, y như
lời chơn thật nầy.

SÁM HỐI PHÁP BẢO

Tôi xin hết lòng thành
kính, cúi đầu làm lễ hai
hạng Pháp-Bảo là Pháp-
học và Pháp-hành. Các
tội lỗi mà tôi đã vô ý
phạm đến Pháp-Bảo, cúi
xin Pháp-Bảo xá tội lỗi
ấy cho tôi.

(Lạy)

LỄ BÀI TẶNG-BẢO

Chư Thánh-Tăng đã
được trong sạch quý báu,
là bậc đáng cho người
dâng lễ cúng dường, vì
lực căn của các Ngài đã
thanh tịnh, lòng tham
muốn đã dứt trừ; là Tăng
đã thoát ly trần tục,
tôi xin hết lòng thành

Ye ca Saṅghā atī-
tā ca ye ca saṅghā
anāgatā paccuppan-
nā ca ye Saṅghā ahaṇ
vandāmi sabbadā

SANGHA GUNA

1 — Suppatipanno-
Bhagavato
Sāvakaśaṅgho

2 — Ujupatipanno
Bhagavato
Sāvakaśaṅgho

3 — Nāyapatipanno
Bhagavato
Sāvakaśaṅgho

kính mà làm lễ Chư
Thánh-Tăng ấy. (Lay)

Chư Tăng đã đắc đạo
cùng quả trong kiếp quá
khứ, Chư Tăng sẽ đắc
đạo cùng quả trong kiếp
vị lai, Chư Tăng đản
đắc đạo cùng quả trong
kiếp hiện tại này, tôi xin
hết lòng thành kính mà
làm lễ Chư Thánh Tăng
trong Tam Thế ấy.

(Lay)

ÂN ĐỨC TĂNG-BẢO

1 — Suppatipanno bha-
gavato sāvakaśaṅgho Tăng
là các bậc Thánh-văn đệ
tử Phật, các Ngài đã tu
hành chính chắn y theo
Thánh-Pháp.

2 — Ujupatipanno bha-
gavato sāvakaśaṅgho
Tăng là các bậc Thánh-
Văn đệ tử Phật, các Ngài
đã tu hành chính chắn y
theo Chánh-Pháp.

3 — Nāyapatipanno bha-
gavato sāvakaśaṅgho
Tăng là các bậc Thánh
Văn đệ-tử Phật, các Ngài
tu-hành để giác-ngộ Niết-
Bàn, là nơi an-lạc dứt
khỏi các sự thống khổ.

4— Sāmīcipatipanno
no

Bhagavato
Sāvakasangho

5.— Yadidaṇ Cattāri
Purisayugāni

6.— Attha Purisa-
puggalā

4— Sāmīcipatipanno
bhagavato sāvakasangho
Tăng là các bậc Thánh
Văn đệ-tử Phật các Ngài
đã tu theo phép giới định
tuệ.

5— Yadidaṇ cattari pu-
risayugāni Tăng nếu đếm
đôi thì có bốn bậc :

Tăng đã đắc đạo cùng
quả Tu-Đà-Hườn ;

Tăng đã đắc đạo cùng
quả Tư-Đà-Hàm ;

Tăng đã đắc đạo cùng
quả A-Na-Hàm ;

Tăng đã đắc đạo cùng
quả A-la-Hán.

6— Attha purisapuggalā
Tăng nếu đếm chiếc thì
có tám bậc :

Tăng đã đắc đạo Tu-
Đà-Hườn ;

Tăng đã đắc quả Tu-
đà-Hườn ;

Tăng đã đắc đạo Tư-
đà-Hàm ;

Tăng đã đắc quả Tư-
Đà-Hàm ;

Tăng đã đắc đạo A-
Na-Hàm ;

Tăng đã đắc quả A-
Na-Hàm ;

7— Esa Bhagavato
Sāvakaṅgho :

8— Āhuneyyo

9— Pāhuneyyo :

10— Dakkhineyyo

11— Anjalikaraya-
nīyo

12 — Anuttaraṇ
Punnakkhettaṇ Lo-
kassa

Tăng đã đắc đạo A-
La-Hán ;

Tăng đã đắc quả A-La-
Hán.

7 — Esa bhagavato sāvakaṅgho Chư-Tăng ấy là bậc Tuệ-Văn Đệ-Tứ Phật.

8 — Āhuneyyo : Các Ngài đáng thọ lãnh bốn món vật-dụng của Tín-thí, ở phương xa đem đến dâng cúng cho những người có giới hạnh.

9 — Pāhuneyyo Các Ngài đáng thọ lãnh của Tín-thí, mà họ dành để cho thân - quyến cùng bạn bè ở các nơi, nhưng họ lại đem đến dâng cúng cho các Ngài.

10— Dakkhineyyo Các Ngài đáng thọ lãnh của Tín-thí tin lý hơn quả đem đến dâng cúng.

10 — Anjalikarānīyo Các Ngài đáng cho chúng sanh lễ bái.

12 — Anuttaraṇ punnakkhettaṇ lokassa Các Ngài là phước-

**SANGHA ATTAPA-
TENNA**

Natthi me saranan
annaṃ Sangho me sa-
ranan varan etena
saccavajjenahotu me
jayamangalan.

**SANGHA KHA-
MĀPANA**

Uttamangenavan-
dehan Saṅghanca du-
vidhottaman sanghe
yo khalito doso saṅ-
gho khamatu taṃ ma-
maṇ.

diền của chúng sanh
không đâu bì kịp.

(Lay)

**LỜI BỒ CÁO QUI Y
TẶNG BẢO**

Chẳng có chi đáng cho
tôi phải nương theo, chỉ
có Đức Tăng là qui báu,
nên tôi phải hết lòng
thành kính mà nương
theo, đặt cầu sự an lạc
đến cho tôi (y như lời
chơn thật này).

SĀM HŌI TĀNG BĀO

Tôi xin hết lòng thành
kính cúi đầu làm lễ hai
bậc Tăng bảo là Phạm
Tăng và Thánh Tăng ;
các tội lỗi mà tôi đã vô ý
phạm đến Tăng bảo cúi
xin Tăng bảo xá tội lỗi ấy
cho tôi. (Lay)

*LỄ BAI TAM BẢO TÓM TẮT CHUNG
VỚI SỰ DẪNG LỄ VẬT CỨNG DƯỜNG*

Ītipi so bhagavā arahan sammāsambuddho
vijjācaranasampanno sugato lokavidū anuttaro

**purisadammasārathi satthādevamanussānaṃ
buddho bhagavā ' ti.**

(nên tụng luôn pāli và nghĩa theo hiệu Phật)

**Taṃ arahā^{1a}diguṇasaṃ yuttaṃ buddhaṃ sīrasā
namāmi.**

Tôi xin thành kính cúi đầu làm lễ đức Chánh
biến tri, Ngài đã có đầy đủ cả đức tính, nhưt
là đức Arahant.

Tāca buddhaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Tôi xin thành kính cúng dường đức Chánh đẳng
Chánh giác, bằng các lễ vật gồm có bấy nhiêu

(Lay)

**Svākkhāto bhagavatā dhammosandittthiko
akāliko ehipassiko opanayiko paccattaṃ vedīta-
bo vinnuhi ' ti.**

(nên tụng luôn pāli và nghĩa theo hiệu Pháp).

**Taṃ svākkhātādiguṇasaṃ yuttaṃ dhammaṃ
sīrasā namāmi.**

Tôi xin thành kính cúi đầu làm lễ đức Pháp,
đã có đầy đủ cả đức tính, nhưt là đức Svākkhāto.

**Tāca dhammaṃ imehi sakkārehi abhipūja-
yāmi.**

Tôi xin thành kính cúng dường đức Pháp,
bằng các lễ vật gồm có bấy nhiêu.

(Lay)

Supatipanno bhagavato sāvakasaṅgho ujū-

patipanno bhagavato sāvakaśaṅgho naya-pa-ti-
panno bhagavato sāvakaśaṅgho sāmīcīpa-ti-
panno bhagavato sāvakaśaṅgho ya-dīdaṇ cattāri puri-sa-
yugaṇi attha purisa-puggalā esa bhagavato sāva-
kaśaṅgho āhuneyyo pāhuneyyo dakkhineyyo
aṇḍalīkaraniyo anuttaraṇ pūnna-kkhettaṇ loka-
ssa ' ti.

(nên tụng luôn pāli và nghĩa theo hiệu Tăng).

Taṇ supatipannādiguṇasaṇ yuttaṇ saṅghaṇ
sīrasā namāmi.

Tôi xin thành kính cúi đầu làm lễ đức Tăng
đã có đầy đủ cả đức tính, nhưt là đức Supatipanno.

Taṇca saṅghaṇ imehi sakkārehi abhipūja-
yāmi

Tôi xin thành kính cúng dường đức Tăng,
bằng các lễ vật gồm có bấy nhiêu.

(Lay)



GIHIVINAYA SANKHEPA

LUẬT CƯ-SỈ

TÓM - TẮT

II. — LUẬT CƯ SI TÓM TẮT
(GIHIVINAYA SAMKHEPA)
PHÉP TU BƯỚC ĐẦU
(Pubbabhāgapatipatti)

Những người có lòng tin tưởng đến ân đức Tam-Bảo và muốn qui y làm Thiện-Nam (Upāsaka) hoặc Tin-nữ (Upāsikā) là phép tu bước đầu, cho đứng chín chân theo bốn phần người cư-sĩ, trước hết phải tỏ lời sám hối giữa Tam-Bảo, (đối trước tượng Phật, hoặc trước tháp thờ Xá-Lị, hoặc trước mặt 1, 2, 3, vị Tỳ-Khưu, hoặc trước mặt Tăng chúng, là từ bốn thầy Tỳ-khưu trở lên, mà sám hối cũng được.)

Trước phải làm phép sám hối, rồi sau mới thọ Tam qui để làm Thiện-nam hoặc Tin-nữ trong Đạo-Phật, mới đứng theo luật Tại-gia-cư-sĩ, xong rồi phải xin thọ trì NGŨ-GIỚI cho đến trọn đời, nếu có lòng tin thành sốt sắng hơn, nên thọ trì Bát-Quan Trai-Giới theo ngày đã định, càng được thêm phước.

Nếu chỉ có một người nam hoặc một người nữ làm phép sám hối thì phải đọc như sau này :

Accayo maṇ bhan-
te accagamā yathā-
bālaṇ yathāmulhaṇ
yathā akusalaṇ

yo }
yā } haṇ

bhante kāyena vā
vācāya vā manasā

vā } bhagavato }
buddhassa } vā

Dhammassa vā Saṅ-
ghassa vā agāraṇ
akāsiṇ.

ta ssa }
ssā } me bhante

Bhagavā }
ayyo }
ayyā } accayaṇ
Sangho }
Accayato }

patiggaṇha }
tu }
tu }
ntu }
tu }

āyatiṇ saṇvarāya.

Bạch : Đức Thế-Tôn
: Ngài
: Các Ngài
: Đại Đức Tăng

Vì tôi là người dốt
nát, lăm lặc, và không
minh mẫn, nên đã phạm
các tội lỗi.

Bạch : Đức Thế-Tôn
: Ngài
: Các Ngài
: Đại Đức Tăng

Sợ e tôi đã dễ dãi, không
đem lòng thành kính, do
thần khẩu ý của tôi bất-
lịnh mà phạm đến Phật,
Pháp, Tăng.

Bạch : Đức Thế-Tôn
: Ngài
: Các Ngài
: Đại Đức Tăng

Cầu xin : Đức Thế-Tôn
: Ngài
: Các Ngài
: Đại Đức Tăng

Xá tội lỗi ấy cho tôi, bởi
các tội lỗi ấy là quấy thật,
đặng cho tôi làm những
việc lành từ nay về sau.

Xong rồi, thầy Tỷ-Khuru hoặc chư Tăng chứng minh nơi ấy phải nhận bằng tiếng « Sādhū », nghĩa là phải rồi, đúng rồi.

Nếu có nhiều thiện-tín, từ hai người trở lên, đồng lòng xin sám hối một lượt thì đọc :

Accayo no bhante
accagamā yathābā
le } yathāmu } lhe
lā } } lhā
yathāakusa } le } ye
 } lā } yā
mayan
bhante kāyena vā
vācāya vā manasā vā
bhaga- } vā dham-
vato } massa
budd- } vā sangha-
hassa } ssa vā
agāraṇa } tesaṇ
akarimhā } tāsaṇ
no { bhagavā }
bhante { ayyo } acca-
 { ayyā } yaṇ
 { sangho }
accayato } tu
 } tu
patiggaṇha } ntu
 } tu
āyatiṇ saṇvarāya.

Nghĩa như trước, chỉ khác nhau là đổi « tôi » ra « chúng tôi ».

Khi đã làm lễ sám-bối giữa Tam-Bảo rồi, nên xin thọ tri tam qui (Qui y Phật, Qui y Pháp, Qui y Tăng), mới dùng theo phép tu của Thiện-nam hoặc Tin-nữ trong Phật Pháp.

Phép qui y trước mặt 1, 2, 3, thầy Tỷ-Khuru, hoặc giữa Tăng-Chúng đều được cả. Nếu chỉ có một người nam hoặc một người nữ làm phép qui y trước mặt thầy Tỷ-Khuru hoặc giữa Tăng-Chúng thì phải đọc như vậy :

Esāhaṇ bhante su-
ciraparinibbutampi
taṇ bhagavantaṇ
saranaṇ gacchāmi
dhammanācābhikkhu-
saṅghaṇca.

upā } sakaṇ
 } sikaṇ

maṇ } ayyo { cāre } tu
 } ayyā { } ntu
 } saṅgho { } tu

ajjātagge pāṇupe-
taṇ saranaṇ gataṇ

Bạch Ngài

: Các ngài

: Đại Đức Tăng

Tôi cầu xin thọ phép
qui y Phật đã nhập Niết-
Bàn, cầu xin thọ phép qui
y Pháp, cầu xin thọ phép
qui y Tăng.

Cầu xin : Ngài

: Các ngài

: Đại Đức Tăng

nhận biết cho tôi là
người: Thiện-Nam, Tin-Nữ
đã qui y Tam-Bảo kể từ
ngày nay cho đến trọn đời

Xong rồi thầy Tỷ-Khuru hoặc Tăng-Chúng phải nhận bằng tiếng : « Sādhū ».

Nếu có nhiều Thiện-Tín, từ 2 người trở lên, đồng lòng xin thọ phép qui y, thì đọc :

E } te }
 } tā } mayā

bhante sucirapari-
nibbutampi taṇ sa-

ranāṇ gacchāma
 dhammaṇca bhik-
 khusaṅghaṇca
 upā { sake }
 { sikāyo } no
 ayyo { }
 ayyā { dhāre } tu
 sangho { } ntu
 ajjatagge { te }
 pāṇupe { tã }
 saraṇaṇ ga { te }
 { tã }

Nghĩa như trên, chỉ
 khác nhau chỗ gọi « tôi »
 thì đổi lại « chúng tôi »

Nếu chỉ có một người nam hoặc một người nữ
 đối trước tượng Phật, hoặc trước tháp thờ Xá-Lị
 mà làm phép qui y thì đọc :

Esahāṇ bhante bha-
 gavanāṇ saraṇaṇ
 gacchāmi dham-
 maṇca bhikkhusaṅ-
 ghaṇca
 upā { sakaṇ }
 { sikaṇ }
 maṇ bhagavā dhā-
 retu ajjatagge pā-
 nupetaṇ saraṇaṇ
 gataṇ

Nghĩa như trên chỉ
 khác nhau chỗ gọi : bạch
 ngài, cá : ngài Đại-Đức-
 Tăng, thì đọc :

Bạch : Đức Thế-Tôn

GIẢI VỀ PHÁP HIỆU GỌI «THIỆN-NAM»,
«TÍN-NỮ» VÀ PHÁP CỦA NGƯỜI TẠI GIA TÍN
NGƯỠNG PHẬT PHÁP, NHƯT LÀ GIẢI VỀ
GIỚI LUẬT.

Những người có pháp hiệu gọi là Thiện-nam hoặc Tín-nữ, vì đã qui y Tam-Bảo y theo lời của Đức Thế-Tôn đã thuyết cho Đại-Đức **Mahānāmasakyarāja** rằng: «**Mahānāma** này! Những cư sĩ nào đã qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng, thì được gọi là Thiện-nam hoặc «Tín-nữ»,

Phạm ngữ có nói «**Ratanattayan upāsati upāsako**», nghĩa là: người nào vào ngồi gần Tam-Bảo, thì được gọi là Thiện-Nam (1).



GIỚI CỦA THIỆN-NAM VÀ TÍN-NỮ

Phạm ngữ có nói: «**Pāṇcavirati cetanā**» nghĩa là: «Cái tác ý chừa cải năm điều oan-kết, gọi là giới luật của Thiện-Tin», y theo lời của Đức Thế-Tôn đã giải cho **Mahānāmasakyarāja**

(1) Tiếng UPĀSAKA là chỉ về cái ý, nếu có người nào ở xa, nhưng ý hằng tưởng đến Tam-Bảo, nương theo Tam-Bảo, thì cũng gọi là người vào ngồi gần Tam-Bảo vào ngồi gần mà ý không tin tưởng đến Tam-Bảo thì gọi là người ở xa Tam-Bảo, như thế, không phải là người Thiện-Nam.

rằng : **Mahānāma** này, người nào chứa cả

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1.— Sự sát sanh | 2.— Sự trộm cắp. |
| 3.— Sự tà-dâm, | 4.— Sự nói dối. |
| 5.— Sự uống rượu, | |

Người ấy gọi là Thiện-nam ; Tín-nữ có giới.



PHÉP CHÁNH-MẠNG CỦA THIỀN-NAM VÀ TÍN-NỮ

Sự tránh khỏi năm nghề buôn bán tà và ở theo phép nuôi mạng chơn chánh gọi là phép Chánh-mạng của Thiện-Tín. Theo lời của Đức Thế-Tôn đã giải cho các thầy Tỷ-Khuru rằng : « Các thầy Tỷ-Khuru này! những người Thiện-Tín không nên phạm đến năm điều buôn bán tà, là :

- 1.— Nghề buôn bán khi giới (**Satthavanijjā**) tự mình làm, hoặc liệu kẻ khác làm, hoặc có khi giới ấy vì một cơ nào, rồi đem đi bán.
- 2.— Nghề buôn bán người (**Sattavanijjā**)
- 3.— Nghề buôn bán thịt thú (1) (**Maṇsavānījā**)
- 4.— Nghề buôn bán rượu (**Majjavānījā**)
- 5.— Nghề buôn bán thuốc độc (**Visavanijjā**).

Những người Thiện-Tín tránh khỏi nghề buôn bán tà ấy, và nuôi mạng được chơn chánh, gọi là ở theo phép Chánh mạng.



ĐIỀU HẠI CỦA THIỀN-TÍN

Những việc làm cho giới luật và chánh mạng của Thiện-tín hư hại có năm điều :

(1) Và nuôi thú để bán.

1.— Không tin tưởng ân đức Tam-Bảo (**Asaddho hoti**)

2.— Pná giới (**Dussīlo hoti**)

3.— Không quyết định (**Kotuhalamāṅgaliko hoti**)

4.— Chấp kẻ có tà thuật cho sự tội phước, không tin sự tội, phước, do nơi nghiệp mà sanh ra (**Māṅgalaṇaṃ pacceti no kammaṇ**)

5.— Chỉ tìm làm phước nơi người ngoại đạo (**Iti ca bahiddhā dakkhiṇeyyaṇaṃ gavesati tattha ca pubbakāraṇaṃ koroti**)

Những người Thiện-tín đã phạm một trong năm điều đã kể trên, thì gọi là người Thiện-Tín đáng cho các bậc Thiện tri thức khinh bỉ.



VIỆC LỢI CỦA THIỀN TÍN.

Những việc làm cho giới luật và chánh mạng của Thiền-tín được lợi ích có năm điều :

1— Có đức tin chắc trong Đức Tam - Bảo (**Saddho Hoti**)

2— Có giới (**Sīlavā hoti**)

3— Có tâm quyết định (**Na kotuhalaman-galiko hoti**)

4— Tin lý nhân quả ; không tin kẻ có tà thuật ngoại đạo (**Kammaṇaṃ pacceti nomāṅgalaṇaṃ**).

5— Không xu hướng theo kẻ tà đạo, và chỉ tìm làm phước nơi bậc **dakkhiṇeyyapuggalā**, là bậc tu có giới trong sạch, đáng thọ lãnh vật thí của người tin lý nhân quả đem dâng cúng (**Na ito bahiddhā dakkhiṇeyyaṇaṃ gavasati idha ca pubbakāraṇaṃ karoti**).

Những người Thiện-Tin đã tu hành theo năm điều lợi ích này gọi là : Thiện-Tin cao thượng ví như hồng liên (**Upāsakapaduma**) hoặc gọi là Thiện-Tin như bạch liên vậy (**Upāsakapundarika**).



ĐỨC CỦA THIỆN-TÍN

Phép để cho Thiện-nam Tín-nữ tu hành, tăng thêm đạo đức có 10 điều :

- 1— Thiện-Tin chia vui, chia khổ với Tăng ;
- 2— Thiện-Tin có thân và khẩu trong sạch ;
- 3— Thiện-Tin lấy pháp là quan-trọng, là mỗi khi làm công việc gì đều phải lấy pháp là lớn, là gốc, là chánh đứng đầu không khi nào sai lạc ;
- 4— Hay ưa thích sự bố thí tùy sức mình ; có ít bố thí ít, có nhiều bố thí nhiều, không cho lòng bôn xên làm chủ ;
- 5— Siêng năng trong việc học hỏi cho thấu rõ lý đạo của Phật đã giáo truyền ;
- 6— Có chánh kiến, là có tri-huệ thấy biết điều phải lẽ quấy ;
- 7— Tránh xa những người không có ý quyết định, và không tin kẻ có tà thuật cho họa phước, chỉ tin lý nhân quả, làm lành được quả vui, gây dữ mang quả khổ ;
- 8— Không quên Tam-Bảo, dầu gặp nạn đến nỗi hại mình, cũng không xu hướng theo kẻ khác và kính họ làm thầy, cho họ là cao thượng hơn Tam-Bảo ;
- 9— Ưa thích pháp hòa hợp ;
- 10— Tu hành chín-chắn theo Phật-Pháp ;

Các Thiện-Tin phải hết lòng ở theo 10 phép ấy, là đức tính làm cho mình mau được kết-quả mỹ-mãn, mà cũng là duyên lành của Niết-Bàn vậy.



PHÉP THỌ NGŨ-GIỚI

Những người đã thọ phép Tam Qui rồi được gọi là Thiện-Nam hoặc Tin-Nữ, nếu muốn thọ ngũ giới, phải xin thọ nơi thầy Tỷ-Khuru hoặc Sa-di.

Trước hết phải đọc « bài lễ cúng Tam-Bảo » tưởng đến ân đức Phật, Pháp, Tăng, rồi mới nên đối trước mặt thầy Tỷ-Khuru hoặc Sa-di mà xin thọ ngũ giới, bằng lời sau này :

Ukāsa { Ahaṇ }
 { Mayaṇ } bhante

Visuṇ visuṇ rakkha-
natthāya tisananena
saha paṇca sīlāni

yācā { mi
 { ma

Dutiyampi { Ahaṇ }
 { Mayaṇ } bhante

Visuṇ visuṇ rak-
khanatthāya tisara-
nena saha paṇca
sīlāni

yācā { mi
 { ma

Bạch Ngài { tôi
 { chúng tôi

xin thọ trì ngũ giới nơi
Tam-Bảo, đề vâng giữ
hành theo cho được sự
lợi ích.

Bạch Ngài { tôi
 { Chúng tôi

xin thọ trì ngũ giới
nơi Tam-Bảo, đề vâng giữ
hành theo cho được sự lợi
ích, lần thứ nhì.

Tatiyaṃpi { Ahaṇ { { Mayaṇ {	bhante	Bạch ngài { tôi
Visuṇ visuṇ rak-		chúng tôi
khanatthāya tisara-		xin thọ trì ngũ giới nơi
nena saha pāṇca		Tam-Bảo, để vàng giữ
sīlāni		hành theo cho được sự
yācā { mi		lợi ích, lần thứ ba
{ ma		

Xong rồi ông thầy chứng minh nơi ấy, phải đọc bài sau này ba lần :

« Namo tassa bhagavato arahato sam-māsambuddhassa ».

« Tôi xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahān cao thượng, được chứng quả Chánh-Biến-Tri, do Ngài tự ngộ không thầy chỉ dạy ».

Ông thầy đọc tiếp bài qui y Tam-Bảo, người thọ giới cũng phải đọc theo :

Buddhaṇ saraṇaṇ	Tôi đem hết lòng thành
gacchāmi.	kính xin qui y Phật.
Dhammaṇ sara-	Tôi đem hết lòng thành
ṇaṇ gacchāmi	kính xin qui y Pháp.
Saṅghaṇ saraṇaṇ	Tôi đem hết lòng thành
gacchāmi	kính xin qui y Tăng.
Dutiyampi Bud-	Tôi đem hết lòng thành
dhaṇ saraṇaṇ gac-	kính xin qui y Phật, lần
chāmi;	thứ nhì;

Dutiyampi Dham-
maṇ saraṇaṇ gac-
chāmi ;

Dutiyampi Sa-
ghaṇ saraṇaṇ gac-
chāmi ;

Tatīyampi Bu-
dhaṇ saraṇaṇ gac-
chāmi ;

Tatīyampi Dham-
maṇ saraṇaṇ gac-
chāmi ;

Tatīyampi Sa-
ghaṇ saraṇaṇ gac-
chāmi ;

Ông thầy đọc :

«Tisaraṇaggahanaṇ Paripunṇaṇ».

«Phép qui y Tam-Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu»,

Người thọ tam qui phải đọc lời sau này :

«Āma bhante» nghĩa là «Dạ, Vâng».

Ông thầy đọc : (người thọ ngũ giới phải đọc theo).

1— Pānātipātā ve-
ramaṇī sikkhāpadaṇ
samādiyāmi

2 — Adinnādānā
veramaṇī sikkhā-
padaṇ samādiyāmi

Tôi đem hết lòng thành
kính xin qui y Pháp, lần
thứ nhì ;

Tôi đem hết lòng thành
kính xin qui y Tăng, lần
thứ nhì ;

Tôi đem hết lòng thành
kính xin qui y Phật lần
thứ ba ;

Tôi đem hết lòng thành
kính xin qui y Pháp lần
thứ ba ;

Tôi đem hết lòng thành
kính xin qui y Tăng lần
thứ ba ;

1— Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
sự giết thác loài sanh-
mạng ;

2 — Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh
xa sự trộm cắp.

3—Kāmesumicchā-
cārā veramanī sik-
khāpadaṇ samādi-
yāmi ;

4—Musāvādā vera-
manī sikkhāpadaṇ
samādiyāmi

5 — Surāmeraya-
majjappamādatthānā
veramanī sikkhāpa-
daṇ samādiyāmi

Ông thầy đọc :

«Imāni panca sikkhāpadāni sādhuṇ katvā
appamādena niccakālaṇ sammāra-kkhitabbaṇ ».

«Người (hoặc các người) nên thọ trì ngũ giới
này cho được trong sạch, phải vâng giữ hành theo
cho đến trọn đời, chẳng nên dễ dãi».

Người thọ giới đọc :

«Āma bhante» nghĩa là « Dạ, vâng ».

Ông thầy giải về quả báo trong việc trì giới :

Sīlena sugatiṇ
yanti sīlena bhoga-
sampadā sīlena nib-
butiṇ yanti tasmā
sīlaṇ visodhaye

3 — Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
sự tà dâm.

4 — Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
sự nói dối.

5 — Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
sự dễ dãi uống rượu.

Các chúng sanh được
sinh về cõi trời cũng nhờ
giữ giới. Các chúng sanh
được giàn sang cũng nhờ
giữ giới. Các chúng sanh
được giải thoát nhập Niết-
Bàn cũng nhờ giữ giới;
Bởi các cơ ấy, nên người
(hoặc các người) phải rán
thọ trì giới luật cho trong
sạch, đừng cho lấm nhơ.

Người thọ giới trả lời «Sādhu» (Phải rồi).

PHÉP THỌ GIỚI BÁT QUAN TRAI

Những người Thiện-Tín cầu xin thọ giới Bát-Quan-Trai, trước ngày hạn kỳ thọ giới, phải sắp đặt cho xong xuôi công nghệ của mình làm trong ngày thường, đừng sáng ra xin thọ giới cho được trong sạch, khỏi bị việc trần ràng buộc.

Đến kỳ, sáng phải thức cho sớm, dọn mình cho sạch sẽ rồi mới nên đi thọ giới, nếu đi được trong lúc rạng đông thì tốt, bằng không có thể đi thọ được, phải đổi trước kim thân, mà phát nguyện như sau :

Ajja uposatho im-
ānca rattiṃ imaṅca
divasaṃ
uposathi { ko
 kā
bhavissāmi

Nay là ngày phải thọ
tri giới bát-quan-trai, tôi
là người thọ tri giới bát-
quan-trai trọn ngày nay
và đêm nay.

Nếu không thuộc tiếng Phạn thì phát nguyện bằng tiếng Việt-Nam cũng được.

Sau khi đã nguyện phải giữ một lòng, không nên phạm điều học mà mình đã thọ tri. Nếu tiện thì phải đi xin thọ giới nơi thầy Tỷ-Khưu hoặc Sa-Di, dầu khi mặt trời đã lên cao rồi, mà mình mới đi thọ giới, thì cũng gọi rằng được thọ trọn một ngày một đêm vậy : bởi mình đã có phát nguyện rồi, phước báo cũng bằng nhau.

Khi đối trước mặt thầy Tỷ-Khưu hoặc thầy Sa-Di, mà xin thọ giới bát-quan-trai, trước hết phải đọc bài làm lễ Tam Bảo, sau mới xin thọ giới

Xin thọ giới bát-quan-trai phải đọc như sau này :

Ukāsa { Ahan }
 { Mayan } bhante

Visuṇ visuṇ rakkha-
natthāya tisananena
saha atthangasaman-
nāgatan uposathan

yācā { mi }
 { ma } { anuggahan
 katvā silan
 detha }
 me } bhante
 no }

Dutiyampi { Ahan }
 { Mayan } bhante

Visuṇ visuṇ rakkha-
natthāya tisananena
saha atthangasaman-
nāgatan uposathan

yācā { mi }
 { ma } { anuggahan
 katvā silan
 detha }
 me } bhante
 no }

Tatīyampi { Ahan }
 { Mayan } bhante

Visuṇ visuṇ rak-
khanatthāya tisa-
nana saha atthanga-
samannāga tan uposa-
than.

yācā { mi }
 { ma } { anuggahan
 katvā silan
 detha }
 me } bhante
 no }

Bạch ngài { tôi
 { chúng tôi

Xin thọ tri bát-quan-trai-giới chung với tam-qui để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Xin các Ngài thương xót tế độ cho giới đến tôi.

Bạch ngài { tôi
 { chúng tôi

Xin thọ tri bát-quan-trai-giới chung với tam-qui để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, xin các Ngài thương xót tế độ cho giới đến tôi, lần thứ nhì.

Bạch ngài { tôi
 { chúng tôi

Xin thọ tri bát-quan-trai-giới chung với tam-qui để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, xin các Ngài thương xót tế độ cho giới đến tôi, lần thứ ba.

Xong rồi ông thầy truyền giới đọc bài Na-mo ; ba lần, và Tam-Quí, mình phải đọc theo, y như trong phép thọ Ngũ-giới đã có giải.



BÁT QUAN TRAI GIỚI

1— Pānātipātā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

2 — Adinnādānā veramanī. sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

3—Abrahmacariyā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

4— Musāvādā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

5 — Surāmeraya-majjappamādatthā nā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

6— Vikālabhojanā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

1.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng.

2.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thông dâm.

4.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.

5.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ dãi uống rượu.

6.— Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.

7— Naccagītavādi-
tavisūkadassanamālā
gandhavilepanādhā -
ranamandanavibhū -
sanatthānā veramanī
sikkhāpadaṇ samādi-
yāmi.

8—Uccāsayanama-
hāsayanā veramanī
sikkhāpadaṇ samā-
diyāmi.

7.— Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
sự múa hát thổi kèn,
đờn, xem múa hát,
nghe đờn kèn và trang
điểm, thoa vật thơm, bôi
phấn, đeo tràng hoa.

8.— Tôi xin vâng giữ
điều học là cố ý tránh xa
chỗ nằm, ngồi nơi quá
cao và xinh đẹp.

Xong rồi người xin thọ giới đọc

Imaṇ atthaṅgasa-
mannāgataṇ budd-
happannattaṇ upo-
sathaṇ imaṅca rattiṇ
imaṅca divasaṇ sam-
madeva abhirakkhi-
tuṇ samādiyāmi.

Tôi xin thọ trì bát-quan-
trai giới trọn đủ tám điều
của Đức Phật đã giáo
truyền, hầu để vâng giữ
hành theo cho được trong
sạch trọn ngày nay và
đêm nay, mong cầu gieo
được giống lành, để thấy
rõ Niết-Bàn trong ngày
vị lai.

Xong rồi ông thầy truyền giới đọc bằng lời sau
này để nhắc nhở cho mình ghi nhớ :

Imāni attha sik-
khāpadāni uposatha-
sīlavasena imaṅca
rattiṇ imaṅca diva-
saṇ sādhuṇ kat-
vā appamādena sam-
mā rakkhitabbaṇ.

Người nên thọ trì bát-
quan-trai giới cho trong
sạch trọn ngày nay và
đêm nay không nên để
đuôi.

Người xin thọ giới đọc « **Amā bhante** »
(Dạ xin vâng).

Xong rồi ông thầy giải về quả báo trì giới :

Sīlena	suggatiṇ	Nghĩa như trước
yanti	sīlena bhoga-	
sampadā	sīlena nib-	
butiṇ	yanti tasmā	
sīlaṇ	visodhaye	

Người thọ giới đọc « **Sādhū** » (Phải rồi)



CHI CỦA NGŨ GIỚI

Giới sát sanh có 5 chi :

- 1.— Chúng sanh có thức tánh (**Pāṇo**)
- 2.— Biết chúng sanh có thức tánh (**Pāṇasaññitā**)
- 3.— Tính giết (**Vadhakacittaṇ**).
- 4.— Rán sức giết (**Upakkamo**).
- 5.— Chúng sanh chết bởi sự rán sức ấy (**Tena maraṇaṇ**).

Giới trộm cắp có 5 chi :

- 1.— Vật có chủ gìn-giữ (**Parapariggahitaṇ**).
- 2.— Biết rằng vật có chủ gìn-giữ (**Parapariggahitasaññitā**).
- 3.— Tính trộm cắp (**Theyyacittaṇ**).
- 4.— Rán sức trộm cắp (**Upakkamo**).
- 5.— Trộm cắp được bởi sự rán sức ấy (**Tena haraṇaṇ**).

Giới tà dâm có 4 chi :

- 1.— Người nữ không nên tà dâm, nghĩa là gái có người gìn-giữ (**Agamanīyatthāṇaṇ**.)

2.— Tính tà dâm với gái đó (**Tasmiṇsevana-cittan**).

3.— Rán sức tà dâm (**Upakkamo**.)

4 — Đã tà dâm (**Maggena maggappatī pādanan**).

Giới nói dối có 4 chi :

1 — Điều không thật (**Atathan vatthu**).

2 — Tính nói dối (**Visaṇvādanacittan**).

3 — Rán sức nói dối (**Tajjovāyāmo**).

4 — Đã làm cho người tin chắc lời nói dối ấy (**Parassa tadatthavijānanan**).

Giới ẩm tửu có 4 chi :

1 — Rượu (**Majjanīyavatthu**).

2 — Tính uống (**Pātukamyatācittan**).

3 — Rán sức uống rượu ấy (**Tajjovāyāmo**).

4 — Đã uống rượu ấy khỏi cở (**Tassa pānan**).



CHI CỦA GIỚI BÁT-QUAN-TRAI

Các chi trong giới sát sanh, trộm cắp, nói dối, uống rượu, đều giống trong ngũ giới.

Giới thông dâm có 4 chi :

1 — Trong 30 khiếu (1) (**Bhedanavatthu**).

2 — Tính thông dâm (**Sevanacittan**).

3 — Rán sức thông dâm (**Tajjovāyāmo**).

4 — Đã thông dâm (**Maggena maggappatipādanan**).

(1) Xem trong luật xuất gia, quyển nhất, chỗ * hành dâm * (điều học bất cộng trụ thứ nhất).

Giới ăn sái giờ có 3 chi :

1.— Sái giờ (là từ chính xế đến mặt trời mọc)
(**Vikālo**)

2.— Vật thực được phép ăn trong giờ (**Yāvakālikan**) (từ mặt trời mọc đến đứng bóng)

3.— Đã ăn khỏi cở (**Ajjhoharanan**)

Giới múa hát, đờn kèn, xem múa hát, nghe đờn kèn, điếm trang nhan sắc, nhứt là xức dầu thơm, bôi phấn, đeo tràng hoa, có 6 chi :

1.— Múa hát, đờn kèn (**Naccagītādi**)

2.— Tính làm (**Kattukamyātācittan**)

3.— Đi nghe hoặc xem và đã nghe hoặc đã xem
(**Sutadassanattthāyagamanan**)

4.— Vật để điếm trang nhứt là tràng hoa
(**Mālādi**)

5.— Cố ý dùng đồ trang điếm nhan sắc
(**Dhāranacchandatā**).

6.— Đã dùng đồ trang điếm mà trang sức
(**Tassa dhāranan**)

Giới nằm ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp có 3 chi :

1.— Nơi nằm ngồi quá cao và xinh đẹp
(**Uccāsayanamahāsayan**)

2.— Tính nằm hoặc ngồi (**Paribhogacittan**)

3.— Đã nằm hoặc đã ngồi (**Paribhogakaran**)

Khi thiện-tín đã phạm đủ chi trong mỗi giới gọi là dứt giới, bằng phạm chưa đủ chi, chỉ gọi là giới bất tịnh.



HẠN KỲ TRONG PHÉP THỌ GIỚI BÁT-QUAN-TRAI

Nếu luận về ngày kỳ, thì giới bát-quan-trai chia ra làm hai cách :

1.— Phép bát-quan-trai thọ trì trong một ngày và một đêm (**Pakatiuposatha**)

2.— Phép bát-quan-trai thọ trì thêm ngày rước và ngày đưa (**Patijāgarauposatha**)

Bát-quan-trai thọ trì trong một ngày, một đêm có 8 ngày trong mỗi tháng : ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30, tháng thiếu thì ngày 28 và 29.

Bát-quan-trai thọ thêm ngày rước và ngày đưa, có 12 ngày trong mỗi tháng : ngày, 1, 4, 6, 7, 9, 13, 16, 19, 21, 22, 24, 28, (tháng thiếu ngày 27) ; trong 12 ngày ấy đều là ngày trước và ngày sau, liên tiếp 8 ngày bát-quan-trai thọ trì trong một ngày và một đêm.

GIẢI TÓM TẮT VỀ HAI CÁCH THỌ TRÌ BÁT-QUAN-TRAI

Trong bát-quan-trai thọ trì trong một ngày và một đêm ấy, thiện-tín phải đối trước mặt thầy Tỷ-Khuru hoặc Sa-Di, mà xin thọ giới mỗi khi đến ngày kỳ.

Trong bát-quan-trai thọ trì thêm ngày đưa và ngày rước, thiện-tín phải trau dồi đức-tánh, tưởng nhớ tám điều học, trong 12 ngày đưa rước, chỉ phải giữ mình, lánh xa ngũ trần, để chờ ngày dâng xin thọ trì bát-quan-trai 1 ngày, 1 đêm, cho thêm sự tinh-khiết, không buộc phải đi thọ giới nơi thầy Tỷ-Khuru hoặc Sa-Di.

Phép bát-quan-trai thọ trì 1 ngày 1 đêm, dạy phải đối trước mặt thầy Tỷ-khuru hoặc Sa-Di mà xin thọ trì tám điều học ; đến khi mãn một ngày một đêm ấy, chỉ phải gìn-giữ không cho phạm đến tám điều học, nhưng không buộc phải xin thọ giới.

Khi Phật còn tại thế có truyền phép bát-quan-trai 6 ngày trong mỗi tháng, là ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30, (tháng thiếu thì 28, 29).

Sau khi Phật tịch diệt được 4 tháng, có cuộc đại hội nhóm 500 vị A-La-Hán, Đại-đức Maha Ca-Diếp làm tọa chủ để kết-tập kinh luật, thấy còn cách khoản (từ 15 đến 23 từ 30 tới mùng 8), các Ngài định thêm ngày 5 và 20 để làm phép bát-quan-trai trong mỗi tháng có tám ngày.



VIỆC NÊN LÀM

Thiện nam, Tín nữ đã xin thọ giới bát-quan-trai 1 ngày 1 đêm, trong mỗi kỳ, nếu muốn được trọn phước thì phải giữ-gìn thân và khẩu cho trong sạch, y theo lời Phật đã truyền răn.

Muốn cho thân được tinh-khiết phải tránh xa các nghiệp nghề trong ngày ấy, nhưt là nghề ruộng rẫy, mua bán, vì là việc làm cho giới bất tịnh.

Muốn cho khẩu được trọn lành, phải ngăn ngừa những lời nói vô-ích, nói đến thế sự ; nhưt là biện luận về cơm, gạo, tốt, hay xấu, xứ này xứ kia có nước đục hay trong, y phục dày hay mỏng, nam nữ nhiều hay ít, vân, vân... ; phải nói về điều lành là bàn-luận về phép thọ ngũ-giới, bát-quan-

trai giới, và món quả báo của sự tri-giới, tham thiền, trí huệ và nghe thuyết pháp. Trước khi niệm phật tham thiền phải suy nghĩ về các tội của ngũ-dục bằng cách sau này :

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm món trần ấy, đều làm cho mình mắc phải nhiều sự phiền não luôn luôn. Hoặc suy gẫm về cái thân ngũ-uẩn, cho thấy rõ là vô-thường, khổ-não, vô ngã ; nó sẽ bị tan rã do nhiều duyên cớ, nhất là bị thời tiết ; nó chỉ làm cho mình phải lao khổ, nó sẽ tan rã tự nhiên, nó chẳng có chi là quý trọng cả ; thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã như sắc-uẩn vậy.

Lại suy gẫm thêm về phép động tâm :

Tất cả chúng sanh trong vũ-trụ, chẳng có một ai mà mình nương nhờ được, dầu là cha mẹ, vợ chồng, con trai, con gái, bạn-bạn hoặc gia-tài cũng đều là khổ, đều là không chỗ nhờ, không có một ai chia sự vui, sự buồn hoặc thay thế cái đau, cái chết cho mình được.

Nếu mình đã tạo nhân dữ, thì mình phải mang quả khổ ; bằng làm lành thì được hưởng quả vui, cái khổ hoặc cái vui nó chỉ đến cho một mình ta ; dầu có của cải bao nhiêu cũng không thể đem theo được, nếu suy gẫm như thế đó rồi, thì sẽ thấy cả trong vũ-trụ đều không có chỗ nhờ ; chỉ có ân-đức Phật, Pháp, Tăng ; chỉ có phép bố thí, tri giới, tham thiền, trí tuệ, là đáng cho mình nương theo, thì mình sẽ được tiếp dẫn trong kiếp vị-lai chẳng sai vậy. Nếu đã suy gẫm như vậy rồi ắt sẽ được tỏ ngộ, cảm mến đến ân-đức Tam-

Bảo, dùng 10 hiệu của Pháp, để niệm tưởng.

Đức Phật có dạy cách niệm như sau này : phải tìm nơi thanh-vắng ngồi kiết dã hoặc bán dã cho ngay thẳng thông-thả, tâm cho thanh-tịnh mà niệm.

PHÉP NIỆM PHẬT CÓ BA CÁCH

1— Phải tưởng « **Itipi so bhagavā arahāṇ, sammāsambuddho . . .** », cho đến **bhagavā** », rồi niệm trở lại từ đầu đến cuối, cho đủ 10 hiệu Phật. Tưởng như vậy được bao nhiêu lần cũng tốt, được 1.000 lần hoặc 10.000 lần, hoặc nhiều hơn nữa càng thêm tốt; tùy sức của mình (Xem hiệu Phật nơi trưng Ấn-Đức Phật-Bảo).

2 — Phải tưởng « **So bhagavā itipi arahāṇ, so bhagavā itipi sammāsambuddho** » cho đến « **so bhagavā itipi bhagavā** » rồi niệm trở lại từ đầu đến cuối cho đủ 10 hiệu của Phật; tưởng như vậy được bao nhiêu lần cũng tốt, được 1.000 lần hoặc 10.000 lần, hoặc nhiều hơn nữa càng thêm tốt, tùy sức của mình.

3 — Phải tưởng một hiệu **Arahāṇ**, hoặc **Sammāsambuddho**, hoặc **Buddho**, hoặc **Bhagavā** Trong 10 hiệu, niệm hiệu nào cũng được, nghĩa là chỉ tưởng một hiệu mà thôi; tưởng được nhiều càng thêm tốt, tùy sức mình. Song niệm thì phải hiểu nghĩa mỗi hiệu mới được (xem ở trưng Ấn-Đức Phật-Bảo)

Niệm đặng thanh-tịnh thì sẽ thấy 5 **pīti** (phi lạc, vui sướng, no lòng, không biết đói khát, phát sanh ra trong mình như sau này :

1 — Cách no vui, đa và lòng đều nổi ốc (**Khuddakāpīti**)

2 — Cách no vui, như thấy trời chớp (**Khanikāpīti**)

3 — Cách no vui, hiển hiện như lượng sóng dội nhằm mình (**Okkantikāpīti**)

4 — Cách no vui nhiều, có thể làm cho thân bay bổng trên hư không (**Ubengāpīti**)

5 Cách no vui, làm cho mất mẽ cả thân tâm (**Pharanāpīti**)

Nếu có một trong 5 cách no vui phát sanh thì được kết-quả gần vào bậc sơ-định.

Phép niệm Phật không có mãnh-lực cho kết quả đến bậc sơ định được, bởi ân-đức của Phật là vô lượng, vô biên, khó thấu cho cùng tột được. Người thường năng niệm Phật thì tham, sân, si không phát khởi lên đặng: năm phép chương ngại (tham, sân, nghi nan, buồn ngủ, phóng tâm) cũng đều yên lặng. Người niệm Phật phải hổ-thẹn và ghê sợ tội lỗi của mình, như có Phật hằng ở trước mắt mình vậy.

Cho nên dầu ít căn lành, cũng được sự hạnh phúc, sẽ sanh làm người phú-túc, cao-sang, hoặc làm bậc trời trong kiếp vị-lai; vì thế, các bậc thiện trí thức không nên khinh rẻ phép niệm Phật: phép này có nhiều phước báo, y theo lý đạo đã giải trên.



THẬP ÁC NGHIỆP :

1 — Thân có 3 Nghiệp :

1 — Sát sanh (**Pānātipāto**)

- 2 — Trộm cắp (**Adinnādānaṇ**)
- 3 — Tà dâm (**Kāmesu micchācāro**)

2 — Khâu có 4 nghiệp :

- 1 — Nói dối (**Mūsāvādo**)
- 2 — Nói hai lưỡi (**Pisunāvācā**)
- 3 — Nói độc ác (**Pharusavācā**)
- 4 — Nói vô ích (**Samphappalāpo**)

3 — Ý có 3 nghiệp :

- 1 — Tham muốn (**Abhijjhā**)
- 2 — Thù oán (**Byāpādo**)
- 3 — Thấy làm (**Micchāditthi**)

Các chi của nghiệp : sát-sanh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối đã có giải ở trương ngũ-giới và bát-quan rồi.

Nghiệp nói hai lưỡi có 4 chi :

- 1 — Người mà ta dâm thọc (**Bhinditabbo paro**)
- 2 — Cố ý nói dâm thọc người ấy (**Bhedana-purekkhāratā**)
- 3 — Rán sức nói dâm thọc người ấy (**Tajjo-vāyāmo**)
- 4 — Làm cho người ấy biết rõ cách dâm thọc đó (**Tassa tadatthavijānanam**)

Nghiệp nói độc ác có 3 chi :

- 1 — Người mà ta đã mắng chưởi (**Akkositabbo paro**)
- 2 — Lòng nóng giận (**Kuppitacittan**)
- 3 — Đã mắng chưởi (**Akkosānā**)

Nghiệp nói vô ích có 2 chi :

1 — Lời nói vô ích, nhưt là nói về việc đánh giặc của vua **Mahābhārada** và nói về chuyện **Rābaṇ** cướp nàng **Sitā** (**Bhāratayuddhasitāharanādiniratthakathā**)

2 — Đã nói lời vô ích có trạng thái như thế ấy (**Tathārūpīkathākathanāṇ**)

Ý tham muốn có 2 chi :

1 — Tài vật của người (**Parabhandan**)

2 — Tính muốn đem về làm của mình (**Attano parināmanan**)

Ý thù oán có 2 chi :

1 — Người khác (ngoài mình ra) (**Parasatto**)

2 — Tính chớ làm hại người ấy (**Tassa tam tan vināsacintā**)

Ý thấy lầm có 2 chi :

1 — Ý biến đổi theo điều lầm lạc, nhưt là không tin Tam-Bảo (**Vatthuno ca gahitākaravi-paritatā**)

2 — Ý thấy lầm lạc ấy hiểu lầm cách nào rồi, chấp theo sự hiểu lầm ấy cho là phải (**Yathā ca naṇ gahātī tathābhāvena tassūpatthānaṇ**)

Trong 10 nghiệp dữ đã giải, khi đã phạm đều đủ chi trong mỗi nghiệp, thì người phạm tội phải mang quả khổ trong đời này và đời sau. Nếu trong đời hiện tại mà chưa bị hành phạt, là bởi cái quả dữ ấy chưa đến kỳ, qua đời vị-lai sẽ bị hành phạt chẳng sai.

THẬP THIỆN NGHIỆP,

1 — Thân có 3 nghiệp :

1 — Không sát sanh ;

2 — Không trộm cắp ;

3 — Không tà dâm.

2— Khẩu có 4 nghiệp :

1 — Không nói dối ;

2 — Không nói hai lưỡi ;

3 — Không nói độc ác ;

4 — Không nói vô ích.

3— Ý có 3 nghiệp :

1 — Không có ý muốn được tài vật của người về làm của mình ,

2 — Không có ý thù oán mong làm hại người,

3 — Thấy chánh rồi càng thêm tin lễ chánh ấy. Người nào hành theo 10 nghiệp lành đã giải trên, thì sẽ được hưởng quả vui trong đời hiện tại và vị-lai chẳng sai.

TỨ THẬP NGHIỆP

Kamapatha

Giết loài động vật

1 — Mình giết loài động vật ;

2 — Bảo kẻ khác giết loài động vật ;

4 — Vui trong sự giết loài động vật ;

4 — Khen sự giết loài động vật.

Trộm cắp

5 — Mình trộm lấy của người ;

6 — Bảo kẻ khác trộm lấy của người ;

7 — Vui trong sự trộm lấy của người ;

8 — Khen sự trộm lấy của người.

Tà dâm

9 — Mình làm sự tà dâm ;

10 — Bảo kẻ khác làm sự tà dâm ;

11 — Vui trong sự tà dâm ;

12 — Khen sự tà dâm ;

Nói dối

- 13 — Minh nói dối ;
- 14 — Bảo kẻ khác nói dối ;
- 15 — Vui trong lời nói dối ;
- 16 — Khen lời nói dối ;

Nói đâm thọc

- 17 — Minh nói lời đâm thọc ;
- 18 — Bảo kẻ khác nói lời đâm thọc.
- 19 — Vui trong lời đâm thọc ;
- 20 — Khen lời nói đâm thọc.

Nói dũ

- 21 — Minh nói lời dũ ;
- 22 — Bảo kẻ khác nói lời dũ ;
- 23 — Vui trong lời nói dũ ;
- 24 — Khen lời nói dũ.

Nói lời vô ích

- 25 — Minh nói lời vô ích ;
- 26 — Bảo kẻ khác nói lời vô ích.
- 27 — Vui trong lời nói vô ích.
- 28 — Khen lời vô ích :

Tham muốn của người

- 29 — Lòng mình tham muốn của người về làm của mình ;
- 30 — Bảo kẻ khác tham muốn của người ;
- 31 — Vui trong việc tham muốn của người ;
- 32 — Khen việc tham muốn của người.

Thù oán

- 33 — Lòng mình thù oán mong hại người ;
- 34 — Bảo kẻ khác thù oán hại người ;
- 35 — Vui trong việc thù oán hại người ;
- 36 — Khen việc thù oán hại người.

Thấy quấy

37 — Minh thấy quấy (giả cho là thiệt, tà cho là chánh) ;

38 — Bảo kẻ khác thấy quấy ;

39 — Vui trong việc thấy quấy ;

40 — Khen việc thấy quấy.

Trong 40 nghiệp này, nếu phạm vào một nghiệp nào, thì gọi là nghiệp ác.

GIẢI VỀ 14 PHÉP DÂNG CÚNG VẬT THỰC

Nếu thiện nam, tín-nữ có lòng tin thành sốt, sắn, muốn dâng cúng vật thực đến Tăng-chúng hoặc thầy Tỷ-Khuru, Sa-di, thì nên làm theo 14 phép sau đây :

1 — Phép dâng cúng thực phẩm đến Tăng-chúng (Sanghabhattan)

2 — Phép dâng cúng thực phẩm đến 1, 2 hoặc 3 thầy Tỷ-khuru (Uddesabhattan)

3 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ Khuru, mà mình thỉnh đến (Nimantanabhattan).

4 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, mà mình bắt thăm (Salākabhattan)

5 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, trong một ngày nào không nhứt định ; trong thượng huyện hoặc trong hạ huyện (Pakkhikabhattan)

6 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, trong một ngày bát - quan - trai (Uposathikabhattan)

7 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, trong ngày mùng 1, hoặc ngày 16 (Pātipadikabhattan)

8 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng ở xa mới đến (**Āgantukabhattaṇ**)

9 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, có việc phải đi nơi khác (**Gamikabhattaṇ**)

10 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, có bệnh (**Gilānabhattaṇ**)

11 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, dưỡng bệnh cho Tỷ-Khuru, Tăng cùng nhau (**Gilānupatthākabhattaṇ**)

12 — Phép dâng cúng thực phẩm thường thường đến Tỷ-Khuru, Tăng (**Niccabhattaṇ**)

13 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng, tại chỗ ở, nhưt là tại thất (**Kutikabhattaṇ**).

14 — Phép dâng cúng thực phẩm đến thầy Tỷ-Khuru, Tăng theo phiên mà mình đã hứa chịu cúng (**Vārakabhattaṇ**)

Trong 14 phép dâng cúng thực phẩm này, nếu thí chủ muốn dâng cúng theo phép nào, thì phải hải cái hiệu phép ấy bằng tiếng phạn và nghĩa vào chỗ dấu (...) móc đầu câu, mà đọc, đề dâng cúng:

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa (đọc ba lần).

Ayaṇno bhante pindapāto dhammiko dhammaladdho dhammeneva uppādito mātāpituādike gunavante uddissa imaṇ (...) saparikkhāraṇ buddhappamukkhassa sanghassa demate gunavantādayo imaṇ (...) attano santakaṇ viya mannamānā anumodantu anumoditvāna yathicchitasampattihi samijjhantu sabbadukkhā pamuncantu iminā nissandena.

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng được rõ : những thực phẩm này của chúng tôi làm, hiệp theo lẽ đạo, được cũng hiệp theo lẽ đạo, chúng tôi xin hồi hường cho các vị ân nhân của chúng tôi, nhưt là cha mẹ chúng tôi, chúng tôi dâng những thực phẩm này gọi là lễ. (.. tên cái lễ) có cả món ăn phụ tùng, dâng cúng đến Chư Tăng, xin Phật chứng minh. Xin cho các vị ân-nhân của chúng tôi, nhưt là cha mẹ chúng tôi, hay biết rằng : phước báu của lễ (...tên cái lễ) này về phần các vị đó, và xin các vị đó được phép thọ hưởng tùy ý. Khi thọ hưởng rồi, thì được thoát khỏi những điều lao-khổ và được kết-quả làm người, quả trời cùng quả Niết-Bàn, và cho được như ý muốn của các vị ân-nhân của chúng tôi nhưt là cha mẹ chúng tôi, do theo phước báu chảy vào không dứt.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.



Nếu dâng cúng bốn món vật dụng đến chư Tăng thì đọc : **Mayaṇ bhante imecattāro paccaye idhānetvā sanghassa dema sādhu bhante sangho ime cattāro paccaye patigganhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhaya.**

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng bốn món vật dụng này đến Chư Tăng.

Cầu xin Đại-đức-Tăng, nhận lãnh bốn món vật dụng này, cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng bốn vật dụng đến thầy Tỷ-Khuru thì đọc :

Mayaṇ bhante ime cattāro paccayeidhānet vā āyasmato dema sādhu bhante āyasmā ime paccaye patiggaṇhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa : Bạch Ngài, Chúng tôi đem bốn vật dụng này đến đây, để dâng cúng đến Ngài. Cầu xin Ngài nhận lãnh các vật dụng này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

CÁCH DÂNG BẾU Y KATHINA

Imaṇ dussaṇ Kathina cīvaraṇ bhikkhusaṅghassa demā dutiyampi tatiyampi
(đọc 3 lần).

Nghĩa: Chúng tôi xin dâng y này để làm lễ Kathina đến Tỷ-khuru tăng (bhikkhusaṅgha)

Lần thứ nhì, lần thứ ba

CÁCH DÂNG THỨ NHỊ

Imaṇ mayaṇ (1) bhante vatthuni bhikkhusaṅghassa niyyādemā (2)

Nghĩa : Bạch Đại đức Tăng, chúng tôi xin dâng những vật này đến Tỷ-khuru tăng.

Lại nữa cũng có một cách dâng Kathina chung

(1) nếu một người thì đọc ahaṇ, thế cho mayaṇ :

(2) nếu một người thì đọc niyyādehi thế cho niyyādemā

với vật phụ tùng, một lần rất tiện lợi theo Pāli như vậy :

Imaṇ bhante saparivāraṇa kathina cīvaradussaṇa bhikkhusaṅghassa onojayāma sādhu no bhante bhikkhusaṅgho imaṇ saparivāraṇa kathina cīvaradussaṇa patiggaṇhātu patiggaṇhetvā ca iminā dussena kathinaṇ attharatu amhākaṇa dīgharattaṇa hitāya sukhāya

Nghĩa : Bạch Đại-đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng y Kathina cùng với những vật phụ tùng này đến Tỷ-khưu Tăng. Bạch Đại-đức Tăng, cầu xin Tỷ-khưu Tăng nhận lãnh và thọ dụng y Kathina cùng với những vật phụ tùng này, cho chúng tôi được sức lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Mười thứ y mà Đức Thế-Tôn đã cho phép các vị Sa-Môn dùng là :

- 1 — Tam-y (này) : **Imaṇa ticīvaraṇa**
- 2 — Y tắm (này) : **Imaṇa vassikasātikaṇa**
- 3 — Tọa y (này) : **Imaṇa nisīdanaṇa**
- 4 — Ngọa y (này) : **Imaṇa paccattharanaṇa**
- 5 — Vải rịt ghê (này) : **Imaṇa ganduppaticchādin**
- 6 — Khăn lau mặt (này) : **Imaṇa mukhapunchanacolaṇa**
- 7 — Y phụ tùng (này) : **Imaṇa parikkhāraco-**
laṇa
- 8 — Vải lược nước (này) : **Imaṇa parissāvanaṇa**

9 — Y tắm mưa (này) : **Imaṇ vassāvāsikaṇ**

10 — Y dâng cúng gấp (này) : **Accekacīvaraṇ**
(10 thứ y này dâng từ ngày 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, ngày lễ Kathina)

Mười thứ y này, nếu thí chủ muốn dâng cúng một thứ y nào đến Chư Tăng, phải đề hiệu y ấy bằng tiếng phạn, và nghĩa thêm vào chỗ dấu (...) móc hai đầu câu mà đọc :

Mayaṇ bhante imaṇ (...) idhānetvā saṅghassa dema sādhu bhante saṅgho imaṇ (...) patiggaṇhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa : Bạch Đại Đức - Tăng : Chúng tôi xin thành kính dâng y (...) (kể rõ tên y ra) đến Chư Tăng, cầu xin Chư tăng nhận lãnh (...) cho chúng tôi được sự tấn - hóa, sự lợi - ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Trong 10 thứ y ấy, nếu thí chủ muốn dâng cúng thứ nào đến Chư Tăng; nếu y ấy có nhiều thứ thì phải đọc hiệu y ấy bằng tiếng phạn và nghĩa như sau này :

- 1.— Tất cả tam y này : (**Imāni ticīvarāni**)
- 2.— Tất cả y để tắm này : (**Imāni vassī - kasātikāyo**)

- 3.— Tất cả tọa y này : (**Imāni nisīdanāni**)
- 4.— Tất cả ngoại y này : (**Imāni paccattharanāni**)

5.— Tất cả y rịt ghẽ này : (*Imnāi ganduppa-ticchādīni*)

6.— Tất cả khăn lau mặt này : (*Imāni mukha-punchanacolāni*)

7.— Tất cả y phụ tùng này : (*Imāni parikkhā-racolāni*)

8.— Tất cả vải lược nước này : (*Imāni parisāvanāni*)

9.— Tất cả y tắm mưa này : (*Imāni vassā-vāsikāyo*)

10.— Tất cả y dăng cúng gấp này (*Accekaci-vaṇa*) là y dăng từ ngày 16 tháng 9 cho đến rằm tháng mười, ngoài lễ Kathina.

Trong 10 thứ y ấy, nếu thí chủ muốn dăng cúng một thứ nào, phải đề hiệu y ấy bằng tiếng phạn và nghĩa thêm vào chỗ dấu (...) móc hai đầu câu mà đọc.



Nếu dăng cúng y tắm mưa đến chư Tăng thì đọc :

Mayaṇ bhante imāni (vassikasātikāyo) idhā-netvā sanghassa dema sādhu bhante sangho imā (vassikasātikāyo) patiggaṇhatu amhākaṇ Dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa : Bạch Đại đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dăng các y tắm mưa này đến chư Tăng. Cầu

xin Đại-đức Tăng nhận lãnh (các y tắm mưa này) cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng cúng thực phẩm đến Chư Tăng thì đọc:

Mayaṇ bhante imāni khādanīyabhojanīyādīni sajjetvā sanghassa dema sādhu bhante sangho imāni khādanīyabhojanīyādīni patiggaṇhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi.

Nghĩa: Bạch Đại-Đức-Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng những thực phẩm này đến Chư Tăng, cầu xin Đại-đức-Tăng, nhận lãnh cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài ;

Lần thứ hai, lần thứ ba.



Nếu dâng cúng thực phẩm, đến một vị Tỷ-Khưu thì đọc:

Mayaṇ bhante imāni khādanīyabhojanīyādīni sajjetvā sīlavato dema sādhu bhante sīlavā imāni khādanīyabhojanīyādīni patiggaṇhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa: Bạch Ngài chúng tôi xin thành kính dâng những thực phẩm này đến Ngài là người có giới hạnh trang nghiêm, xin Ngài thọ lãnh cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu-dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba,



Nếu dâng cúng gạo đến chư Tăng thì đọc :

Mayaṃ bhante imāni tandulāni idhānetvā
saṅghassa dema sādhu bhante saṅho imāni
tandhulāni patiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ
atthāya hitāya sukhāya

Dutiyampi, Tatiyampi

Nghĩa: Bạch Đại-đức-Tăng, chúng tôi đem gạo này, đến đây, để dâng cúng đến Chư Tăng, cầu xin Chư Tăng nhận lãnh gạo này cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba,



Nếu dâng cúng các thứ trái cây đến chư Tăng thì đọc :

Mayaṃ bhante imāni nānāphalāni idhānettvā
saṅghassa dema sādhu bhante saṅho imāni
nānāphalāni patiggaṇhatu amhākaṃ dīgharta-

taṇ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi, Tatiyampi.

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng : Chúng tôi đem các thứ trái cây này đến đây, để dâng cúng đến Chư Tăng, cầu xin Chư Tăng nhận lãnh các thứ trái cây này, cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng cúng Tịnh-Xá (chùa) ; thì đọc : **Mayaṇ bhante imaṇ (uposathāgāraṇ) kāretvā uposa-thapavāraṇ ādisaṅghakammakaraṇetthāya cā-tuddisassa bhikkhu saṅghassa dema sādhu bhante bhikkhu saṅgho imaṇ (uposathāgāraṇ) paṭiggaṇhatu amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.**

Dutiyampi, Tatiyampi.

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng : chúng tôi xin thành kính dâng Tịnh-Xá này, đến Tỳ-Khưu, Tăng để hành đạo, nhưt là để làm lễ Phát-lồ và phép Cấm-Phòng, cầu xin Đại-Đức-Tăng, nhận lãnh Tịnh-Xá này cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng cúng nhà mát, trường học đạo thì đọc : « **Imaṇ sālāṇ** » nhà mát này. Dâng cúng Tịnh-thất đã làm xong, thì đọc : **Imaṇ Kappiyakutin.** Dâng

cùng «Cốc» nhỏ thì đọc : **Imaṇ Kutṇ**. Dâng cùng «Cốc» lớn, thì đọc : **Imaṇ viḥāraṇ**. Dâng cùng nhà xi, thì đọc : **Imaṇ Vaccakutṇ**

Dâng cùng « Cửa Tăng », thì đọc :

**Mayaṇ bhante imaṇ garubhaṇḍaṇ idhānetvā
bhikkhusaṅghassa dema sādhu bhante bhik-
khusaṅgho imaṇ garubhaṇḍaṇ paṭiggaṇhatu
amhākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.**

Dutiyampi, Tatiyampi.

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng : Chúng tôi xin thành kính dâng « Cửa Tăng » đến Chư Tăng, cầu xin Chư Tăng nhận lãnh « Cửa Tăng » này, cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng cùng mật ong, thì đọc :

**Mayaṇ bhante imaṇ madhuṇ idhānetvā
bhikkhusaṅghassa dema sādhu bhante bhik-
khusaṅgho imaṇ (madhuṇ) paṭiggaṇhatu am-
hākaṇ dīgharattaṇ atthāya hitāya sukhāya.**

Dutiyampi, Tatiyampi.

Nghĩa : Bạch Đại-Đức-Tăng : Chúng tôi xin thành dâng mật ong này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh mật ong này, cho chúng tôi được sự tấn-hóa, sự lợi-ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì, lần thứ ba.

Nếu dâng cùng dầu thì đọc (: **Imaṇ Talaṇ**)

Nếu dâng cùng nước mía, thì đọc : (**Imaṇ Phā-
nitaṇ**)

Nước thốt lốt, thì đọc: (Imaṇ Tālodakaṇ)

Thuốc chữa bệnh, thì đọc: (Imaṇ gilānabhesajjaṇ)

PHƯƠNG PHÁP DÂNG CÚNG VẬT DỤNG

Những người Thiện-tín, nếu có lòng thành kính đem lễ vật dâng cúng đến Chư Tăng, trước phải thông hiểu phép ấy, và vâng giữ làm y theo, mới được trọn phước.

Trong luật có dạy Thầy Tỳ-Khuru, nếu thọ lãnh vật dụng của thiện nam, tín nữ đem dâng cúng phải hiệp theo 5 lễ sau này :

1—Những vật dụng của Thiện-tín bố thí, nếu Thầy Tỳ-Khuru muốn cần dùng, chỉ được phép thọ lãnh nhiều lắm là đủ sức cho người bực trung gánh vác nổi thôi.

2—Thí-chủ phải vào qui dâng xá thầy Tỳ Khuru một hắc, hoặc 1 hắc 1 gang.

3—Trong lúc dâng cúng, thí-chủ phải nghiêng mình cung kính.

4—Những kẻ thí-chủ là Trời, hoặc người; chẳng phải người hoặc thú.

5—Thầy Tỳ-Khuru tự mình thọ lãnh, bằng tay hoặc dùng khăn, hoặc y tắm đưa ra, để thọ lãnh.

Những thực phẩm sắm để bố thí đến Chư Tăng để dâng qua ngày sau, chẳng nên dâng cúng đến tay Tăng, nhưng được phép giao cho người coi tài vật cho Tăng, dâng cúng thế cho mình, mình cũng được phước vậy.

Về cách thọ trái cây, Đức Phật có cho phép các Thầy Tỳ-Khuru dùng trái cây của thí-chủ dâng theo năm cách sau này :

1 — Trái cây đã đốt, nướng, hoặc nhúng vào nước sôi, nước nóng : là trái cây có hột, như ớt, rau dứa, rau muống, ván ván...

2 — Trái cây đã gọt, băm, xém bằng cây nhọn (trái trám).

3 — Trái cây mà hột không có thể gieo được (trái tươi).

4 — Trái cây đã chặt, gọt, xẻ (ổi, lựu, tầm ruột) xoài, ván ván...

5 — Trái cây còn gieo được thì phải lấy hột ra.
Lời Chú giải:

Nếu trái cây nhỏ-nhỏ nhiều thì phải ngắt bỏ đầu dít ít trái để trên mặt, rồi dằm cùng cùng được, hay là ngắt ngọn hết càng tốt.

BÀI THỈNH PHÁP SƯ
(Dhamma desanāyācanagāthā)

Brahmā ca lokā-dhipatī saha[~]mpatī katā[~]njalī
andhivaraṇ[~] ayācatha santīdha sattāpparajak-
khajātikā desetu dhammaṇ[~] anukampimaṇ[~]
pajaṇ[~] saddhammabheriṇ[~] vinaya[~]ṇca kāyaṇ[~]
sutta[~]ṇca bandhaṇ[~] abhidhammacammaṇ[~] āko-
tayanto catusaccadandaṇ[~] pabbodha neyye
parisāya majjhe. Evaṇ[~] saha[~]mpatī brahmā
bhagavantaṇ[~] ayācatha tuṇhībhāvena taṇ[~] bud-
dho kārun[~]nenādhivāsaya tamhā vutthāya pāde-
na migadāyaṇ[~] tato gato pāncavakyādayo ney-
ye amaṇ[~] pāyesi dhammato tato pabhūti sam-
buddho anūnā dhammadesanaṇ[~] māghavāssānī
desesi sattānaṇ[~] atthasiddhakaṇ[~] tena sādhu
ayyo bhante tesetu dhammadesanaṇ[~] sabbāyi-
dha parisāya anukampampi kātave.

Nghĩa : Thỉnh pháp sư,
Thuở Phật mới đạt thành quả vị,
Có Xá-ham-bát-ti Phạm-thiên
Cả trong thế-giới các miền,
Thanh cao quán chúng cần chuyên đạo mẫu.
Hiện trước Phật đê đầu đánh lễ,
Bạch xin ngài tế thế độ nhơn.
Chúng sanh trong khắp cõi trần ;
Tối mê điên đảo không phân tội tình.
Cầu Phật-Tổ cao-minh ái-truất,
Hiện oai linh tính thức đất diều,
Hoằng khai đạo pháp cao siêu,
Tu hành theo đặng kết nhiều thiện duyên
Thế-Tôn được mãn viên đạo quý,
Tối hết lòng hoan hỉ tán dương.
Nhưng vì hoàn cảnh đáng thương,
Không đành bỏ mặt, lạc đường làm thỉnh.
Chúng sanh vốn đa tình lắm bạc,
Không thông đâu chơn thật giả-tà.
Vô-thường khổ-não chấp ta,
Ngày nay sợ ngộ thiết tha nhờ Ngài.
Xin mở lượng cao dày răn dạy,
Chuyên pháp-luân diễn giải diệu ngôn.
Chúng sanh nghe đặng pháp môn,
Thoát vòng khổ não dập dờn bấy lâu.
Giải thoát những nguồn sầu câu thúc,
Diệt tham lam ái dục bao vòng.
Tối tâm sẽ được sáng trong,
Phát sanh tri huệ hiểu thông tình tường.
Thông thấu lẽ vô thường dằng dỗi,
Ba tướng trong ba cõi mỏng manh.
Vô minh quả của nhân hành,
Cội căn dắt dẫn chúng sanh luân hồi.

Biển trần khổ nổi trôi chìm đắm,
Bị ngũ - ma vầy, nắm chuyền di.
Vậy nên cầu đấng Từ-Bi,
Tạo thuyền Bát-nhã trải đi vớt người.
Đưa qua chốn tốt tươi yên tịnh,
Bờ Niết-Bàn chẳng dính trần ai;
Như đèn rọi suốt trong ngoài,
Chiếu tia sáng khắp các loài hân hoan.
Pháp vi trống khải hoàn rần rộ,
Luật ví như đại cổ hoàng dương.
Kinh như giấy buộc trên rường,
Luận như mặt trống vệt đường vô minh.
Tứ-diệu-đế đó hình dùi trống,
Giống khua tan giấc mộng trần gian.
Chúng sanh tất cả bốn hàng,
Như sen trong nước minh quang luôn chờ.
Trời lỗ mọc dặng nhờ ánh sáng,
Trở hoa lành rải tản mùi hương.
Pháp màu ánh sáng phi thường,
Chiếu khắp ba cõi rõ đường an vui.
Phạm-Thiên vẫn ngậm ngùi khấn-khoản.
Phật nhậm lời nhưng chẳng dĩ hơi.
Quyết lòng mở đạo dạy đời,
Nhắm vườn Lộc-giả Ngài đời chơn sang.
Thuyết pháp độ các hàng đệ-tử,
Có năm Thầy thỉnh dự pháp từ :
Đó là nhóm Kiều-Trần-Như,
Được nếm hương vị Hữu-dư Niết-Bàn.
Rồi từ đó mở mang giáo pháp,
Bốn mươi lăm hạ giáp vẹn toàn.
Một lòng chẳng thôi không mòn,
Những điều lợi ích hằng còn lâu năm.
Cả tam giới thừa ân phổ cập,

Đám mưa lành rưới khắp thế gian,
Bởi nhân có tích rõ ràng,
Thỉnh Ngài thuyết pháp noi dàng từ bi.
Chúng sanh ngồi khắp chốn ni,
Tối mê cầu đặng trí tri vẹn toàn.

BÀI THỈNH TỶ KHUU
TẶNG TỤNG KINH CẦU AN
(Parittabhāsanāyācangāthā)

Vipattippatibāhāyā sabbasampattisiddhiyā
sabbadukkhavināsāya parittaṃ brūtha mangalaṃ,
vipattippatibāhāyā sabba sampattisiddhiyā
sabbabhayavināsāya parittaṃ brūtha mangalaṃ. —
Vipattippatibāhāyā sabbasampattisiddhiyā
sabbarogavināsāya parittaṃ brūtha mangalaṃ

Nghĩa : Cầu xin các Ngài tụng kinh cầu an, để
ngăn ngừa, tránh khỏi các điều rủi ro tai hại,
cho đặng thành tựu những hạnh-phúc, khiến cho
tất cả sự khổ não, kinh sợ và bệnh hoạn đều
tiêu tan.



BÀI THỈNH CHƯ THIÊN

Sagge kāme ca rūpe girisikharatate cantalikkhe
vimāne dīpe ratthe ca gāme taruvanagahane
gehavatthumhi khette bhumma cāyantu devā
jalathalavisame yakkhagandhabbanāgā
tittanta santike yaṃ munivaravacanaṃ sādha-
vo me sanantu

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Dhammassavanakālo ayambhadantā

Nghĩa: Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời dục giới, cùng sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi, đất liền, hoặc các châu quận; ngự trên cây cối rừng-rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ-Xoa, Càn-thác-bà cùng Long-Vương dưới nước trên bờ hoặc nơi không bằng phẳng, gần đây, xin thỉnh hội hợp lại đây. Lời nào là kim-ngôn cao thượng của Đức Thích-Ca Mu-Ni mà chúng tôi tụng đây, xin các bậc Hiền-Triết nên nghe lời ấy.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe pháp bảo.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe pháp bảo.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe pháp bảo.



PATIDĀNAGĀTHĀ

Yā devatā santi vi-
hāravāsini thūpe gha-
re bodhighare tahn
tahn

Tā dhammādānena
bhavantu pūjitā

Sotthiṇ karontedha
vihāramandale

Therā ca majjhā
nāvakā ca bhikkhavo,
sārāmikā dānapātī
upāsakā, gāmā ca de-
sā nigamā ca issarā,
sappānabhūtā sukhitā
bhavantute.

Jalābujā ye pica aṇ-
dasambhavā sanseda-
jātā athavopapātikā;
niyyānikaṇ dhamma-
varaṇ paticcate sabbe
pi dukkhassa karontu
samkhayaṇ

KỆ HỒI HUỐNG QUẢ BỐ THÍ ĐẾN CHƯ THIÊN

Tất cả chư-Thiên hằng
ngự nơi tịnh-thất của chư
Tăng, nơi nền Tháp hoặc
dưới cội Bồ-đề trong vòng
tịnh-xá.

Cầu tất cả chư Thiên
mà chúng tôi đã dùng
Pháp thí cúng dường rồi.

Xin hộ trì chư Tăng
trong vòng tịnh-xá ấy đều
được hạnh-phúc.

Xin cho sự an vui phát
sinh đến những thầy tỷ-
khuru cao hạ, trung hạ
hoặc mới xuất-gia; những
thiện-tín là thí chủ, là
người hộ trì Tam bảo;
những người trong thôn
lân, châu quận, kiều cư
hoặc đại nhơn. Tất cả
chúng sanh đó hãy được
diệuhạnh-phúc.

Và xin cho tất cả chúng
sanh trong 4 loài: noãn,
thai, thấp, hóa, khi đã
nuơng theo pháp giải
thoát thì nên hành theo
cho được dứt khổ.

Thātu ciraṇ satan
dhammo

Dhammaddharā ca
puggalā.

Saṅgho hotu sama-
ggo va atthāya ca hi-
tāya ca

Amhe rakkhatu
saddhammo sabbepi
dhammacārino

Vuddhiṇ sampāpu-
neyyāma dhammāri-
yappavedite

Xin cho pháp của các
bậc thiện-trí-thức được
hưng thành lâu dài.

Xin cho những người
ủng hộ các pháp được an
vui trường cửu.

Xin cho Chư Tăng được
hòa hợp, tấn hóa và được
kết quả lợi ích

Cầu xin Pháp Bảo hộ
trì chúng tôi và những
người tu Phật;

Cho được tấn hóa
trong Pháp mà các bậc
Thánh - nhơn đã giáo
truyền.



MĀTĀ PITU PANĀMA GĀTHĀ

Yadājāto cayo vāhan
Dukkhaṇ mātā pituhime
Anubhūtaṇ navannituṇ
Hatthaṇ pagayha vandito

Dosan khamathameyeva
Tumhe dethābhayampi ca
Ruditassevametumhe
Sugitamuppagetha ve

Nipajjāpetha maṇ amhaṇ

Malamuttampi sakalan
Hatthena te gahetvā va
Dhovitthāpi ca sabbaso

Tunhe anāgate kāle
Amma karunnike have
Puttadhitutta mātā ta
Buddhāyeva bhaveyyā tha

NGHĨA

LỄ BÀI PHỤ MẪU KỆ

Kính thưa cha mẹ tường tri
Nghĩ suy con sợ lỗi nghĩ ơn trên
Từ con hình thể có nên
Mẹ cha bảo dưỡng kẻ bên không rời
Nặng nề cực nhọc lắm ôi !
Chăm nom con trẻ kẻ thôi sao cùng
Con xin đánh lễ cúc-cung
Nghiêng mình phũ-phục mong dung tội rày
Khi con la khóc rày tai
Từ bi mẹ hát thương thay nãi nùng
Tân-dịch, đại tiểu tiện cùng
Các vật uế-trược ung dung lau chùi
Giặt rửa cha mẹ vẫn vui
Chẳng hề nhơm gớm những mùi thúi tha
Từ bi thay ! lòng mẹ cha
Ơn tay trời đất khó mà đáp xong
Cầu cho cha mẹ thấy đồng
Đắc thành Phật quả thoát vòng tai-ha.



BÀI SÁM HỐI

(Tụng đêm 14 và 30 trong mỗi tháng)

Cúi đầu lạy trước Bửu-Đài,
Con xin sám hối từ rày ăn năn ;
Xưa nay lỗi phạm điều răn,
Do thân khẩu ý bị mạng vô minh ;
Gây ra nghiệp dữ cho mình,
Sát sanh hại vật chẳng tính sót thương.
Giết ăn hoặc bán không lường,
Vì lòng tham lợi quên đường thiện nhân.
Oan oan tương báo cõi trần,
Trăm luân biến tối chịu phần khổ lao ;
Xét ra nhơn vật khác nào,
Hại nhơn, nhơn hại mắc vào trả vay ;
Lại thêm trộm cắp cướp tài,
Công người cực nhọc hằng ngày làm ra ;
Lòng tham tính bầy lo ba,
Mưu kia kế nọ lấy mà nuôi thân ;
Hoặc nuôi quyến thuộc xa gần,
Làm cho người phải lầm lẫn than van ;
Tà-dâm tội nặng muôn ngàn,
Liệu toan chước sách làm dang chẳng ngay ;
Vợ con người phải lầm tay,
Mất trinh thất tiết phải tai tiếng đời ;
Xấu cha hổ mẹ nhiều lời,
Xa lìa chồng vợ rẽ rời lừa dối ;
Vọng ngôn giả dối ngoài môi,
Chuyện không nói có, có rồi nói không ;
Dụng lời đâm thọc hai lòng.
Phân chia quyến thuộc, vợ, chồng, anh, em ;
Mắng nhiếc chưởi rửa pha gièm,

Xóm làng cô bác chị em không chừa ;
Nói lời vô ích dầy dứa ,
Phi giờ quý báu hết trưa đến chiều ;
Uống rượu sanh hại rất nhiều ,
Ham ăn mê ngủ nói nhiều chẳng kiên ;
Say sưa ngã gió đi xiên ,
Năm bờ té bụi như điên khác nào ;
Loạn tâm cuồng trí mòn hao ,
Nhiều người vì rượu biết bao hư nhà ;
Xan tham những của người ta ,
Mong sang đoạt được lòng tà mới ưng ;
Nết sân nóng giận không chừng ,
Toàn làm hại chúng bằng khuôn trong lòng ;
Si mê tin chạ chẳng phòng ,
Nghe đầu theo đó không thông chánh tả ;
Chẳng tin Phật-Pháp cao xa ,
Thậm thâm vi-diệu bao la trên đời ;
Nếu con cố ý phạm lời ,
Hoặc là vô ý lỗi thời điều răn ;
Hoặc xúi kẻ khác bạo tàn ,
Hoặc nghe thấy ác lòng hằng vui theo ;
Phạm nhảm ngũ-giới thập-diệu ,
Vi chung thân, khẩu, ý, nhiều lần sai ;
Lỗi từ kiếp trước lâu dài ,
Đến kiếp hiện tại miệt mài lắm phen ;
Hoặc vì tà kiến đã quen ,
Khinh khi Tam-Bảo lòng bèn chẳng tin ;
Cho rằng người chết hết sinh ,
Phạm vào đoạn-kiến tội tình nặng thay ;
Hoặc phạm-thường kiến tội dầy ,
Sống sao đến thác sanh lai như thường ;
Tội nhiều kẻ cũng không lường ,

Vì con ngu dốt không tường phân minh ;
Dễ duôi Tam-Bảo hại mình,
Bởi chưng không thấu vô minh nghiệp tà ;
Cho nên Chơn-Tánh mới là,
Tối tăm chẳng rõ sai ngoa thuở đầu ;
Hóa nên khờ dại đã lâu,
Để cho hoàn cảnh mặc dầu kéo xoay ;
Khác nào bèo bị gió quay,
Linh đình giữa biển dạt dờ bờ sông ;
Xét con tội nặng chập chồng,
Kiếp xưa cho đến hiện trong kiếp này ;
Con xin sám hối từ đây,
Nguyên cầu Tam-Bảo đức dày độ cho ;
Tội xưa chẳng hạn nhỏ to,
Con nguyện dứt cả chẳng cho thêm vào ;
Tâm lành dốc chí nâng cao,
Cải tà qui chánh chú vào Phật-ngôn ;
Cho con khỏi chốn mê hồn,
Đến nơi cõi Phật Thế-Tôn gần kề ;
Thoát vòng khổ não tối mê,
Hưởng miền Cực lạc mọi bề thanh thoi,
Từ đây dứt bỏ việc đời,
Căn lành gieo giống chẳng rời công phu ;
Mặc ai danh lợi bôn xu,
Con nguyện giữ hạnh người tu thoát trần ;
Trước là độ lấy bản thân ;
Sau giúp quyến thuộc được phần tiêu diêu ;
Sám hối tội lỗi đủ đều,
Duyên lành đều cũng ít nhiều kết xây ;
Tôi xin hồi hướng quả này,
Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường ;
Cũng là thân thích tha phương.

Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay ;
Chúng sanh ba giới bốn loài,
Vô tướng hữu tướng chẳng nài đầu đầu ;
Nghe lời thành thật thỉnh cầu,
Xin mau tựu hội lãnh thâu quả này ;
Bằng ai xa cách chưa hay,
Cầu xin Thiên chúng mách ngay với cùng ;
Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,
Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai ;
Nguyện nhiều Táng chúng đức tài,
Đạt thành Thánh quả hoằng khai Đạo Lành ;
Nguyện cho Phật-Pháp thanh hành,
Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian.

KINH TỤNG RẢI TÂM BÁC ÁI

Đến tất cả hướng

(Sabbadisāsu mettāpharaṇaṇa)

Sabbe puratthimāya
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Sabbe puratthimā-
ya anudisāya sattā
averā sukhī hontu.

Sabbe dakkhināya
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng đông
đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng đông-
nam đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng nam
đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Sabbe dakkhināya
anudisāya sattā ave-
rā sukhī hontu.

Sabbe pacchimāya
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Sabbe pacchimāya
anudisāya sattā ave-
rā sukhī hontu.

Sabbe uttarāya di-
sāya sattā averā
sukhī hontu.

Sabbe uttarāya anu-
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Sabbe uparimāya
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Sabbe hetthimāya
disāya sattā averā
sukhī hontu.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng tây-
nam đừng có oan trái
l lẫn nhau, hãy cho được
sự yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng tây
đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng tây-bắc,
đừng có oan trái lẫn nhau,
hãy cho được sự yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng bắc
đừng có oan trái lẫn nhau,
hãy cho được sự yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng đông
bắc đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng trên,
đừng có oan trái lẫn nhau,
hãy cho được sự yên vui.

Xin cho tất cả chúng
sanh trong hướng dưới
đừng có oan trái lẫn
nhau, hãy cho được sự
yên vui.

Sabbe sattā averā
hontu, sukhitā hontu
niddukkhā hontu ab-
yāpajjhā hontu, anī-
ghā hontu dīghāyu-
kā hontu, arogā-
hontu, sampattīhi sa-
mijjhantu sukkhī at-
tānaṃ pariharantu,
dukkhappattā ca ni-
ddukkhā, bhayappa-
ttā ca nibhayā, soka-
ppattā ca nissokā
hontu sabbepi pāṇi-
no.

Xin cho tất cả chúng
sanh đừng có oan-trái
lẫn nhau, hãy cho được
sự yên vui, đừng có khổ,
đừng làm hại lẫn nhau,
đừng có khổ, hãy cho
được sống lâu, đừng có
bệnh hoạn, hãy cho
được thành tựu đầy đủ,
hãy giữ mình cho được
sự yên vui. Tất cả chúng
sanh đến khổ rồi, đừng
cho có khổ, đến sự kinh
sợ rồi đừng cho kinh
sợ, đến sự thương tiếc
rồi, đừng cho thương
tiếc.

(Khi có sự lo sợ hoặc lỗi, trước giờ ngủ nên
thường tụng bài này, để rải tâm bác ái đến tất
cả chúng sanh, ắt sẽ hết lo sợ, được yên vui).

KINH HỒI HƯƠNG

Yaṃ kinci kusalakammaṃ, kattabbaṃ kiriyaṃ
mama, kāyena vācāmanasā, tidase sugataṃ ka-
taṃ, ye sattā sannaṃ atthi, ye ca sattā asannaṃ,
kataṃ punnaphalaṃ mayhaṃ, sabbe bhāgī bha-
vantute, ye taṃ kataṃ, suviditaṃ dinnā punna
phalaṃ mayā, ye ca tattha najānanti, devā
gantvā nivedayaṃ, sabbe lokambhi ye sattā,

jīvantāhārahetukā, manunn aṇ bhojanaṇ sabbe,
labhantu mama cetasāti.

Nghĩa diễn ra Quốc Âm

Phước căn tôi đã tạo thành
Do thân khẩu ý tu hành gieo nên
Đều là phước báo vững bền
Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng
Cung trời Đạo-Lợi thọ nhân
Chúng sanh hữu tướng nhơn gian Ta-bà
Chư-Thiên Phạm-thiên cùng là
Bậc trời vô tướng được mà hưởng an
Phước tôi hồi hưởng đáng ban
Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh thâu
Bằng ai chưa rõ lời cầu
Xin cùng thiên chúng đến hầu mách ngay
Có người làm phước được rày
Lại đem hồi-hương hiện nay khắp cùng
Chúng sanh hoan hỉ lãnh chung
Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn
Chúng sanh thế giới các hàng
Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường
Xin thâu phước báu cúng dường
Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng.

Sau khi làm xong việc tài thí hoặc pháp thí rồi
cần phải đọc bài cầu nguyện sau này để dứt bỏ
các lòng ham muốn.

Idan vata me dānaṇ āsavakkhayāvahaṇ
hotu ānagate

Xin cho sự phước thí mà tôi đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để dứt khỏi những điều ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm, trong ngày vị lai.



NHỮNG PHÁP NÊN SUY XÉT HẰNG NGÀY

Kính Pháp Cú (**Dhammapada**) có nói:

«Thương yêu sanh ra lo, thương yêu sanh ra sợ. Không thương yêu thì không lo, không sợ. Ham muốn sanh ra lo; ham muốn sanh ra sợ. Không ham muốn thì không lo, không sợ».

Mà lo sợ là khổ.

Bởi đâu mà có thương yêu ham muốn?

Bởi vô-minh.

Vô-minh (**Avijjā**) nghĩa là không biết, là không biết thiệt, không biết giả, thiệt nói là giả, giả nói là thiệt, như ba điều này:

1.— Vạn vật trong tam giới đều không bền vững lâu dài; nay đời mai đổi (**Anicca**) mà mình lại cho là bền vững.

2.— Nếu vạn vật không bền vững thì là khổ (**Dukkha**), mà mình cho là vui.

3.— Chẳng có một vật gì là thật của ta (**Anattā**) mà mình lại cho là của ta (vợ ta, con ta, của cải ta).

Bởi cái lầm tưởng ấy nên mình mới có lòng sa mê theo cảnh trần giả dối. Có sa mê mới có chịu khổ đến ngày nay vậy.

Chúng sanh trong sáu đường (Trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục) nào có ai được bền vững lâu dài đâu; nay còn, mai mất; nay tạo, mai diệt; nay đời, mai đổi; nay hiệp, mai tan. Xem coi cha mẹ ta, chồng ta, vợ ta, con ta, sanh ra rồi thì lạt, bắt kể già, đau, chết, nào có ai trẻ hoài mà không già, đến khi già thì lo sợ, lo sợ là khổ. Nào có ai sống hoài mà không chết, đến khi gần chết thì lo sợ, lo sợ là khổ. Nào có ai hiệp hoài mà không lìa, đến khi lìa thì lo sợ, lo sợ là khổ. Nào có ai thanh hoài mà không suy, đến khi suy thì lo sợ, lo sợ là khổ. Thật vậy, chẳng có một ai tránh khỏi các sự khổ ở đời.

Bởi có vô-minh, mới có tướng lầm, làm quấy,
cho cái giả là thật, cho cái khổ là vui, mới có
thương yêu ham muốn, sa mê theo ngũ trần dục
lạc là:

1 — Mắt hay lìm xem sắc tốt

2— Tại hay tìm nhé tiếng hay.

3 — Mùi hay thì người mùi thơm.

4 Đạo này thì nên vì ngon,

5— Thân hay ưa sự rờ rẫm, vuốt ve rồi cho đỡ
lạnh thì vui, người ta chẳng còn một vật gì
là khoái lạc hơn nữa. (Dukkha), mà mình cho

(*Đ*Tham⁴ *Đ*i⁴ *B*thiết⁴ là *đ*lâm⁴ *đ*thầy, *S*ýc⁴ cũng vì *đ*minh⁴ *S*a
đâm⁴ trong năm môn *đ*trần⁴ đó, *đ*chơn⁴ *đ*chơn⁴ *đ*án⁴ như
mới lu⁴ lờ, tinh thần mới ám muội, tạo nên nghiệp
ác sâu dày, mắc phải trần luân khổ hải, từ đời vô
thủy⁴ nhận lại đây, chẳng biết bao nhiêu kiếp mà
kể cho xiết.

khó đến ngày nay.

Nếu muốn thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, thì phải trừ cái vô minh. Nếu muốn trừ cái vô minh, thì phải dứt cái lòng ái-dục (Tanhã). Nếu muốn dứt cái lòng ái-dục thì :

- 1 — Mắt chẳng nên luyến theo sắc trần,
- 2 — Tai chẳng nên luyến theo tiếng trần,
- 3 — Mũi chẳng nên luyến theo mùi trần,
- 4 — Lưỡi chẳng nên luyến theo vị trần,
- 5 — Thân chẳng nên luyến theo xúc trần.

Phải hồi quang phản chiếu để xem xét cái niệm Phật, tham thiền về cái kiếp phù-sanh chóng qua, vốc-ảo chẳng chắc, đều phải hư hoại. Cái thân tứ đại giả hiệp, từ đầu chí chơn, ở trong có đủ 32 vật trược :

Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, xương, thận, tim, gan, bầy, nhầy, bao-tử, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, phần, óc, mật, đàm, mủ, máu, mồ-hôi, mỡ đặc, nước-mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nước nhót, nước tiểu, toàn là những vật hôi tanh dơ bẩn.

Nếu căn không luyến theo trần và hồi quang phản chiếu được như vậy rồi, thì đâu có sự tiếp xúc, lãnh chịu, đâu có thương yêu ham muốn, đâu có lo sợ, thì cái khổ do đâu mà sanh được ?

Kinh Pháp-Hoa cũng có nói . . « Cái nhân trong các việc khổ, là gốc bởi lòng tham muốn, bằng dứt lòng tham muốn thì cái khổ không chỗ sanh vậy ».

Đức Tông-Bồn nói : « Các nhơn giả thử xem người trên đời, ai chẳng yêu sắc-dục, chẳng ưa

rượu thịt, chẳng tham danh lợi, chẳng muốn giàu sang, ta biết các việc ấy là cội khổ luân hồi, cho nên ta không lo cầu vạy. »

Than ôi ! người đời chẳng biết sự khổ, hay làm nhiều điều rối rắm, chẳng ngay thẳng, chẳng nghĩa nhân, ý mạnh hiếp yếu, ý sang áp hèn, ý giàu khinh nghèo, theo vạy bỏ ngay, ý lớn hiếp nhỏ làm những việc quấy như vậy, nên mới nổi chìm trong biển khổ.

Các nhơn giả này ! phải biết cái đau, cái chết khi đến rồi, thì không ai thay thế cho mình được. Dầu ông, bà, cha, mẹ, chồng vợ, con cháu, cùng là công danh sự nghiệp, cũng đều không chỗ nhờ, chỉ phải gắng sức tu hành, thì mới mong thoát khỏi được. Huống chi thiếu quang âm thoát, ngày chẳng chờ người, cơn sống thác vô thường, cuộc phù sanh đâu chắc. Bởi vậy, lời Tiên-Đức có nói rằng : « Thời, thời, thời, kịp sớm tu, trời nắng chẳng chịu đi, chờ mưa đến ướt đầu. » Lời nói ấy rất phải lắm vậy.

Phật có nói « thăm thay cho con người, đã sanh ra rồi mà còn phải bị cái khổ GIÀ, không sao tránh khỏi.

Thăm thay cho con người, đã sanh ra rồi, mà còn phải bị cái khổ ĐAU, không sao tránh khỏi.

Thăm thay cho con người đã sanh ra rồi, mà còn phải bị cái khổ CHẾT, không sao tránh khỏi.

Bị ba cái khổ trọng đại ấy, mà con người không sớm tìm đường thoát ra cho khỏi. Thăm thay, thăm

thay ! Ấy cũng vì chúng ta quá si mê, lầm tưởng cho chúng ta còn trẻ chưa già, còn mạnh chưa đau, còn sống lâu chưa chết, quên câu : Mạng bất khả diên, thời bất khả đãi (Mạng chẳng khá chờ, giờ chẳng khá đợi). Lại có câu : một hậu trăm luân, nhứt thất nhưn thân vạn kiếp bất phục (Chết rồi đọa lạc, một thuở mất thân, muôn kiếp chẳng đứng lại) cho nên chúng ta phải sớm tua thức tỉnh, chớ nên say mê theo ngũ trần dục lạc làm cho bồn tẩu lu lờ, tinh-thần điên đảo, gây nên nghiệp báo sâu dày, mắc phải trăm luân khổ hải, thì biết bao giờ, mới thoát khỏi đặng. Nếu chúng ta thường nhớ mà suy xét đến cái cảnh khổ già, đau, chết bằng cách này : Tất cả chúng sanh trai hoặc gái chẳng hạn, từ vua chí dân, đều phải mang ba cái khổ trọng đại đó, chẳng có một ai tránh khỏi được. Suy xét thường thường như vậy, thì chúng ta mới mau được tự tỉnh ổn nắn, hồi tâm hướng thiện, qui-y Tam-Bảo, mới có thể thoát khỏi cái khổ sanh-tử luân-hồi đặng.

Đức Phật có giảng-giải như vậy :

Người nên dứt bỏ sự giận hờn ở thân người, nên chế phục thân người, nên trừ tuyệt những điều tội lỗi ở thân người và dùng thân người để làm việc đạo đức ;

Người nên dứt bỏ sự giận hờn ở miệng người nên chế phục miệng người, nên trừ tuyệt những điều tội lỗi ở miệng người và dùng miệng người để nói lời đạo đức ;

Người nên dứt bỏ sự giận hờn ở ý người, nên chế phục ý người, nên trừ tuyệt những điều tội lỗi ở ý người và dùng ý người đề tưởng về đạo đức.

Bậc Thánh, nhân nhờ tịnh được tam nghiệp (thân, khẩu, ý) nên Ngài mới làm chủ lấy Ngài. Lời nói chơn thật là điều cần yếu thứ nhất; lời nói hòa nhã là điều cần yếu thứ nhì; lời nói hiền lành là điều cần yếu thứ ba; lời nói hữu ích là điều cần yếu thứ tư.

Phải nhẫn-nhục để trừ giận hờn ;

Phải nhân-từ để trừ hung dữ ;

Phải chơn thật để trừ giả dối ;

Phải bố-thi để trừ tham lam.

KẾT-LUẬN

Trước khi Phật nhập Niết-Bàn ông A-Nan và ông Ưu-Bà-Ly hỏi Phật như vậy : Bạch Đức Thế-Tôn, sau khi Ngài diệt độ, chúng tôi phải lấy ai làm thầy ?

Phật dạy phải lấy Pháp-luật làm thầy. Theo lẽ ấy, nếu tu không tri giới thì cũng như tu không thầy. Nếu đã tu không thầy thì không sao nênặng.

Giới ví như mặt đất nếu không mặt đất thì tất cả vạn vật chẳng biết nương dựa vào đâu ;

Giới ví như vách nhà, nếu nhà không vách thì lấy chi ngăn ngừa đạo tặc ;

Giới cũng ví như chiếc thuyền để độ người qua biển, nếu không thuyền không sao qua biểnặng.

Cho nên các bậc tu Phật, nếu muốn cho chắc được khỏi khổ mà không giữ giới, thì dầu có

ÀDN ÔV — OÀN-ÔHK — DN'ÔHT-ÔV
 hết lòng tin thành đi nữa, cũng phải bị gió trần
 nhiệm ô, đã bị nhiễm ô, thì tâm thần phải điên
 đảo, không thể nào hết khổ được.

Kinh Lăng Nghiêm có nói : Những người tu hành
 nếu không dứt đường dâm dục, sát sanh, trộm cắp,
 nói dối, mà muốn nên đạo Phật, thì chẳng khác
 nào nấu cát muốn thành cơm, nấu đến vô lượng
 kiếp cũng chẳng nên cơm dặng.

Trong kinh Ba-La-Đề-Mộc-Xoa (Patimokkha)
 Đức Phật Thích-Ca có làm bài kệ, Ngài gom cả tinh
 thần lý đạo, tôi xin diễn ra sau đây :

Giữ thân trong sạch hạnh phúc biết bao.

Giữ miệng trong sạch hạnh phúc biết bao.

Giữ ý trong sạch, hạnh phúc biết bao.

Thân cùng khẩu ý trọn lành.

Xa rời tội lỗi gần cảnh Hoa sen.

Ai mà thân khẩu ý, rên.

Giữ theo thiện nghiệp, thân bền dặng an.

Ba nghiệp hằng dặng rành-rang.

Thác thối nhập thành là dặng xưa nay.

Bị mắng chưởi, lòng chẳng phai.

Với người thâm lẫn, giận gay, chẳng sôn.

Giữ mình thanh tịnh là hơn.

Dầu ai gây, dữ oán hờn, mặt ai.

DỨT LUẬT CỤ SĨ

VÔ-THƯỜNG — KHỔ-NÃO — VÔ NGÃ

Diễn ra quốc-âm

Biền trần khổ sống bồng lai lảng,
Kiếp phù sanh đáng chán biết bao,
Tắm thân chìm đắm giạt giào,
Mật-mờ chưa biết đời nào thoát ly,
Cõi giả tạm ích gì sự thế,
Uổng tâm tư tìm kế miền trường,
Trần hoàn vạn vật vô thường,
Khổ não, vô ngã đầy đường chông gai.
Do nghiệp báo lưu-lai từ trước,
Các pháp hành, tạo được thân duyên,
Pháp hành kế tục nhau liền,
Diệt, sanh, sanh, diệt triền miên không ngừng.
Người hay thú đồng chung số phận,
Hễ có thân ngũ-uẩn, không bền,
Chịu đều, biến đổi đảo điên,
Sanh, già, đau, chết, không yên lúc nào.
Thế vật chất không sao giữ nổi,
Sức vô thường phá mỗi sát-na,
Xét cùng đâu phải thân ta,
Khó ngăn tóc bạc không cầm răng long.
Lửa ái-dục đốt lòng từ phút,
Vấy ưu phiền, chẳng chút nào nguôi,
Dễ chiặng tạm an-vui,
Suy mòn vì nhuộm nặng mùi trần ai.
Chừng thân chết nẩy hơi hơi hám,
Người, ai ai chẳng dám lại gần,
Gớm ghê, dầu bạc chỉ thân,

Đều sợ xui, lụy, hương làn, cửa nhà.
Chọn một chốn rừng già thanh vắng,
Đem thầy thi, an táng cho xong,
Địa táng, hỏa táng chẳng đồng,
Tùy duyên, tùy tục, vẫn không quản gì.
Đưa xác chết, người đi đông đúc,
Kẻ thân-nhân uất ức, khóc than,
Hình hài ba khúc rã tan,
Thình danh tiêu diệt họ hàng cách xa.
Khổ tử biệt thiết tha nung nấu,
Biệt gia tài, của báu, tình yêu,
Tám thân ngũ-uẩn đã tiêu,
Đất, nước, gió, lửa, về nhiều căn nguyên.
Thân đã chẳng, thiêng-giêng ngày tháng,
Buổi chia lìa ngao ngán đau thương.
Chung sanh, ba cõi, vô-thường.
Nền vun cội phước, tìm đường siêu sanh.
Lựa các thứ nhân lành gieo giống.
Quả kết trong kiếp sống về sau,
Mở lòng bố-thí đời-dào,
Học kinh, tri giới, khả mau tu hành.
Kẻ rời phải điều linh, sa đọa,
Vào bốn đường ác đạo khó khăn,
Vô cùng khổn khổ thân tâm,
Đời đời kiếp kiếp trầm luân không về.
Thân-khẩu-ý giữ gìn trong sạch,
Dẫn trên đường thanh bạch mà đi,
Dầu cho chuyển kiếp đến kỳ,
Cũng còn trông ngóng thoát ly khổ sầu,
Rán hối quá quay đầu hướng thiện,

Ác nghiệp trần đoạn tuyệt chớ gieo.
 Tâm đừng xu hướng, vui theo,
Thiện duyên gây dựng, trần lao dứt lần.
 Các phương pháp, yên tâm định trí,
 Chúng sanh cần tìm kiếm học hành,
 Cho lòng chán nản phát sanh,
Cội nguồn tội khổ hiểu rành sâu xa,
 Pháp chán nản dạy ta suy xét,
 Khổ cõi đời số cát sông Hằng,
 Tám điều khổ não chi bằng.
 Đây lần lượt giải, ngọn ngành như sau.
 Cõi trần-thế ra vào há dễ,
 Luật tuần hoàn nào kể chi ai,
 Thân ta chẳng lựa gái trai,
Cũng đều mắc phải đọa đày khổ sanh.
 Khi nghiệp đến pháp hành cấu-tạo,
 Thác sanh vào lòng mẹ thành phôi,
 Nguyên-tổ nhỏ nhít vô hồi,
Vốn là chất lỏng, giống dầu mà trong,
 Giọt dầu ấy dính lông con thú,
 Ta cầm lên rảy đủ bảy lần,
 Chỉ còn chút ít dính gần,
Đó nguyên chất khởi lên thân con người
 Bảy ngày đầu còn tươi trong vắt.
 Rồi lần lần biến sắc đổi màu,
 Đến tuần thứ bảy về sau,
Biến thành một chất trông vào đáng ghê.
 Đỏ dợt dợt, mỡ pha lẫn máu,
 Bởi nguyên Hành cứ tạo thêm ra,
 Lại đến bảy bữa thứ ba,

Hóa thành chất đặc, như là thịt dư,
Trong bụng mẹ an cư một chỗ,
Miếng thịt thừa tội khổ xiết chi,
Tuy hình hườn kết thể ni,
Nhưng mềm mại, như chỉ rã tan.
Tưởng tượng đến trăm ngàn ghê sợ,
Phôi bảy giờ tương tợ trứng gà,
Phôi này còn yếu chưa già,
Tuần tự thay đổi, bảy ngày thứ tư.
Bảy ngày nữa từ từ biến hóa,
Bắt đầu chia tất cả năm nhánh,
Tuy hình chưa hẳn thật thành,
Nhưng đã có dạng đầu, minh, chơn, tay.
Pháp hành đã tạo hoài không dứt.
Tuần thứ năm thất nhật vừa qua,
Nhỏ to hình dáng đầy đà,
Ba lăm ngày ấy đã ra hình hài.
Ngoài ba tháng thành thai cứng cáp.
Tai loài người nào khác thú đầu.
Cũng đều khổ não âu sầu,
Ở trong bụng mẹ co dẫu, rút chơn,
Ngồi chồm hồm còn hơn ràng buộc
Trên đồ ăn vừa được tiêu tan,
Hai tay nắm lại đỡ cầm,
Mặt day lưng mẹ, tối tăm mịt mờ.
Quanh mình vấy chất dơ, hôi thúi,
Đầu đội đồ, mẹ mới ăn vào,
Vừa dơ, vừa ngộp xiết bao
Nên hằng giã-giũa thân nào động yên.
Nếu mẹ chẳng cử kiêng ăn uống.

Mặc đói no, nuốt bương nhai càn,
Nóng, cay, nguội, lạnh không màng.
Miễn vừa khẩu dục ngó ngàn chi con,
Vật thực trùng da non của trẻ,
Nóng giât mình, lạnh sẽ phát run,
Đau thương khổ não khôn cùng.
Như chim bị trận bão bùng mưa sa.
Lại giống khi trải qua mưa gió,
Năm co-ro, một xó rét run,
Kính hoàng sợ-sệt hết lòng,
Chẳng kham nổi khổ, day tâm đôi bên.
Hoặc kiếm ở phía trên, hay dưới,
Hoặc là nơi mấy bụi gần đây,
Chừng nào tìm được bông cây,
Chui vào ẩn nấu thân này mới an.
Đủ mười tháng vẹn toàn thân thể,
Gần kỳ sanh lòng mẹ chẳng vui,
Lo âu dạ luống ngùi ngùi,
Sợ sự tai hại trong hồi khai hoa,
Mãn toan tính đũa đo, cân nhắc,
Biền mệnh mong chưa chắc dặng qua,
Quanh quần công chuyện trong nhà,
Dễ duôi nào dám đi xa bấy giờ,
Kịp đến lúc ngồi chờ hoa nở,
Quyến thuộc vầy kẻ đỡ người nung.
Chịu điều đau khổ từng cơn,
Dầu kiên gan mấy, cũng sờn nổi đau,
Người cả thấy, không sao tránh thoát.
Bóng dường như, bão tạt vào thai,
Hài nhi, như chớp, đã day,
Theo đường kinh huyết ra ngoài sản môn.

May được lúc lâm bồn yên tĩnh.
Cả mẹ con khoẻ mạnh, vuông tròn,
Ấy nhờ hồng phúc nhà còn,
Chúng sanh kiếp trước gây nhiều thiện căn.
Nếu phước báo không bằng tội ác,
Khi sanh ra chịu các khó khăn,
Dẫu còn sống sót nữa chăng?
Gật gờ dường phải đời lần đứt hơi!
Vì nhân ác đến hồi trả quả,
Chúng sanh này, thảm họa chết non,
Chết ngộp, hoặc chết mỗi mòn,
Chết ngoài bụng mẹ hoặc còn trong thai.
Ngán ngẩm kiếp sanh lai tất tử!
Từ thác sanh đến buổi lọt lòng,
Mạng căn nào biết chắc không.
Nhưng đều phải chịu trong vòng khổ lao,
Suy nghĩ cháu xôn xao tất dạ,
Xét khổ sanh buồn bã âu sầu,
Đây là hết khổ dặng đầu,
Có thân còn phải lãnh thân khổ già!
Sự khổ già thân ta hằng chịu,
Dầu gái trai tiểu tụy như nhau.
Đời thay chẳng trước thì sau,
Suy mòn từ lúc tốn hao từ giờ!
Buổi niên thiếu ngày thơ, dầy đặn,
Sắc xinh tươi đủ vẹn mười phần,
Dáng điệu đẹp dễ tốt lành,
Dương dương đắc ý, tuổi xanh thường tình.
Độ trẻ trung vóc mình tráng kiện,
Hằng phô bày thể diện đáng yêu,
Thế gian ai cũng ưa chiều,

Gái trai đều có tự kiêu thuở nầy.
Mê muội tưởng đẹp hoài không giảm.
Quá lạc lăm quí mẩn thân ta,
Sắm đồ trang sức, xa-hoa,
Điêm tô cho đặn, đẹp ra tuyết trần.
Dụng kính, lược, dự phần chải gỡ,
Giới phấn son, sắc sỡ thêm duyên,
Chẳng vừa sở tạo, tự-nhiên.
Lắp mũi hám trước ướp liền nước thơm.
Công trang điêm, sớm hôm không dứt,
Dáng bên ngoài đến cực kỳ xinh,
Đủ các tư-cách gọi nhìn,
Thật ra nào khác như hình trái sung.
Xác ô-uế, đều cùng nam nữ,
Túi đựng đầy những thứ đồ dơ,
Lại còn biến đổi dường mơ,
Chậm, mau, rồi cũng có ngày tiêu tan!
Hữu tình đến vội vàng tuổi hạc,
Mái tóc xanh trắng bạc như bông,
Dầu cho cạn tri hết lòng.
Cản ngăn nó cũng vẫn không nghe nào.
Tay chơn thấy mòn hao, gầy yếu,
Lần lần còn xương chịu lấy da,
Thời thời tráng kiện đã qua,
Vô-thường xô đuổi, buổi già đến thay.
Mất sáng suốt những ngày rực rỡ.
Chưa bao lâu đã trở nên lờ,
Trông xa các vật tờ mờ,
Nhân quan, suy kém cò chờ cho đâu,
Đồng thời phát khổ sâu tai điếc,
Lóng mà nghe chẳng thiết tiếng tăm,

Nghe lắm, ắt nói lại lắm,
Nhĩ quan đã hẳn âm thầm hoại tiêu.
Cuộc biến đổi rất nhiều cơ-sở,
Đây trưng ra mấy cơ thật gần,
Như răng, phải rụng lần lần,
Đó là triệu-chứng tẩm thân đã già.
Tham luyến sống cũng là phải chết,
Thân, hữu hình, chưa hết bao lâu,
Thế rằng: «Sanh tử quan đầu».
Ta nên lấy đó làm câu răn mình.
Cũng có kẻ, quá tin sức khoẻ,
Tâm trẻ con, thân thể đã già.
Có ai kêu thử, ÔNG, BÀ,
Dầu không oán giận, cũng là không vui,
Nghe tiếng gọi ngậm-ngùi không dĩ,
Trái lại kêu bằng CHỊ hay ANH,
Tưởng mình đương độ xuân xanh,
Vui mừng, thoả mãn, làm lành thêm lên,
Hạng người thế, không nên ái truat,
Người chẳng thông kinh luật khuyên răn,
Hạng này hay có làm xằng.
Ai thân cận lắm, ắt hằng như vậy,
Nghĩ chín-chắn thân này ắt hoại,
Đã nhớt như mà lại không bền,
Khổ Già, đeo đuổi một bèn,
Khổ Đau, liên tiếp cho thêm náo nề.
Ôi, thảm khốc, nhắc về Bệnh-khổ,
Một cơn đau phát lộ đến ta,
Do nhiều bệnh chứng hà-sa,
Toàn thân rũ-riệt thiết-tha lắm hồi.
Bệnh suyễn mệt, nói thối không xiết,

Bệnh ho lao, bệnh kiết, ung thư,
Ghẻ chốc, tê, bại cốt hũ,
Đàn ông cũng phải chịu như đàn bà.
Bệnh cùi, lát thúi tha, lây lưa,
Những lông ben ăn tủa châu thân,
Nhứt dầu, xỏ mũi, rút gân,
Phủ thuốc sưng khắp tay chơn, mặt mày,
Lưng gối mỗi, thiên-thời, gió, rét,
Bệnh đau răng, mũi nghẹt, trái, ban,
Sưng phổi, cạn mật, héo gan,
Những bệnh hư, thiệt, nhiệt, hàn cũng lo.
Cử đời bệnh, nghiệm cho ra lẽ.
Dầu bệnh cơ nặng nhẹ khác nhau,
Nhưng mà đã phải vương đau,
Khổ thân chẳng biết tả sao cho cùng,
Đời hay nói : Đau chơn hả miệng,
Ngoài thuốc thang còn chuyện dị-đoan,
Nhờ thầy bốc trộn, lập đàn,
Ông này, bà nọ cầu an đêm ngày,
Sợ có sự nạn tai đồn-dập,
Cầu hỏi cho đặng gặp cơ duyên,
Hết lòng khẩn vái chư Thiên,
Hộ căn bệnh ấy, giảm thuyên từ này.
Vong cha mẹ trên mây, ngoài gió,
Hoặc ông bà, mà có hiền linh,
Xin về độ bệnh mạnh lành,
Sửa sang tế vật, lòng thành dâng cho.
Bởi lầm-lạc chẳng lo kinh-kệ,
Mãi chuyện cần, tế-lễ cầu xin.
Bệnh do nghiệp-chương của mình,

Há vì cúng quấy bịnh tình thoát sao,
Thân đã có, nguồn đau phải có,
Mãn tối tăm chẳng rõ hiệp tan,
Chúng sanh trong cõi thế gian,
Nặng nhẹ đều phải vương mang bịnh trần,
Chỉ tránh khỏi có phần LA-HÁN,
Cảnh NIẾT-BẢN dứt nạn khổ đau,
Còn trong ba cõi trần lao,
Những sự chết, sống ốm đau là thường,
Thấy bịnh hoạn cảm thương thân thể,
Cũng toan lo, tìm kế giải sầu,
Khổ đau càng thắm càng lâu,
Rồi đến khổ CHẾT bắt đầu vẫn theo.
Khi khổ CHẾT đã gieo mầm dữ,
Thân chúng sanh mất sự thăng bằng,
Trẻ già đều phải hãi-hùng,
Nhưng gần đến chết thì lòng hay quên,
Con hấp hối, run lên không dứt,
Khấp thân mình, thịt giựt, gân thun,
Tay chơn chuyển động vẫy-vùng,
Ruột gan, dao cắt, vô cùng đón-dau,
Ngày tận số, lâu, mau, đã tới,
Cái THỨC-THẦN lia với xác dơ,
Rồi thân ba khúc nằm trơ,
Toàn thấy lạnh buốt, cứng rờ như cây,
Quyển thuộc vẫn trông thấy than tiếc,
Người chết rồi còn biết là chi,
Thân kia đã gọi THÂY, THI,
Con người ấy gọi là đi QUA ĐỜI,
Khi đã chết không nhờ của cải,
Cùng vợ chồng, con cái, mẹ cha,
Anh em, quyến thuộc, gần xa,
Khó trông diu.dắt, cõi ma, một mình.

Thậm chí đến, đồng trình các bậc,
Đề trong mối, người thác theo lẽ,
Cũng không đem được dựa kê,
Cõi trần để lại, ra về HỒN không !
Quý VÔ THƯỜNG, vô song quyền thế
Giết chúng-sanh bất kể gái trai,
Giết người chẳng lựa cho hay,
Dầu CHƯ-THIÊN cũng bị tay vầy-vò.
Đời sanh sống làm cho tiêu diệt,
Sát SANH-LINH chẳng biết xót than !
Chỉ trừ một cõi NIẾT-BÀN
VÔ-THƯỜNG chẳng dám lộn hàng đến đây,
Bởi chung ở cảnh này tịch-tịch,
Đầy yên vui chẳng dính bụi trần,
Phước báo, to lớn muôn phần,
Chẳng hư, chẳng hại, là thân vàng-ròng,
Trưởng chết sống, sanh lòng phiền não,
Muốn khỏi thì rán tạo phước duyên,
Cố công TRÌ-GIỚI, THAM-THIỀN,
Đặng có kết quả, về miền AN VUI
Chớ hờ-hững dễ-duôi sự ác,
Đừng dễ cho lầm-lạc càng tăng,
Tĩnh liễn, vun tưới thiện căn,
Nghiep theo chẳng kịp, khi thăng NIẾT-BÀN
Nếu lần lựa, muộn-màng sanh hại,
Cũng đừng nên ý-lại vào ai,
Bụt.Thô (Buddho) một tiếng Tăng bày,
Trong cơn hấp-hối, niệm sai, lạc đường.
Ta nên nhớ VÔ-THƯỜNG, KHỔ-NÃO,
Đừng đợi cho nghiệp báo đến nơi.
Đọa đày, vừa lúc tắt hơi,
Bốn đường ác.đạo đời đời khó ra,
Sự khổ chết, nguyên là nghiệp dữ,

Luật luân-hồi, tử, tử, sanh, sanh,
Còn khổ quả-báo sẵn dành,
Chính ta gây kết đã thành từ lâu,
Vô minh đã gieo sâu nhân ác,
Nhân đến hồi kết các quả sâu,
Do câu « THIỀN-ÁC ĐÁO-ĐẦU »
Về sau phải chịu, Vui Rầu chẳng sai.
Vi làm lạc giữ hoài tâm-ác,
Cõi Trần này giết thác sanh-linh,
Mà không một chút niệm tình,
Cứ làm việc dữ, tự mình không lo,
Vật có chủ, không cho cũng cấp,
Vợ con người, mê hoặc tà-dâm,
Tính toan mưu kế âm-thâm
Chẳng kiên luật-pháp. tối tăm làm liều,
Nói dối cũng một điều rất dữ,
Lòng phát ra miệng cứ nói đùa,
Có người uống rượu say sưa,
Dầu ai thức tỉnh, không chữa thói quen.
Cõi hiện tại, nhúm-nhen, ngũ-nghiệp,
Tánh xấu xa chẳng kịp đổi thay,
Chết rồi phải bị đọa-đày,
Xuống nơi ĐỊA-NGỤC chịu hoải nạn tai,
Các tội ác, không sai một bước,
Bóng theo hình, cái trước, cái sau,
Nhân nào quả nấy, liền nhau,
Mình gây mình chịu, ai vào giúp ta,
Bị quỷ-sứ hành-hà đánh đập,
Kéo lôi bừa, bằm dập, chẳng thương,
Lửa phiền thiêu đốt thịt xương,
Chết, sống, sống, chết, luôn luôn không ngừng.
Sự khổ cực bởi chưng ác báo,

Gái hay trai, đã tạo phải mang,
Cảnh này ác quả đã tan,
Sanh làm NGA-QUI nẹ nhàng đôi phần,
Giống NGA-QUI toàn thân ghê tởm,
Đói khát khao, hóm sớm nhe nanh,
Ăn rònng mũ máu hời tanh,
Hết kiếp NGA-QUI tái sanh lên đời,
Loài súc-vật trên bờ dưới nước,
Lớn nhỏ, vì từ trước dễ duôi,
Đành cam số phận hăm hiu,
Làm những vật thực để nuôi mạng người,
Bắt giết hại mấy mươi chẳng tiếc,
Tàn sát cho đáng nghiệp hồi xưa,
Hành hình thảm khốc mới vừa,
Đó là QUẢ-BẢO có chừa chi ai,
Cũng có kẻ đầu thai THẦN-QUI,
A-TU-LA, NGA-QUI khác chi,
Cũng đều đói khát nhiều khi,
Chịu chẳng biết mấy TĂNG-KỶ (1) kiếp lâu,
Kiếp quá-khứ rất giàu tội khổ,
Tội khổ này chẳng bỏ sót ai,
Chúng sanh khắp hết bốn-loài,
Thấp-hóa, không hạn, Noãn Thai chẳng trừ,
Nhân ác đã gieo từ Vô-Thị,
Quả xấu xa trực chỉ theo mình,
Làm cho tất cả chúng sanh,
Mỗi kiếp phải chịu khổ hình như trên.
Cõi giả-tam dương tên thắm thoát,
Kiếp này qua, kiếp khác đến thay,
Rồi trong những kiếp VỊ-LAI,
Cũng là khổ-não, nạn tai đầy đầy,

(1) Nói cho đủ là A-Tăng-Kỷ, nghĩa là vô số

Sự khổ-não bao vây liên sát,
Khiến chúng sanh lầm lạc thêm hoài.
Vi chưa thoát khỏi TRẦN-AI,
Nên những nghiệp dữ không ngày nào xa.
Đây ta thử xét qua HIỆN-TẠI,
Chẳng khổ nào sánh lại khổ ăn.
Vi chung đói khát, khó khăn,
Muốn cho no đủ, nên hằng phải lo,
Nghèo sạch đất, giàu to cũng thế,
Nhọc ưu tư, nào kẻ ngày đêm,
Có rồi lại muốn có thêm,
Bằng người chưa có cũng tìm cho ra,
Nếu biếng nhác ở nhà thông thả,
Ăn không lo ,lỡ cả núi sông,
Mối ăn nặng cánh bên lòng,
Mãn nuôi mạng sống, dày công liệu lường.
Già chí trẻ vẫn thường lam lụng,
Làm kiếm ăn phải dụng tấm thân,
Xác thịt lẫn với tinh thần,
Khó khăn cũng chịu, nhọc nhằn cũng cam,
Bệnh đói khát hằng làm vất-vả.
Thuốc dầu hay, chẳng đủ tạt này,
Không được ăn uống, ốm gầy,
Càng lâu ắt phải bỏ thây cõi trần,
Ăn hay gấp mấy lần diệu-dược,
Có ăn rồi, bệnh được giảm thuyên,
Chúng sanh dần biếng cũng siêng,
Không sao tránh khỏi phải quyền sanh-nhai.
Có kẻ rón cầy cày, đào, cuốc,
Luống chuyên cần, rẫy bãi ruộng nương,
Kẻ thì làm mướn, bán buôn.
Bết bao khổ-cực, luôn luôn mọi đời,

Người giàu có thanh-thời đôi chút,
Bởi từ xưa quả phúc vo-tròn
Cỏi trần, hái trái ngọt ngon
Khỏe thân, nhưng cũng vẫn còn khổ tâm
Những khổ nảo đã lần lượt giải
Vẫn tất đây, đại khái tám điều
Chúng ta lấy đó làm nêu
Gái, trai cũng phải chịu điều khổ lao
Biết rõ khổ, ta mau thức tỉnh
Rán tu hành, Giới-Định làm căn
Mong cầu giải thoát trói trắng
Trần khổ xa tách, nhẹ thặng Niết Bàn.

PHÁP TRÍCH LỤC

III— PHÁP TRÍCH LỤC

GIẢI VỀ TÍCH NHÂN QUẢ TÓM TẮT

Trong kinh có chép lời ông A-Nan nói: « Ta thiết có nghe như vậy : Một thuở nọ Phật ngự nơi tịnh xá, trong đám cây ông Kỳ-Đà Thái-tử, trong vườn ông Cấp-Cô-Độc, tại thành Xá-Vệ, có một người thiếu-niên tên Subha, con của ông Todeyya đi đến chỗ Phật ngự, vào làm lễ và bạch rằng :

Bạch Đức Thế-Tôn, tại duyên cớ nào mà con người sanh ra ,

có kẻ chết sớm, người lại sống dai ;
có kẻ bệnh nhiều, người lại bệnh ít ;
có kẻ vô duyên, người lại hữu duyên ;
có kẻ thế cô, người lại quyền lớn ;
có kẻ bần cùng, người lại phú túc ;
có kẻ thấp hèn, người lại cao sang ;
có kẻ bất tài, người lại tri thức.

Bạch Đức Thế-Tôn, tại duyên cớ nào mà con người sanh ra, lại có bậc sang hèn khác nhau như vậy ?

— Người thiếu niên này! ấy cũng bởi nhân quả mà ra, cái nhân lành mà con người đã tạo, thì con người hưởng lấy; cái nhân dữ mà con người đã gây, thì con người mang lấy.

Cái nhân là mẹ sanh ra con người cao sang hay là hèn hạ vậy.

— Bạch Đức Thế-Tôn, Ngài nói vắn tắt thế ấy tôi chưa được trọn hiểu cái lý nhân quả cao siêu, cúi xin Đức Thế-Tôn giảng giải rộng thêm cho

tôi được tốt rõ lý nhân quả, bằng một cách dễ dàng hơn.

— Người thiếu niên này! vậy người rần lòng nghe Như-Lai nói.

— Bạch Ngài tôi hết lòng xin nghe,

Phật bèn giải rằng :

1 — Người yếu tử

Đây, người thiếu niên này! kẻ nào trai hay gái, ham sự chém giết, quen thói sát sanh, không lòng nhơn từ cùng loài động vật, bởi cách hành động chẳng lành ấy, sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo nên phải đọa vào địa-ngục. Nhưng nếu sau khi thác, không sa địa-ngục, mà tái sanh lại làm người, thì phải bị chết yểu.

2 — Người trường thọ

Đây, người thiếu niên này! trái lại kẻ nào trai hay gái, không lòng chém giết, giữ giới sát sanh, tay không cầm khí giới, hằng sợ tội lỗi, có lòng nhơn từ cùng loài động vật, người đó, bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, nên được sanh trong thượng giới nếu tái sanh lại làm người, thì được trường thọ.

3 — Người nhiều tật

Đây, người thiếu niên này! kẻ nào, trai hay gái, tánh tình hung dữ, thường đánh đập những loài động vật bằng tay, hoặc bằng cây, hoặc bằng khí giới, người đó, bởi cách hành động chẳng lành ấy sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo, nên phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu sau khi thác không sa địa ngục mà tái sanh lại làm người, thì thường hay đau ốm.

4 — Người thường mạnh khỏe

Đây, người thiếu niên này! trái lại kẻ nào trai hay gái, tâm tánh hiền từ, không hay đánh đập những loài động vật, bằng tay, hoặc bằng cây, hoặc bằng khi giới, người đó bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được sanh trong thượng giới. Nhưng nếu sau khi thác, không sanh trong thượng giới, mà tái sanh lại làm người, thì thường được mạnh khỏe.

5 — Người vô duyên

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, lòng hay nóng giận, bất bình, hét la, mỗi chút mỗi gắt gỏng, người đó bởi cách hành động chẳng lành ấy, sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo, phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu sau khi thác, không đọa vào địa ngục, mà tái sanh lại làm người, thì thường hay buồn bực, mặt mày xấu xa.

6 — Người hữu duyên

Đây, người thiếu niên này, trái lại kẻ nào trai hay gái, không lòng nóng giận, chẳng dạ bất bình, hét la, cần nhẫn, người đó bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được sanh trong thượng giới, nhưng nếu sau khi thác, không phi thăng thượng giới, mà tái sanh lại làm người, thì sắc mặt thường hay vui vẻ xinh đẹp.

7 — Người thế cô

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, thấy người khác giàu sang, danh tiếng, được thiên hạ kiêu-vì, yêu-mến, từng-phục, mà sanh lòng ao

ước ganh-gỗ, người đó, bởi cách hành-động không lành ấy, sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo, phải đọa vào địa-ngục; nhưng nếu sau khi thác không đọa vào địa ngục, mà tái sinh lại làm người, thì phải chịu thế có quyền yếu.

8 — Người quyền lớn

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, không lòng ganh-gỗ, thấy người khác giàu sang, danh tiếng, được thiên-hạ kính vi, yêu mến, tụng-phục mà không lòng ao-ước, ghét ghen, người đó, bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được sanh trong thượng-giới, nhưng nếu sau khi thác không sanh trong thượng-giới, mà tái sinh lại làm người thì được quyền cao thế trọng.

9 — Người bần cùng

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, không lòng bố-thí vật ăn, nước uống, thuốc men, y phục, giường nằm, chỗ ở, dầu đèn cho các bậc Sa-Môn hay Bà-la-môn; người đó, bởi cách hành động chẳng lành ấy, sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo, phải đọa vào địa-ngục. Nhưng nếu sau khi thác, không đọa vào địa-ngục, mà tái sinh lại làm người, thì phải bị bần cùng khổ não.

10 — Người phú túc

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, thường hay bố thí vật ăn, nước uống, thuốc men, y phục, nơi nằm, chỗ ở cho các bậc Sa-môn hay Bà-la-môn; người đó, bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được

sinh trong thượng-giới. Nhưng, nếu sau khi thác, không sinh trong thượng-giới, mà tái sinh lại làm người, thì được giàu có.

11 — Người hèn hạ

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, có lòng khinh rẻ, không chào hỏi những người đáng chào, không nhường chỗ ngồi cho những người đáng nhường, không nhường đường đi cho những người đáng nhường, không kính trọng những người đáng kính-trọng; người đó, bởi cách hành động chẳng lành ấy, sau khi thác do cái nhân dữ đã gieo, phải đọa vào địa-ngục. Nhưng nếu sau khi thác không đọa vào địa-ngục mà tái sinh lại làm người, thì phải chịu bề hèn hạ

12,— Người cao sang

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, không lòng khinh rẻ, hay chào hỏi những người đáng chào, tiếp rước những người đáng tiếp rước, nhường chỗ ngồi cho những người đáng nhường, nhường đường đi cho những người đáng nhường, kính trọng những người đáng kính trọng; người đó, bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được sinh trong thượng-giới. Nhưng nếu sau khi thác không sinh trong thượng-giới, mà tái sinh lại làm người thì được sang cả.

13.— Người bất tài

Đây, người thiếu niên này, kẻ nào trai hay gái, không tìm kiếm các thầy Sa-môn hay là Bà-la-môn để học hỏi như vậy: Bạch thầy, đạo đức là

thế nào? Lành là thế nào? Dữ là thế nào? Điều nào đáng chê? Điều nào đáng khen? Điều nào nên làm? Điều nào không nên làm? Điều nào cho tôi được trong sạch và yên vui? Người đó, bởi cách hành động chẳng lành ấy, sau khi thác, do cái nhân dữ đã gieo, phải đọa vào địa-ngục. Nhưng nếu sau khi thác, không đọa vào địa ngục, mà tái sanh lại làm người, thì phải chịu bề dốt nát.

14.— Người trí hóa

Đây, người thiếu niên này, trái lại kẻ nào trai hay gái, có lòng tìm kiếm học hỏi với các bậc Sa môn hay Bà-la-môn như vậy: Đạo đức là thế nào? Lành là thế nào? Dữ là thế nào? Điều nào đáng khen? Điều nào đáng chê? Điều nào nên làm? Điều nào làm cho tôi trong sạch và được yên vui? Người đó, bởi cách hành động lành ấy, sau khi thác, do cái nhân lành đã gieo, được thăng thượng-giới. Nhưng nếu sau khi thác không thăng thượng-giới, mà tái sanh lại làm người, thì được thông-minh trí-huệ.

Người thiếu niên này, chúng sanh tạo nhân lành thì được hưởng quả lành; bằng tạo nhân dữ, thì phải mang quả khổ: cái nhân là mẹ của chúng sanh. Chúng sanh được cao-thăng hay bị sa-đọa cũng do nơi cái nhân mà ra vậy.

Nghe Đức Thế-Tôn giải xong rồi, người thiếu niên Subha, con của ông Todeyya, bèn bạch cùng Phật rằng: Hoàn-toàn thay, Đức Thế-Tôn! cũng như kẻ bị trói mà được mở, như kẻ lằm đàng mà được thấy nẻo chánh, như kẻ mù mà được

sáng, như nơi tối mà được đèn. Bạch Đức Thế-Tôn, nhờ Ngài chỉ dạy cái lý nhân quả rất phân minh nên tôi mới được rõ thông dàng ngay nẻo vậy, tôi tình nguyện qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng, xin Đức Thế-Tôn nhận chịu cho tôi là kẻ thiện-nam kể từ nay cho đến ngày cùng của tôi.»

Lấy đó mà xét thời chúng ta phải tin chắc rằng có nhân tức có quả, làm lành ắt gặp lành, làm dữ ắt gặp dữ, một mảy chẳng sai.

Vậy nếu đã có tin nhân quả báo ứng thì chúng ta nên mau mau hồi tâm hướng thiện qui y Tam Bảo cho kịp thời.

Dứt tích nhân quả tóm tắt.

PHÁP THƯỜNG TỰ HÓA

(Attānusāsanī)

Đức Phật có giải trong kinh **Samyutta nikāya** rằng **Nathi attasaman pemaṇ**. Nghĩa là : Không thương cái chi cho bằng thương cái TA. Tiếng gọi là TA ấy, phạm ngữ gọi là ATTA hay là ATMAM là đề chỉ về cái TÂM vậy. Bởi tâm nương theo thân, nên mới có suy nghĩ đến điều quấy sự phải, biết lẽ tà điều chánh. Thân và tâm nương lẫn nhau mới hay cử động được, như đó mới hiệp thân và tâm lại gọi là TA vậy.

Lẽ thường, thiên hạ đều thương cái TA hơn cả mọi vật, chẳng có một ai là người mến yêu nhân vật nào khác cho bằng hoặc hơn cái TA. Chẳng cần nói đến người có nhan sắc xinh đẹp, dầu là kẻ

tàn tật (cùi, phun, mù, điếc), họ cũng vẫn thương cái TA hơn hết; cho đến chồng vợ, con cháu, vàng bạc, châu báu, đều là cái đáng thân thiết lắm, mà họ cũng chẳng thương hơn cái TA của họ được.

Tất cả mọi người trên thế-gian đều làm đủ các công nghệ, là họ chỉ đề mong được lợi-ích cho cái TA. Như kẻ lao công, thầy thuốc, buôn bán, công chức, tư chức, các ty các sở, các ngành, thì họ cũng đều trông được sự ích lợi cho cái TA trước.

Cho nên Đức Phật Thích-Ca có giải rằng : Không thương vật chỉ cho bằng thương cái TA, là lẽ như vậy.

Con người làm những việc gì, là chỉ mong mỗi được sự hạnh-phúc cho cái TA. Nhưng phần đông hằng đề ý chuyên về điều danh lợi nhân tiền, không lòng lo xét đến sự lợi-ích hậu lai; có kẻ đã chẳng tìm làm việc phước đức, như là không bố thí, tri giới, mà lại còn đề cho thân, khẩu, ý xu hướng theo nghiệp dữ, nên phải mang quả khổ từ đời này, qua đến kiếp sau, mà cũng vẫn chưa tự tỉnh. Cách hành-động như thế ấy, sao gọi là thương cái TA cho được. Dường ấy Đức Phật thuyết là ghét cái TA vậy.

Cho nên các bậc Thiện-trí-thức, khi đã rõ rằng : Nếu TA thật thương TA, TA phải sớm mau hồi đầu hướng thiện, bỏ dữ về lành, tránh xa tam độc là tham, sân, si, không nên đề cho lắm nhớ đến tâm trí ta vậy. Vả lại sanh-mạng của con người và súc-sanh vẫn không bền vững lâu dài; cái già, cái

đau, cái chết hằng ở trước mắt. Nếu TA dễ-duôi hoặc tà-kiến lầm tưởng rằng : TA chưa chết sớm, thì làm cho : TA lại càng chịu theo cái vọng-tâm, thì hành những nghiệp dữ chẳng sai. Nếu trong lúc TA dễ-duôi lầm-lạc ấy mà nhằm ngày mạng chung, dầu TA có muốn tạo việc lành đi nữa, cũng khó làm cho kịp được, (bởi cái tâm chưa quen tạo nghiệp lành). Lại nữa cái chết là một cái khổ lớn nhưt. Bởi trước khi chết hằng có sự đau, nhức quá lắm, rồi mới chết. Như vậy lẽ nào TA còn dễ-duôi, không lo tìm con đường để tránh trước, là không bố thí, trì giới, tham thiền, hoặc niệm Phật cho tinh tấn, trong lúc hiện thời đây, đến khi cái chết đến, ta ắt phải loạn động, vì sự đau nhức ; nếu loạn động, thì cái thân người ắt mất, phải bị đọa một trong 4 con đường dữ (súc-sanh, a.tu-la, nga-quỉ, địa-ngục) chẳng sai, khó trở lại làm người nữa được. (Hiệp theo trong nho có câu : Nhứt thất nhưn thân, vạn kiếp nan tái phục). Do lẽ ấy TA phải nên hết lòng thương tiếc đến TA cho lắm, phải nhớ đến câu: vạn kiếp nan sanh đắc cá-nhơn (muôn kiếp khó sanh đặng làm người) Cho nên Đức Phật có giải trong kinh **Khuddanikāya** rằng: **Kicchomanussa patilābho, kicchan mac-cānajīvaṇ, kicchan saddhammassavanaṇ, kiccho buddhānamuppādo**, nghĩa là: được luân hồi lại làm người là sự khó, được sống lâu là sự khó, được nghe Phật Pháp là sự khó, được gặp Đức Phật ra đời là sự khó.

Về bốn điều khó trên đây Đức Phật có giải rằng.

1.— Khó được sanh ra làm người,

2.— Sanh ra làm người rồi khó được sống lâu.

3.— Được sống lâu rồi, khó được nghe Phật Pháp.

4.— Khó được gặp Đức Phật.

Chỗ nói khó được sanh ra làm người ấy có giải rằng: Chúng sanh được đầu thai làm người, thật là chẳng dễ, thật là rất khó. Chỉ phải một lòng tinh tấn làm việc phước-đức cho nhiều, thì mới có thể trở lại làm người nữa được. Đã sanh ra làm người rồi, mà cũng khó được toàn vẹn, bởi con người có 4 hạng :

1.— **Manussanerayiko**, là người như kẻ địa ngục.

2.— **Manussapeto**, là người như ngựa-quỉ.

3.— **Manussatiracchāna**, là người như súc sanh.

4.— **Manussabbhūto**, hay là Manusso, là người thật.

Người như kẻ địa-ngục là bởi kiếp trước làm việc chẳng lành, như là phạm tội sát-sanh bị cắt tay hoặc cắt chơn, phải chịu điều khổ não hằng ngày. Hạng người như đây, gọi là như chúng sanh trong địa-ngục, là người cũng có thân-thể như ai, nhưng phải chịu lao khổ như kẻ ở địa-ngục.

Hạng người không thể hưởng vật thực ngon ngọt được, là do kiếp trước đã có làm nhiều nghiệp dữ, nên nay bị đói khát khó khăn, cùng cực, không nơi nương tựa. Hạng người như đây gọi là như ngựa-quỉ, là người cũng có thân-thể như ai, nhưng hằng bị đói khát, khổ cực như quỉ đói.

Lại có người đề dúng về việc khiêng, gánh, kéo, vác nặng nề cho kẻ khác, làm những điều tội lỗi, hằng bị người nạt nộ, đánh chửi, bị sự mệt nhọc, buồn lo, không phân-biệt phải quấy, không lòng hổ-thẹn, lạnh dữ làm lạnh. Hạng người như đây, gọi là như súc-sanh, là người cũng có thân thể như ai, nhưng phải làm những việc tội lỗi không lòng hổ-thẹn ăn-năn, chẳng khác nào súc-vật.

Hạng người thông rõ góc ngọn, điều tội việc phước, tin lý nhân quả, vì hổ-thẹn và ghê-sợ tội lỗi, có lòng từ bi, tránh xa nghiệp dữ, một lòng tinh-tấn tu theo thập-thiện. Người mà hành-động như đã nói đây, mới gọi là người thật, đã có thân hình đều đủ, mà lại còn biết bố-thí tri-giới vân vân...

Bởi có nhiều duyên cớ khó sanh raặng làm người cho vẹn toàn, nên Đức Phật có nói:

Kicchomanussapatilābho.

Nghĩa là : Được sanh ra làm người là một sự rất khó, mà đã sanh ra làm người rồi muốn gìn giữ cho được sống lâu lại là một việc rất khó ; vì sanh-mạng của người và cầm thú rất là mỏng-mạnh, thân mình rất mau hư hoại, tuy cố gấn trau giồi săn sóc thuốc men thì cái sống ấy cũng chẳngặng lâu dài.

Lại nữa, dầu có sống lâu cũng khó mà nghe được giáo-pháp của bậc Thiện-trí-thức giảng-giải lẽ chánh lời ngay. Rất khó được dịp may mà gặp Phật ra đời. Chẳng có cái khó nào sánh bằng cái khó

tu cho thành được bậc Chánh-giác, vì phải chỉ công chỉ đức ; tu tròn đủ 10 pháp thập-độ.

Phương pháp chứng bậc Phật toàn-giác có ba hạng :

1.— **Pannādhika**, do nhiều trí-tuệ, tu 4 a-tăng kỳ và 100.000 kiếp mới chứng quả.

2.— **Saddhādhika**, do nhiều đức-tin, tu 8 a-tăng kỳ và 100.000 kiếp mới chứng quả.

3.— **Viriyādhika**, do nhiều tinh-tấn, tu 16 a-tăng kỳ và 100.000 kiếp mới chứng quả.

Chỗ nói kiếp là chỉ về cái hiệu tuổi của trái đất. Phật có giải cho các thầy Tỷ-Khuru rằng : Các thầy Tỷ-Khuru này ! tiếng nói kiếp ấy chẳng phải đến trăm hoặc ngàn năm mà được đâu, chỉ phải biểu bằng cách thí-dụ mới đặng. Các Thầy Tỷ-Khuru này ! Ví như một đồng hột cải cao lớn một đo tuần, vuông vức bốn góc bằng nhau, đến 100 năm mới có một người đến lấy một hột cải trong đồng ấy ra, như vậy cho đến hết, mới gọi là một kiếp.

Bốn a-tăng-kỳ là một Đại-A-Tăng-kỳ.

Trong kinh **Paramatthadīpani atthakathā cariyā Pitaka** có giải phân minh. Đây chỉ nói tóm tắt cho biết thời kỳ có 1 vị Phật-Tổ ra đời chẳng phải là dễ, thật là vô-lượng vô-biên kiếp mới có. Chỉ phải cố-gắng tu hành cho tinh-tấn, trọn đủ phép thập-độ, mới có thể chứng quả Phật được, bằng tu còn thiếu sót một chút xiểu cũng khó thành bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác. Như lúa trong ruộng, nếu chưa đến kỳ thì cũng chưa có thể trở bông.

sinh hột được. Cho nên Đức-Thế-Tôn có thuyết rằng **Kiccho bubdhānamuppādo**. Nghĩa là cách ra đời của vị Phật-Tổ là một sự khó.

Nay chúng ta sanh ra làm người, đã được mạnh khỏe, còn thêm gặp Phật-Pháp (Tam Tạng), là Phật ngôn rất quý báu nữa, ví như mình gặp được Đức Phật vậy, tức là mình đã khỏi 4 điều khó đã kể trên, là mình rất hữu phước. Đó là một dịp rất may rất quý cho chúng ta sớm mau hướng thiện: bố thí, tri giới, tham thiền, niệm Phật, học hỏi chơn-lý cho chu-đáo, hầu trau giồi thân tâm trong lúc hiện thời, cho kịp kỳ, chớ nên say mê theo lục-dục làm cho mất cái thân người đi, thì ắt khó kiếm lại được. Ví như người có thuyền bè xe cộ, không lẽ để cho nó hư mục, tan rã, phải nên dùng nó chở chuyên hàng-hóa đi buôn lấy lời; cũng như chúng ta có cái thân người không lẽ để cho nó già, để cho nó chết vô-ích, cần phải dùng nó làm việc lợi-ích nghĩa là chúng ta phải sớm mau tỉnh ngộ, hồi đầu hướng thiện, lánh dữ làm lành, bố thí, tri giới, hầu hưởng cái quả vui trong đời này và kiếp sau.

Lại nữa, những người có làm việc lành như là bố thí, tri giới, mới đáng gọi là người biết thương TA.

Đức Phật có giải rằng:

**Attānāṃ piyaṃ jānā rakkheyyaṇaṃ
surakkhitaṇ tinnamānānataṇ, yāmaṇ patijag-
geyya pandito.**

Nghĩa là : Nếu bậc thiện hữu trí-thức đã biết thương cái TA, thì phải gìn-giữ cái TA cho được trong sạch.

Hỏi : nếu muốn cho cái TA được trong sạch phải làm thế nào ?

Đáp : người tại gia phải tu hạnh bố thí, trì ngũ giới, bát giới, tùy theo sức mình. Bậc xuất gia phải hành tròn phạm-sự, là học kinh luật cho nhuần nhã và vâng giữ làm theo, mới gọi là trau-giồi thân tâm trong sạch.

Kinh **Samyuttanikāya** có nói lúc Đức Phật Thế-Tôn ngự tại thành Xá-Vệ, có Đức vua Pasenadi Kos-sala ngự đến làm lễ Phật và bạch rằng: Tôi có suy nghĩ rằng, những người hành theo tam-nghiệp-tội (thân, khẩu, ý ác), tôi không gọi là thương cái TA đâu, dầu họ có nói thương cái TA, thì cũng gọi là ghét cái TA. Trừ ra những người hành theo thập thiện, thì mới đáng gọi là thương cái TA cho.

— Đức Thế-Tôn đáp : Phải rồi, Đại Vương !

Phải như vậy rồi, chúng sanh nào hành theo thân, khẩu, ý ác, thì chúng sanh đó đều là người chẳng phải thương cái TA, phải gọi là ghét cái TA vậy. Dầu là họ nói là thương cái TA, thì cũng gọi là ghét cái TA thật. Những chúng sanh nào hành theo thập thiện, mới nên gọi là thương cái TA thật.

Cớ ấy, những bậc thiện hữu trí-thức, nếu đã biết thương cái TA, thì phải tránh xa nghiệp dữ, tu theo thiện-nghiệp cho tinh-tấn, hậu hưởng sự hạnh-phúc trong đời này và đời sau.

Kinh **Khuddakanikāya** có nói :

Nagaraṇ yathā paccantaṇ guttaṇ santara-
bāhiraṇ evaṇ gopetha attānaṇ khanomāvou-
paccagā khanātita hi socanti nirayamhi
samappitā.

Nghĩa là : Con người phải trau-giỏi thân tâm cho
được trọn lành, cũng như nhà vua cai-trị cả nội
địa và ngoại biên khí-giới bày cho nghiêm ngặt.

Giải rằng :

Chỗ nói trau-giỏi thân tâm cho lành, như nhà
vua sửa trị trong nước ấy, có so sánh và thí-dụ
như sau này :

Lẽ thường nhà vua (lúc xưa) ngăn ngừa đạo tặc
trong nước do theo 7 cách :

- 1.— **Esikā** . Đóng cột cừ cho sâu, cho thật chắc
- 2.— **Parikkhāro**: Đào hào chung quanh cho sâu
- 3.— **Anupariyāyapatho**: Làm tường theo trong
lũy cho dày và cao, cho binh núp đề cự giặc,
- 4.— **Bahumāvudhaṇ** : Tích-trữ khí-giới cho
nhiều,
- 5.— **Bahubalakāyo** : Mộ binh cho đông,
- 6.— **Dovāriko** : Có lính canh gác cửa thành
luôn khi
- 7.— **Pākāro** : Đắp lũy chung quanh.

Xứ nào mà nhà nước cai-trị theo 7 điều ấy, thì
nhơn dân sẽ được an cư, không bị giặc-giã kh. ấy
rối, lại thêm đầy đủ bốn món vật thực như sau
này :

- 1.— Có cây trái nhiều,
- 2.— Có lúa nếp nhiều.

- 3.— Có mè đậu nhiều,
4.— Có sữa đặc, sữa tươi, dầu, mật ong, nước mía nhiều. Vì như các bậc tu Phật, nên trau-giồi thân tâm theo 7 phép là :

- 1.— **Saddho** : Đức tin Tam-bảo,
- 2.— **Hirimā** : Hồ-thẹn nghiệp dữ,
- 3.— **Ottappī** : Ghê-sợ nghiệp dữ,
- 4.— **Bahussuto** : Học hỏi và rõ thông Phật Pháp cho nhiều,
- 5.— **Āraddhavīriyo** : Tinh tấn trong việc lành
- 6.— **Satimā** : Ghi nhớ việc lành để trau-giồi thân tâm cho thanh-tĩnh,
- 7.— **Pannavā** : Trí-huệ xem thấy lẽ hiệp tan của ngũ uẩn.

— Nếu bậc tu Phật hành theo 7 phép ấy thì sẽ được an vui, không bị phiền-não khuấy loạn hằng đặc tứ-định (sơ định, nhị định, tam định, tứ định).

— Chỗ nói không nên bỏ qua khỏi thời-kỳ ấy, là chỉ về 4 thời-kỳ quý báu là :

- 1.— Thời-kỳ đức Phật chứng quả,
- 2.— Thời-kỳ mình được sanh nơi trung-ương Ấn-độ.
- 3.— Thời-kỳ có chánh-kiến.
- 4.— Thời-kỳ mình có đủ lực căn.

Nay hai thời-kỳ trên đã qua rồi, nhưng chúng ta cũng còn hữu duyên lắm, là chúng ta gặp được Phật-Pháp, mà gặp Phật Pháp, tức là gặp Phật vậy. Tuy Phật đã nhập Niết-Ban, nhưng Ngài còn để

giáo pháp lại. Pháp là lời Phật ngôn đã giáo truyền trong khi Ngài còn tại thế, cho nên nói «Pháp» tức là Phật vậy. Dầu chúng ta không được sanh nơi Trung Ấn-độ, thì cũng vì như được sanh trong xứ ấy, vì xứ ta nay có đủ Tam-Tạng. (Kinh, Luật, Luận).

— Phần đông chúng ta đều tin-ngưỡng nơi Phật pháp, ấy gọi là chúng ta có chánh-kiến, thêm có lục căn tròn đủ, thì chúng ta đều là người rất hữu phước. Vậy phải nên trau-giồi thân tâm cho trong sạch, chẳng nên dễ-dưới bỏ qua việc lành. Phải tu thân, khẩu, ý, cho thanh-tịnh, cũng như nhà vua sửa trị nhân dân, được an-cư, có đào hầm đắp lũy, tích-trữ khi-giới, vân vân...

— Lại nữa, nếu chúng ta là người biết thương cái TA, và muốn được hưởng quả Niết-Bàn, là nơi cực lạc trong đời vị-lai, thì phải trau-giồi thân tâm, là phải dứt bỏ việc dữ, hành theo điều lành mới, có thể hưởng sự an-vui cho, y theo lời Phật có dạy rằng: **Dunniggahassa lahuno yattha kāmānupātino cittassa damatho sādhu cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṇaṃ.**

Nghĩa là: Pháp tu cái tà-tâm, là cái tâm rất khó sửa dạy, là cái tâm hay sa mê sắc dục, cho trở nên chơn-tâm, là cái tâm đã trau-giồi thì hằng được an-vui đời đời, kiếp kiếp.

Giải rằng :

Cái tâm của chúng ta vẫn trong sạch, nhưng nếu có ô-nhiễm phát khởi lên, nhứt là điều ham muốn thì nó trở-nặng bất tịnh. Vì phư miếng vải trắng

còn mới mà nếu để cho lấm nhơ (than bụi), thì vậy ấy ắt mất sự tinh-anh. Tâm mà bị sự chẳng lành, nhứt là điều thương mến đã phát khởi lên, thì nghiệp dữ ắt sanh, nhứt là phạm sát sanh, nói dối, hành ác, hoặc nói dữ, ắt bị mang quả khổ trong đời này và đời sau. Dầu quả báo chưa đến kịp trong kiếp hiện tại, nó cũng sẽ đến trong kiếp vị lại chẳng sai. Ví như con chó săn đuổi theo kịp con thịt rừng giờ nào, nó sẽ ăn tươi giờ ấy; ví như bánh xe lăn theo chum con bò kéo xe vậy, y như Đức Phật có giải trong kinh **Khuddhakanikàya** rằng :

Manopubbangamā dhammā manosetthā manomayā manasā ce padutthena bhāsati vā karoti vā tato naṇ dukkhamanveti cakkaṇ va vahato padaṇ.

Nghĩa là : Tâm là chủ, tâm là lớn, tâm làm nên mọi việc, thân, khẩu, ý làm những việc gì đều do nơi tâm đã nhứt định trước, nếu con người đã có tâm ác, thì ắt làm hoặc nói lời ác chẳng sai. Những hạng này hằng phải mang quả khổ, cũng như bánh xe lăn theo chum bò kéo xe vậy. Người nào được học hỏi, thông rõ nghĩa lý Phật-Pháp và đã thọ trì theo, thì việc làm hoặc lời nói của người ấy đều là lành cả. Người ấy hằng được quả vui chẳng dứt, y theo lời Phật ngôn rằng :

Manopubbangamā dhammā manosetthā manomayā manasā ce pasannena bhāsati vā karoti vā tato naṇ sukhamanveti chāyava anupāyini.

Nghĩa là : Tâm là chủ, tâm là lớn, tâm làm nên mọi việc, thân, khẩu, ý, làm những việc gì đều

do nơi tâm đã nhứt định trước, nếu con người đã có tâm lành, thì át-lam hoặc nói việc lành chẳng sai. Những người hạng này hằng được những quả vui cũng như bóng tùy hình vậy. Cho nên những bậc thiện-hữu-tri-thức hằng chuyên cần trau-giồi tánh nết ở theo chánh-pháp, cho thân, khẩu, ý thường được trong sạch; nếu tâm đã trong sạch thì thân và khẩu cũng đều trong sạch, ví như người cầm lái thuyền sáng trí lẹ-lãng thì có thể làm cho thuyền được đi ngay thẳng và mau đến bến, bằng một cách dễ-dàng không sợ lầm-lạc. Nhưng sửa trị cái tâm cho ngay lành là một sự rất khó. Bởi cái tâm hằng vậy trở xao động bề này, thế kia, cho nên nói sự tu tâm chẳng dễ vậy. Ý theo lời Phật rằng: **“Phandanan capalan cittan durakkhan dunnivārayan ujun karoti medhāvi usukārova tejanan.**

Nghĩa là: Các bậc thiện hữu tri-thức hằng tu cái vọng-tâm, là cái tâm khó gìn-giữ, khó ngăn cấm: khó sửa trị cho trở nên chơn-tâm được. Ví như anh thợ làm tên, khó uốn sửa cây tên cho ngay thẳng được.

Giải rằng :

Đức Thế-Tôn có giảng-giải về cái tâm rằng thật là rất khó trị cái tâm của chúng sanh. Bởi cái tâm hằng xao động, tráo trở, quyến luyến theo lục trần cho nên khó gìn-giữ, ngăn-ngừa làm cho nó yên-lặng được. Dầu muốn cho nó ở yên trong một nháy mắt cũng khóặng. Ví như đứa trẻ vừa mới biết ngồi, vừa biết đi, biết chạy, thì khó mà gìn-giữ cho nó ở yên trong một oai-nghi được lâu dài, hoặc ví như con bò không thuần, hay ăn lúa

mạ nơi đang chật hẹp, thì khó cho người chủ ngăn ngừa, chặn giữ không cho nó ăn lúa mạ được.

Tuy rằng cái tâm rất khó sửa trị, như đã nói trên, nhưng các bậc thiện hữu tri thức tu cái tâm ấy được trở nên ngay lành, do nhiều phương-pháp khác nhau. Ví như anh thợ làm cung tên, đi vào rừng đốn cây, lột vỏ xong đem về ngâm nước com, hoặc cho ăn dầu rồi đem hơi lửa cho cây ấy mềm mại mới đi đóng nọc, để uống sữa cây ấy trở nên ngay thẳng được, làm thành cây cung xinh đẹp, bắn đâu trúng đó, làm cho tiếng đồn thấu đến tai nhà vua, nghe danh anh thợ ấy có tài, làm cung tên rất khéo, bắn rất hay. Nhà vua bèn ngợi khen và trọng dụng anh thợ ấy và phong cho quyền cao tước cả. Việc này cũng ví như bậc thiện hữu tri thức có tài tri thông rõ Phật Pháp để sửa trị cái vọng-tâm, bỏ dữ về lành, dứt lòng phiền-não, nương theo phép đầu-đà, ăn tu nơi rừng núi, thanh vắng, dùng đức-tin, lòng từ-bi và sự tinh-tấn mà tu phép thiền-định và trí-tuệ để sửa trị cái tâm trở nên ngay lành, cùng suy cứu cho thấu rõ các sắc tướng đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, để vết sạch cái màn vô-minh, tà-kiến đoạt ba cái giác (đắc lục thông) chứng quả bồ-đề, là bậc đáng cho tất cả chúng sanh, trời, người vân vân, . . . lễ bái cúng dường ; ấy mới đáng là nhà tu Phật vậy. Phương-pháp tu cái tâm cho trở nên trong sạch, thật là rất quý báu. Bởi cái tâm của con người hằng quyến-luyến theo 5 phép cái (**Nivarana dhamma**).

1.— Tham dục, ngũ trần (**Kāmachanda**).

2.— Oán-hận (**Byāpāda**).

3.— Giải-dãi (**Thinamiddha**).

4.— Phóng-túng (**Uddhaccakukkucca**).

5.— Hoài-nghi (**Vicikicchā**).

Lẽ thường vàng y, nếu có 1 trong 5 vật : sắt, đồng, kẽm, chì, và bạc lộn vào rồi, thì làm cho mất sự tinh-anh của chất vàng đi. Cũng ví như cái tâm của con người trước kia đủ sáng-láng, thanh-tĩnh đến khi bị 1 trong 5 phép cái mới giải trên, nhiễm vào làm cho tâm bất tịnh, lạo những việc gì đều chẳng được chơn-chánh. Tuy vậy, các bậc thiện hữu tri-thức, chẳng khi nào ngã lòng về việc sửa trị cái tâm theo 40 phép thiền-định.

Các bậc hành-giả muốn tu phép ấy, trước hết phải chọn 1 trong 40 phép, cho hợp với đặc tính của mình, ví như người có bệnh nếu muốn uống thuốc cho lành, trước phải nên chọn lựa vị thuốc cho nhắm bệnh rồi mới nên uống, ắt sẽ được mau lành mạnh.

Lại nữa, chẳng phải một vị thuốc mà cứu chữa cả thứ bệnh, cũng như một pháp thiền-định chẳng phải hợp với đặc tính của mọi người. Cớ ấy, bậc hành giả cần phải học cho thông rõ 40 đề-mục thiền định rồi chọn lấy 1 đề-mục, đề quán-tưởng mới có thể sửa trị cái tâm mau được trở nên trong sạch.

Tiếc vì phạm-vi quyền sách này không thể chứa đủ sự giải-thích 40 phép thiền định, mặc dầu là giải tóm tắt cho vừa đủ chi tiết để giúp ích về việc suy cứu của chư thiện tín. Nếu muốn tu thiền-định nên xem «Pháp chánh định» đã xuất bản rồi.

GIẢI VỀ PHÁP BỐ THÍ

**Dānaṃ nāma tīni lakhhanāni cāgacetanā-
nanca viratidānaṃca deyyadhammadānaṃcā-
tīti.**

Giải rằng : Sự bố thí có ba tướng là :

1.— Tác ý dứt bỏ đem cho (**Cāgacetanādāna**)

2.— Rút của ra, đem cho (**Viratidāna**)

3.— Vật cho (**Deyyadhammadāna**).

Tác ý dứt bỏ đem cho là nói về những người có đức-tin trong sạch, tính đem của ra cho.

Rút của đem cho, là nói về người có đức-tin trong sạch, có sự hổ thẹn (Hiri), và ghê sợ tội lỗi (Ottappa), tránh xa 5 điều oan nghiệt (Panca-
vera), tức là không sát sanh, không trộm cắp, vân
vân...

Vật cho, là nói về cơm, nước, y-phục, vân... vân..

Cả 3 phép cho ấy phát sanh trong tâm người, đều nhờ nương theo trí tuệ chơn chánh và tâm không tham xan (**Allobha**).

Giải rằng : người có trí tuệ xét thấy tội phước, lợi-ích, vô-ích, nghĩa là hiểu rằng : bố thí, tri giới, tham thiền, vân vân... được phước hằng đem sự yên vui đến cho, như thế gọi là trí tuệ chơn chánh. Người mà rõ ràng có tội, nghĩa là : sát sanh, trộm cướp, vân vân..., thì phải mang quả khổ, như vậy, gọi là trí tuệ chánh kiến. Nhờ có trí tuệ chánh kiến và tác ý không tham xan (**Allobhacetanā**), đều đủ cả 2 nhân đó rồi mới tính Lỡ của ra, đem cho :

Cho mà được phước nhiều là do 3 tác ý, là :

1.— Tác ý trong sạch đầu tiên, tính cho các vật dụng. nhưt là cơm, nước, (**Pubbacetanā**).

2.— Tác ý trong sạch trong khi đương cho (**Muncanacetanā**).

3.— Tác ý trong sạch sau khi đã cho rồi (**Aparā-paracetanā**), tâm thường vui thích.

Cả ba tác ý đó gọi là đều đủ tác ý (**Cetanāsam-padā**). Đều đủ vật dụng (**Vatthusampadā**) là nói về cơm, nước, thuốc men, chỗ ngủ mà thí-chủ đã tìm được theo lẽ đạo : nghĩa là : không vì sát sanh không vì trộm cắp được mà cho.

Thí chủ, người cho, có 2 chi :

1.— Đều đủ tác ý.

2.— Đều đủ vật dụng.

Thọ chủ, người lãnh, có 2 chi :

1.— Quả đều đủ (**Phalasampadā**), tức là bậc Alahán.

2.— Đức dư đều đủ (**Gunātirekasampadā**), tức là bậc mới xuất định.

Sự cho đều đủ cả 4 chi là : người cho hai chi, người thọ 2 chi, thì được quả phước trong kiếp hiện tại ; không đều đủ chi, thì sẽ được quả vui trong kiếp sau.

Lại nữa, sự cho đều đủ theo 6 chi, sẽ được nhiều phước là : tác ý cho về cá thể (**Puggalika** : riêng một thể) có 3 chi, tác ý cho về đoàn thể (**Sangha** : nhiều người kết hợp thành đoàn) có 3 chi.

Cá thể thí là (**patipuggalikataḍāna**) cho theo ý muốn mình :

Đoàn thể thí (**Sanghadāna**) là dâng cúng đến tăng.

Cả thẻ thí, có 14 cách :

- 1.— Cho đến loài cầm thú.
- 2.— Cho đến người không có giới hoặc phá giới.
- 3.— Cho đến người có giới (Cư sĩ).
- 4.— Cho đến Đạo sĩ (vì chán nản cuộc đời giả tạm mà tu). (1)

5.— Dâng cúng đến 10 bậc Thánh Nhân (từ bậc Tu đà hườn đạo, đến Đức Phật toàn giác).

Cả thẻ thí được nhiều phước, cần phải có đủ 6 chi, là : thí chủ, người cho, có đủ 3 tác ý. Thọ chủ, người lãnh, có tâm không tham, không sân, không si, hoặc có sự tinh tấn tu hành để dứt : tham, sân, si.

Đoàn thẻ thí là dâng cúng đến 7 bậc tăng :

- 1.— Dâng cúng đến tỷ-khưu tăng, tỷ-khưu ni tăng, có Đức Phật tọa chủ.
- 2.— Dâng cúng đến tỷ-khưu tăng và tỷ-khưu ni tăng.
- 3.— Dâng cúng đến tỷ-khưu tăng,
- 4.— Dâng cúng đến tỷ-khưu ni tăng.
- 5.— Xin thỉnh 1, 2, 3 vị tỷ-khưu tăng và tỷ-khưu ni tăng,
- 6.— Xin thỉnh 1, 2, 3 vị tỷ-khưu tăng,
- 7.— Xin thỉnh 1, 2, 3 vị tỷ-khưu ni tăng,

Lại nữa, người dâng đến Tăng đó, cần phải chú tâm hướng ngay đến bậc Thánh-Nhơn, đừng tưởng đến phạm tỷ-khưu. Khi đã thỉnh tăng rồi, dầu được vị cao hạ hoặc thấp hạ, hoặc Sa-di, cũng đừng bất bình buồn trách, phải giữ tâm bình đẳng, bực trung. Nếu bất bình buồn trách, thì không gọi là Tăng thí.

(1) Đạo sĩ xưa kia chỉ giữ có 6 giới (ngũ-giới và giới không ăn quá ngọ).

Đoàn thể thí là phép lăng thí được nhiều phước báo hơn.

Đức Phật có giảng thuyết đến Đại-Đức **Ananda** trong kinh **Dakkhina-vibhangasūtra**, trong dịp bà **Kisāgodamī**, có tâm trong sạch, đem một cặp y dâng đến Đức Phật, Ngài không thọ lãnh, mà có tâm thương xót dạy bảo dâng cúng đến Tăng. Bà **Kisāgodamī** than khóc, đi tìm Đại-Đức **Ananda**. **Ananda** mới vào bạch cầu xin Phật thọ cặp y. Đức Phật bèn giải rằng: Này **Ananda** ! Tăng-thí có phước nhiều hơn các sự thí, dầu là đến thời mạt pháp, chỉ còn có **Gotrabhū** tăng, là tăng chỉ có mang y theo tay hoặc buộc cổ làm nghề ruộng rẫy, mua bán, có vợ con. Song các thí chủ có đức tin làm việc tăng thí, đến thỉnh Tăng từ 4 vị trở lên, chủ tâm hồi hướng đến Thánh-tăng, thí cũng gọi là tăng thí, được nhiều phước báo, kể a-tăng kỷ **Asankheyyakappa** khó tưởng tượng được. Này **Ananda** ! người cho 100 lần đến loài cầm thú cũng không bằng quả phước cho 1 lần đến người phá giới, cho 100 lần đến người phá giới, cũng không bằng quả phước cho 1 lần đến người có giới, cho 100 lần đến người có giới cũng không bằng quả phước cho 1 lần đến bậc xuất gia trong sạch ; cho 100 lần đến bậc xuất gia trong sạch, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến bậc Tu-Đà-Hườn (**Sotā**) ; cúng 100 lần đến bậc Tu-Đà-Hườn, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến bậc Tư-Đà-Hàm (**Sakidāgā**) ; cúng 100 lần đến bậc Tư-Đà-Hàm, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến bậc A-Na-Hàm (**Anāgā**) ; cúng 100 lần đến bậc A-Na-Hàm, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần

đến bậc A-la-Hán (**Arahanta**); cúng 100 lần đến bậc A-la-Hán cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến bậc Độc-Giác-Phật (**Paccekabuddha**); cúng 100 lần đến bậc Độc-Giác-Phật, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến đức Phật Toàn-Giác (**Sabbannūbuddha**); cúng 100 lần đến Đức-Phật Toàn-Giác, cũng không bằng quả phước cúng 1 lần đến Chư Tăng. Tăng thì có rất nhiều phước báo, như thế ấy.

Có lời hỏi rằng : Vì sao tăng thì được phước nhiều hơn hết ?

ĐÁP : Đức Thế-Tôn xét thấy rằng, Tăng học hành tiếp nối nhau thọ trì Phật-Pháp đến 5000 năm. Cớ ấy, Ngài mới giảng Tăng-thi có nhiều phước báo.

Lại nữa, dâng đến Tăng thì bằng phổ-thông đến tất cả Tỷ-khưu Tăng, từ đức Phật cho đến vị Tỷ-khưu và sadi mới xuất-gia.

Pháp thi lại chia ra có nhiều cách nữa là :

1.— Tài thi (**āmisadāna**) là cho của cải,

2.— Pháp thi (**dhammadāna**) là nói pháp cho người nghe.

3.— Thi theo thời, là : dâng y tắm, y tắm mưa, y ca-sa sau khi Chư Tăng ra hạ; thi của trong cơn đói kém; thi cơm gạo, trái cây mới có đầu mùa; thi thực phẩm đến người từ nơi xa mới đến, hoặc người sắp đi đường xa; đến Tỷ-khưu, Sa-di bệnh.

Về người thi, có chia ra làm ba hạng :

1.— Nỗ-bộc thi (**dānadāso**), là hạng người tự mình dùng vật quý, đẹp, mà đem những vật hèn mọn ra cho cũng như cho kẻ tồi tệ. (Nỗ-bộc thi thi kiếp sau được vật hèn mọn).

2.— Bāṅg-hũu thí (**dānasahāyo**), là hạng người tự mình dùng vật thể nào, thì đem vật thể ấy ra cho; (bāṅg-hũu thí thì kiếp sau được vật bực trung).

3.— Chủ thí (**dānapati, dānasāmīci, dāna-jetthaka**), là hạng người tự mình dùng vật bên mà đem vật quý ra cho, (chủ thí thì kiếp sau được vật quý trọng).

Vấn : Cho được phước nhiều do cái chi ?

Đáp : Do có giới trong sạch, thí chủ là người cho có giới trong sạch, thọ chủ là người lãnh cũng có giới trong sạch. Sự thí mà được phước nhiều, là nhờ thế lực của quả báo, nghĩa là : dāṅg cùng đến Tăng, cần phải chủ tâm tưởng đến 3 bậc Thánh.

Chư Phật thường giảng giải về phép bố thí, tri giới, tham thiền vì sự bố-thí là nhân dứt lòng tham, tri giới là nhân trừ giận, tham thiền là nhân diệt si mê. Lại nữa, người bố thí, tri giới, tham thiền, hãy nên mong mỗi thiêu hủy cái lòng tham, sân, si để chứng Niết-Bàn dập tắt điều thống khổ nếu cầu được làm người, hoặc trời thì hằng bị cái khổ sanh, già, đau, chết, trong vòng luân hồi, hết kiếp này sang kiếp khác, vô cùng vô tận.

Sự bố-thí hằng đem quả vui trong cõi người là :

1.— Được làm bậc Chuyển-Luân-Vương (**Paramacakra - batrādhirāja**) có 7 vật báu : voi báu, ngựa báu, xe báu, ngọc báu, nữ báu, tướng soái báu và tổng tài chánh báu.

2.— Được làm vị Hoàng-Đế.

3.— Được làm bậc triệu phú gia.

4.— Được làm bậc nhà giàu.

5.— Được làm người no đủ.

Đức Giáo Chủ có giải về 5 quả báo của sự bố thí cho quan Thủ-Tướng **Sinha** nghe rằng, thí chủ:

1.— Thường được quần chúng thương yêu,

2.— Thường được nhiều người thân cận,

3.— Thường được người và Chư thiên khen ngợi,

4.— Thường được quyền thế và nhiều kẻ tùy tùng.

5.— Thường không e sợ, có sự dạn dĩ trong chỗ hội họp.

Năm quả báo trên đây, hằng được thành tựu đến thí chủ trong đời này, do dứt lòng bôn xên đem của ra cho.

Lại nữa, những người mong tìm đều yên vui trong cõi người, trời và Niết-Bàn, hãy nên làm việc bố thí, sau khi mạng chung sẽ được thọ sanh trong nhân cảnh, như tích Đức Hoàng-Đế **Asoka** sau này :

Tích giải về tiền kiếp của Hoàng-Đế **Asoka**

Trong thời quá khứ, tại thành **Bārānāsī**, có người bán mật ong nơi chợ. Thuở đó có một vị Độc-Giác-Phật (**Paccekabuddha**) mang bệnh ghê. Đức Độc-Giác-Phật khác đi tìm mật ong để làm thuốc trị bệnh, Ngải bèn từ núi **Gandhamādana** đi đến thành **Bārānāsī**. Có một cô tớ gái đi xuống bờ sông gánh nước, thấy Đức Độc-Giác-Phật đi đến, bèn hỏi thăm, rồi đưa tay chỉ quán bán mật ong rằng : người bán mật ong ở trong chỗ kia, xin Ngải đến đó đi. Cô lại suy

nghĩ : nếu người bán không chịu cúng, ta sẽ đi đến lấy mật ong dâng cho được, sau sẽ tìm của trả cho họ, rồi cô vẫn đứng chờ, Đức Phật Độc Giác đi đến trong chợ, người bán mật xem thấy liền tỏ lòng hoan-hỷ, dâng mật ong cho đến đầy bát, rồi chủ tâm nguyện rằng : Bạch Ngài, do sự phước thí này, xin cho tôi sẽ được làm một vị Hoàng-Đế, có thể lực cao đến một do tuần (*yojana*) thấu trên hư không, 1 do tuần thấu dưới đất. Đức Độc-Giác Phật đáp : này người thiện-nam ! Cái quả nguyện vọng của người hãy được thành tựu như thế đi ; xong rồi trở về núi **Gandhamādana**. Về phần cô tớ gái gánh nước, thấy vị Độc-Giác Phật trở về, bèn bạch hỏi, Ngài được mật ong chăng ? Đức Phật Độc-Giác đáp : **Ātmā** được mật ong rồi, người bán mật có dâng đến **Ātmā** rồi, họ nguyện sẽ thành một vị Hoàng-đế trong Nam-thiệm-bộ-châu (**jambūdvīpa**). Cô tớ gái nghe nói như thế, bèn đem cái khăn dâng đến Đức Độc-giác Phật, để trực mật ong, rồi nguyện cầu sẽ thành vị Chánh-hậu của Hoàng-đế đó.

Do sự phước thí và lời nguyện vọng của người bán mật và cô tớ gái đó, sau khi mạng chung rồi, cả hai đều được sanh trong cõi trời Đạo-Lợi, ngự trong điện toàn bằng 7 báu, có ngọc nữ hầu hạ rất đông. Hưởng phước rất lâu, qua đến giáo pháp Đức Phật Thích Ca chúng ta đây người bán mật giảng sanh làm vị đông cung tên **Asokakumāra** trong số 101 vị hoàng-tử của đức vua **Bindusāra** tại kinh-đô **Pātaliputra**. Sau khi vua cha băng-hà, đức đông-cung lên làm hoàng-đế trong châu-

Nam Diêm Phù Đề. Thuở Phật lịch được 218 năm, Đức Hoàng đế **Asoka** (A.Dục-Vương) có thế-lực rất lớn (do cái nghiệp lành bố-thí của Ngài đã tạo từ kiếp trước) thấu trên hư-không 1 do-tuần, dưới đất 1 do-tuần có chư thiên từ núi Tuyết-sơn đem 16 thùng nước cùng các thứ trái cây quý, đến dâng mỗi ngày ; chư Thiên trên các cõi trời đem dâng y ngũ sắc, y màu vàng, vải để lau tay, Long Vương dâng vật thơm để tắm, dùi, thoa, và thuốc để trị bệnh quý giá, ; loài kết tha lúa mọc tự nhiên trong ao **Chadda** đến dâng mỗi ngày, vân.. vân.

Về phần cô tớ gái, cũng giáng sanh làm vị Chánh-hậu của Hoàng-đế **Asoka**, tên là **Asandhimittā**, mấy chỗ khớp xương tay và chơn của bà bằng thẳng trong sạch, không rõ rệt như thường nhơn (trừ ra khi bà co vò), đó là nhờ việc phước mà bà đã tạo trong kiếp làm cô tớ gái gánh nước, churen đi, tay chỉ người bán mặt ong cho Đức Phật Độc-Giác.

Trong thuở bà hưởng ngôi Chánh-hậu, đức Hoàng-đế **Asoka** vào cung thấy bà đương dùng mĩa của Chư thiên đem dâng, miệng nhai mĩa mà vẻ mặt càng thêm tươi tốt, đức Hoàng-đế **Asoka** phán hỏi rằng : Hậu có biết mĩa của ai mà Hậu dùng đó chẳng ? Bà tâu : mĩa của hạ thần. Đức Hoàng-đế **Asoka** nghe rồi phán : nhờ trăm có nhiều phước báu, nên Chư thiên mới đem đến dâng cho. Chánh hậu tâu, đó là phước của hạ thần, nào phải của hoàng thượng. Đức Hoàng-đế bặt bình mà rằng : nếu hậu nói là phước của hậu, vậy ngày mai này trăm sẽ dâng thực phẩm

đến 500 vị Tỷ-Khuru tăng, hậu phải có đủ 500 bộ tam y cho trăm dāṇḍa cũng, bằng không sẽ bị trăm hành hình. Bà nghe đức Hoàng-đế phàn như vậy, bèn kinh-hãi, vì đức vua không bao giờ nói chơi, nếu lo không đủ, ngày mai ắt bị tội không sai. Tối đêm đó bà trần-trọc không an giấc, đến khuya nghe Chư thiên mách rằng, bà đừng lo, sự bố-thí cái khăn đến Đức Độc-Giác-Phật sẽ lược mặt ong, trong tiền kiếp của bà, nó sẽ đem sự an vui đến cho bà, bà hãy an giấc, sáng ra gần bên mình bà sẽ có cái hộp đựng y, trong đó bà muốn bao nhiêu cũng có đủ. Bà Chánh-hậu nghe Chư thiên mách bảo, bèn an giấc, sáng thức dậy, thấy có cái hộp gần bên, kéo cái y này rồi, thì ra cái khác, bà biết rằng sẽ được như ý muốn. Đến giờ đức Hoàng-đế thỉnh 500 vị Tỷ-Khuru tăng ngộ thực, bèn bảo Chánh-hậu đem y dāṇḍa cũng ; bà bèn rút y trong hộp ra, hết cái này đến cái khác, dāṇḍa đều đủ mà cũng vẫn còn hoài, không hết y. Đức hoàng-đế thấy vậy mới rõ rằng bà là người đại phước, bèn gia-tăng quyền tước thêm cho bà, rất yêu chuộng bà hơn khi trước.

Cả hai vị : Đức hoàng-đế **Asoka** và bà Chánh hậu **Asandhimittā**, nhờ trong tiền kiếp đã có tâm tín thành, trong sạch làm việc bố-thí, nên mới được thọ quả vui trong cõi trời và cõi người như đã giải.

(Giải tích này cho thiện tín dùng trí-tuệ suy xét và ghi nhớ rằng : sự bố-thí không luận là ít hay nhiều, chỉ vì tâm trong sạch hoan-hỷ, thành kính cúng dâng, thì chắc được phước báo khó tưởng tượng được).

TÍCH JĀNUSONĪ BRĀHMANA

Bhante bho gotama kira: Đã có nghe như vậy :

Có một người Bà-la-môn tên là **Jānusoni** đến bạch hỏi Đức Phật như vậy: Chúng tôi lo làm các việc lành, nhưt là bố-thí, tri-giới rồi hồi hướng đến những quyến thuộc (cha mẹ, ông bà, vãn, vãn) đã quá vãng; các quyến thuộc chúng tôi đó, đến thọ lãnh quả phước đó được chăng? Đức Phật đáp: **Thāne kho athāne kho brāhmana** — Này người Bà-la-môn, đáng được cũng có, không đáng được cũng có :

1.— Chúng sanh đã làm nghiệp dữ do thân, khẩu, ý, đến khi tan-rã ngũ-uẩn, phải thọ sanh trong địa-ngục, chịu nhiều đêu khổ não nặng nề, vì ác quả đó, nên không có thể đến thọ lãnh được phước của thân quyến hồi hướng cho;

2.— Chúng sanh đã làm tội do thân, khẩu, ý, sau khi mạng chung phải bị luân-hồi làm cầm thú, có thực phẩm riêng theo loài của chúng nó, chúng nó cũng không thọ hưởng được phước của thân quyến hồi hướng cho :

3.— Chúng sanh không làm tội do thân, khẩu, ý, sau khi thác được sanh trong cõi trời, sẵn có thực phẩm tự nhiên, không cần thọ thực phẩm thân quyến bố-thí hồi hướng cho cũng không thành tựu;

4.— Chúng sanh đã làm tội bằng thân, khẩu, ý, sau khi quá vãng, đầu thai trong loài ngựa-quỉ, hằng chịu đói cơm, khát nước, phải trải đi lãnh phần-phước, khi có thân quyến bố-thí hiệp theo lễ đạo, rồi hồi hướng cho, ngựa-quỉ hoan-hỉ thọ lãnh

vật thí đó biến thành thực phẩm, hưởng rồi được sự an-vui, khỏi đường nga-quĩ, đi thọ sanh trong nhân cảnh (cõi người và trời).

Đức Phật vừa thuyết xong về cách dâng thọ lãnh cũng không dâng thọ lãnh, người Bà-la-môn bèn bạch hỏi thêm rằng: Nếu người đã làm phước hồi hướng mà các nga-quĩ không được lãnh, cái phước đó trú nơi nào ? là của ai ? ai đem đi ?

Đức Phật đáp: Này người Bà-la-la-môn **Ye sattā** chúng sanh nào còn bị xoay vần trong vòng luân hồi, thì không khỏi sa đọa trong đường nga-quĩ, chúng sanh đó sân lòng hoan-hỷ thọ lãnh phần phước, vì còn phải chuyển sanh nhiều đời nhiều kiếp, hằng luân-hồi làm thân quyến cùng nhau vô cùng vô tận kiếp... Nếu quả bố-thí không trôi đến hàng nga-quĩ, thì về phần thí chủ, vì thí chủ đã có tác ý trong sạch trong khi cho. Cớ ấy, thí chủ là người được quả lành trước hết tất cả nga-quĩ. Lại nữa, những nga-quĩ thọ lãnh phần phước là hàng nga-quĩ **Tubajivi**, có tâm hoan-hỷ trong việc phước, các hàng khác không có thể thọ lãnh được.

Về phần nga-quĩ **Paradattūpajīvi** dâng thọ lãnh cũng phải hiệp theo 3 chi :

- 1.— Thí chủ phải dâng cúng đến Tăng, hoặc bậc tu hành trong sạch ;
- 2.— Khi đã thí vừa rồi, cần phải, chủ tâm hồi hướng phần phước đến hàng nga-quĩ ;
- 3.— Nga-quĩ phải hoan-hỷ thọ lãnh phần phước đó.

Vấn: Phải hồi hướng trong lúc nào ?

Đáp: Ngay trong khi dâng cúng vừa rồi, nếu hồi hướng trong thời khác, không được kết quả,

vì trong lúc đó hàng nga-quĩ sẵn chờ để thọ lãnh, ví như những người nghèo đói đến xin ăn mà chủ không cho, khi họ bỏ ra đi khỏi, dầu có cho cũng không có người lãnh.

Lại nữa, bố-thí đến người phá giới, giới không trong sạch, hoặc không giữ giới, cũng không được thành-tựu đến nga-quĩ. Vả lại, đã dâng cúng đến bậc có phẩm hạnh, có nga-quĩ đến chờ, mà thí chủ không hồi hướng, hàng nga-quĩ cũng không có thể thọ được, như trong tích nga-quĩ quyển thuộc của đức vua **Bimbisāra** (Tần-Bà-Sa), ngài đã dâng cúng đến chư Tăng trong ngày đầu mà quên hồi hướng, quả phước cũng không thành-tựu đến nga-quĩ được. Qua ngày thứ nhì, được nghe đức Phật giảng thuyết xong, bố-thí thêm, rồi hồi hướng, các hàng nga-quĩ mới hoan-hỷ thọ lãnh được.

Trích dịch trên đây cho thiện tín suy xét để làm phước đến những quyển thuộc đã quá vắng, cho cùng theo lời Phật dạy, hầu được thành-tựu đến hàng nga-quĩ.



Sự bố-thí có 2 phép nữa là :

1.— Cho bằng cách tế-độ (**Sangahavasena**).

2.— Cho bằng cách cúng dường (**Pūjāvasena**).

Cho bằng cách tế-độ, là cho đến kẻ nghèo hèn, đói khát, không nơi nương tựa, hoặc người mang bệnh tật, hoặc loài cầm thú, do lòng thương xót, mong giúp người trong cơn tai nạn.

Người cho đến cầm thú, hằng được quả báo 100 kiếp, nghĩa là :

1.— Được sống lâu,

2.— Có sắc đẹp,

3.— Được sự yên vui,

4.— Có sức mạnh,

5.— Có trí-luệ.

Năm quả báo đó hằng phát sanh đến thi-chủ trong mỗi kiếp.

Cho đến người phá giới, không có giới, được quả báo đó trong 10.000 kiếp. Cho đến người có giới, được quả báo 1.000.000 kiếp, vãn, vãn.

Cho bằng cách cúng dường, nghĩa là, cung cấp, phụng dưỡng mẹ cha, ông bà, ông thầy có thi ân-đức đến mình, hoặc dâng cúng đến các bậc sa-môn, bà-la-môn, tu hành chơn-chánh, đến người tri-giới trong sạch, đều gọi là cúng dường cả.

Vấn : Cho bằng cách cúng dường và tế-độ cách nào phước nhiều hơn ?

Đáp : Cách cúng dường được phước nhiều hơn vô số kể.

Vấn : Cái chi là vật thí ?

Đáp : Của cải, nhưt là cơm, nước, y-phục, là vật thí, tác-ý tính dứt của ra (*cāga*) là nhân, đem cho (*dāna*) là quả.

Vấn : Bố-thí được quả báo thế nào ?

Đáp : Được 2 quả báo : trong kiếp này và trong đời sau.



GIẢI VỀ PHÁP THÍ.

Phật có giải cho đức Đế-Tbích (*Kosiya amarindrā-dhirāja*) nghe rằng : *Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti sabbarasaṃ dhammaraso jināti sabbaratiṃ dhammarati jināti tanhakkhayaṃ sabbadukhaṃ jināti*,

- Pháp thí thắng tất cả sự thí,
- Vị của pháp thắng tất cả vị,
- Ưa thích pháp thắng tất cả sự ưa thích,
- Dứt lòng tham muốn thắng tất cả thống khổ.

Lời chú giải : Nếu người dâng cúng y quý giá, đến đức Phật Toàn Giác, đức Độc Giác Phật và chư A-la-hán, hội họp nhau đong đúc, ngồi kề nhau đầy đủ trong khắp cả thế giới, cho đến cõi trời phạm thiên, quả báu của sự bố thí đó, cũng không sánh bằng pháp-sư thuyết 4 câu kệ. Sự thí y đó không bằng 1 phần kệ ngôn mà người chia ra 16 phần, rồi lấy mỗi phần chia ra 16 lần nữa. Sự thuyết pháp, hoặc dạy pháp, hoặc nghe pháp, là điều cao thượng như thế. Người nào làm đầu dắc dẫn trong sự nghe pháp, thì được quả báu rất nhiều, vô số kể, không sai. Pháp thí, dầu chỉ có tám hoan hỷ theo 4 câu kệ cũng còn quý trọng hơn tài thí mà người đem thực phẩm quý giá để đầy trong bát, dâng đến bậc A-la-hán, hơn thí thuốc (sữa, dầu...), hơn thí chỗ ngụ (nhà, tịnh thất, chùa...) như ông triệu phú gia Cấp-Cô-Độc, đã tạo Bồ-Kim tự, dâng đến chư tăng có Đức Phật tọa chủ. Cớ sao? Vì người làm phước như thế là nhờ được nghe pháp, bằng không, cũng không làm được, vì nếu chúng sanh không được nghe pháp, dầu là một muống cháo, một gĩa cơm cũng không có thể thí được, cho nên gọi pháp thí là cao thượng hơn tất cả sự thí.

Lại nữa, trừ ra Đức Phật Toàn-Giác và Độc Giác, tất cả chư Tỷ-Khư, như là Đại Đức Xá-Lợi-Phất, (**Sāriputta**) có nhiều trí-tuệ, có thể đếm giọt mưa từ trên hư không rơi xuống trong

một kiếp, mà cũng không chứng đạo quả được ; nhờ nghe pháp của Đại Đức **Assaji** rồi mới đắc Tu-đà-huân quả, sau nghe thêm pháp của Đức Phật mới chứng A-la-hán quả. Có ấy, Đức Thế-Tôn giải rằng : Pháp thi thắng tất cả sự thi.

Lại nữa, dầu là những vị thực phẩm rất quý của Chư thiên, cũng đều là cái duyên dẫn dắt chúng sanh, say đắm trong đường sanh tử, phải chịu nhiều điều khổ não thôi.

Về phần vị của pháp, như 37 pháp Bồ-Đề (**Bodhipakhiyadharma**) hoặc 9 pháp Thánh đều là quý trọng hơn cả. Như đó Đức Thế-Tôn thuyết rằng : Vị của pháp thắng tất cả vị.

Sự ưa thích nhiều lẽ, như ưa thích vợ con, ưa thích gái đẹp, trai xinh, ưa thích đờn kèn, yến sáo, ván, ván... Các sự ưa thích đó đều là cái duyên níu kéo chúng sanh trong nẻo luân hồi, phải mang quả khổ vô cùng vô tận. Trái lại, sự ưa thích phát sanh trong tâm của pháp sư, hoặc người nghe pháp, làm cho thân tâm dường như bay bổng, cả châu thân nhẹ nhàn, mát mẻ, cả mình mọc ốc cũng có, sự ưa thích đó tức là điều phĩ lạc, có thể đem người ra khỏi vòng sanh tử được ; ưa thích như thế gọi là quý trọng hơn tất cả sự ưa thích, cho nên Đức Phật giải rằng : Sự ưa thích trong pháp, thắng tất cả sự ưa thích.

Lại nữa, chư vị A-la-hán gọi là cao quý hơn cả, vì không còn phải chịu mang khổ luân hồi nữa, lẽ đó đức Thế-Tôn mới thuyết : Sự dứt lòng tham muốn, thắng tất cả khổ não.

Thí pháp chia ra có 2 phần nữa là :

1.—Thí pháp ở trong đời (**Lokiya dhammadāna**), là thuyết pháp chỉ dạy con đường người và trời thì được phước ít, vì là pháp dắt dẫn chúng sanh xoay vần trong biển khổ.

2.—Thí pháp ra cõi đời (**Lokuttaradhammadāna**), là thuyết về 3 cái tướng (**trayalakkhana**) cho chúng sanh thấy rõ đời là ; vô-thường (**anicca**), khổ-não (**dukkha**) vô-ngã (**anattā**), nhưt là cái thân ngũ-uẩn, sanh ra rồi phải già, bệnh, chết, chẳng có một ai tránh khỏi cái khổ ấy được, hoặc giảng về pháp Tứ-diệu-đế : Khổ-đế (có cái thân này là khổ), Tập-đế (tâm ham muốn là nguyên nhân sanh các sự khổ), Diệt-đế (dứt cái lòng ham muốn đề đến Niết-Bàn là nơi hết khổ), Đạo-đế (là con đường đi đến nơi hết khổ, tức là Bát-Chánh-Đạo). Thí pháp như thế, được phước vô lượng vô biên.

Giải rằng : Người nghe cần phải hết lòng thành kính mà nghe, nghe rồi phải tìm hiểu bằng trí tuệ chọn chánh đề thật hành theo, như thế mới gọi là hữu-ích.

Vấn : Cái chi gọi là pháp ?

Đáp : Trí-tuệ chánh-kiến gọi là pháp.

Vấn : Trí-tuệ chánh-kiến nói về cái chi ?

Đáp : Là trí tuệ hiểu biết đúng đắn, tin chắc rằng cái nghiệp lành hoặc dữ mà mình đã tạo, nó là của mình, mình phải chịu ảnh hưởng của các nghiệp đó. Nghĩa là : nếu đã làm lành thì hưởng quả vui, làm dữ thì mang quả khổ ; vui hoặc khổ cũng do nơi mình, chẳng có một ai ban phước hay cho tội được cả.

Lại nữa, thí-chủ đừng vì lòng ham muốn mà cho, nghĩa là đừng mong sẽ được tái sanh làm

người cao sang quyền thế hoặc được thọ sanh trong cõi trời, chỉ phải cầu nguyện ra khỏi vô-minh, ái-dục là điều ô-nhiễm buộc trói chúng sanh dính mắc trong sông mê biển khổ. Cho nên trong khi bố thí, hãy chú tâm nguyện rằng :

**Idaṇ vata me dānaṇ āsavakkhayāvahaṇ
hotu anāgate.**

Xin cho phước thí mà tôi đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi những điều ô-nhiễm ngủ ngầm trong tâm, trong ngày vị-lai.

(Chư thiện tín nên suy xét theo chơn lý để tìm làm việc thí pháp cho thường và nhớ câu phát nguyện giải thoát trên đây, ngõ hầu mau được dứt khỏi các điều thống khổ).



GIẢI VỀ TÍCH THỌ TRÌ NGŨ GIỚI

**Sambahulā kira samuddavānija nāvāya
samuddaṇ pakkhandiṇsu.**

Được nghe rằng : Có đoàn người buôn biển đem nhau xuống thuyền đi ra biển, buồm gặp gió, ghe lướt tới, mau như tên bắn. Được 7 ngày, bị trận bão ở giữa biển, gió to sóng lớn, thuyền hư, nước vào gần đầy. Khi chiếc thuyền gần chìm, phần đông người đều khẩn vái Chư thiên mong cầu cứu vớt, rồi chỉ la khóc mà chịu. Có một người suy nghĩ : trong lúc kinh hãi này : ta có nơi nào nương dựa chẳng ? Liền nhớ đến trước khi ra đi, ta đã có thọ qui, giới, trong sạch, bèn ngồi bán đả ở giữa đám đông người đó, vì

như hành-giả ngồi công phu thiền định, kẻ khác trông thấy tìm hỏi cái nhân không lo sợ đó. Người nọ đáp: Này các anh! trong ngày xuống thuyền đi đây, tôi được dâng cúng đến chư Tăng, đã có thọ giới, hoàn toàn, nên tôi mới không lo sợ. Các người kia bèn hỏi: Thưa ông, qui và giới đó ông có thể cho đến người khác được chăng?

Đáp: Được.

— Vậy, xin ông từ bi cho qui-giới đến chúng tôi.

Người đó bèn chia ra làm 7 đoàn, mỗi đoàn 100 người, rồi đọc qui giới cho tất cả người đó thọ trì.

Đoàn thứ nhất thọ qui giới trong khi nước ngập đến chun; đoàn thứ nhì, nước đến đầu gối; đoàn thứ ba nước đến háng; đoàn thứ tư nước đến rún; đoàn thứ năm nước đến ngực; đoàn thứ sáu nước đến vai; đoàn thứ bảy, nước sắp vào miệng. Khi cho qui-giới đều đủ rồi, người đó bố cáo lên rằng: ngoài qui-giới ra các anh chẳng có cái chi làm nơi nương dựa đâu, chỉ phải vịn niệm tưởng đến qui-giới đi. Cả thấy 700 người phải thác trong nơi giữa biển, đều được thọ sanh trong cõi trời Đạo-lợi, vì nhờ được thọ trì qui giới trong lúc sắp mạng chung, các cung điện liền phát sanh lên cho Chư thiên đó. Điện cao 100 do tuần cho vị trời **Ācārya** ở chính giữa, các điện Chư thiên kia, thấp hơn hết bề cao 12 do-tuần. Tất cả Chư thiên, đều nhớ tưởng tìm xét về nguyên nhân đi thọ sanh, liền hiểu rằng: Cái phước mà ta được đây, đều nhờ nơi ông thầy dắt dẫn, rồi đồng nhau xuống đánh lễ Phật để

tỏ lời ngợi khen công đức của ông thầy, tích này có giải trong kinh **devātāsanyutta**.

Tiếp theo tích trên đây, trong quyển **Pāli sabbhi-sūtra devātāsanyutta**, rút trong kinh **Sanyutanikāyā** có giải rằng: Chư thiên đó có hào quang chói lòa, làm cho trọn cả Kỳ-Viên sáng ngời, rực rỡ, trong giữa đêm, vào danh lễ Đức Phật, rồi đứng nơi phải lễ.

Vị trời thứ nhứt bạch với Đức Phật bằng kệ ngôn rằng :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubb ha san-nthavam satan saddhammamānñāya seyyo hoti na pāpiyo.

Người nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức điều tốt-lành tiến hóa sẽ có đến người đó, không có sự xấu xa dẫu, vì người đó được biết rõ các pháp, tức là ngũ giới của các bậc thiện trí thức.

Vị trời thứ nhì đọc tiếp bài kệ :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-thavan satan saddhammamnñāya pannaṇ labhati nānnato.

Người nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức, người đó hằng có tri tuệ, vì được rõ các pháp, tức là ngũ giới của các bậc thiện-trí-thức, chẳng phải được do nơi người khác dẫu.

Vị trời thứ ba đọc :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-thavan satan saddhammamānñāya sokamaj-jhe na socati.

Người nên ngồi chung với các bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức người đó hằng không buồn rầu, trong giữa hàng người có sự buồn rầu, vì được biết rõ các pháp, tức là ngũ giới của các bậc thiện trí thức.

Vị trời thứ tư có đọc :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-
thavaṇ sataṇ saddhammamānāya nātimajjhe
virocati.

Người nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức người đó hằng có sự phát đạt trong giữa hàng quyến thuộc vì được biết rõ các pháp, tức là ngũ giới của các bậc thiện trí thức.

Vị trời thứ năm đọc :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-
thavaṇ sataṇ saddhammamānāya sattā gat-
chanti sugatiṇ.

Người nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức, chúng sanh được biết rõ các pháp tức là ngũ giới của các bậc thiện trí thức, thì hằng đi đến nơi nhân cảnh.

Vị trời thứ sáu đọc.

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-
thavaṇ sataṇ saddhammamānāya sattā
titthanti sātataṇ.

Người nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên có sự ưa thích chung với bậc thiện trí thức, chúng sanh được biết rõ các pháp, tức là ngũ giới của các bậc thiện trí thức, rồi hằng được yên vui lâu dài.

Kế tiếp, có vị trời khác bạch hỏi Đức-Thế-Tôn cầu Ngài từ bi giải rõ trong các lời chúng tôi đó, lời nào thanh nhã hơn.

Phật đáp: tất cả lời của các người đều là lời thanh nhã hết, tùy theo cách điệu, nhưng các người chờ nghe, xem lời Như-Lai một lần, rồi Ngài ngâm kệ rằng :

Sabbhireva samāsetha sabbhi kubbetha san-
thavaṇ satan saddhammamānāya sabbadu-
khā pamuncati.

Người nên ngồi chung với bậc thiện tri thức, nên ưa thích chung với bậc thiện tri thức, người được biết rõ các pháp tức là ngũ giới của các bậc thiện tri thức rồi, hằng được thoát khỏi tất cả thống khổ.

Lại, trong Trung-Giác-thời (**Majjhimabodhikāla**) Đức Phật ngự tại quận **Pāṭali**, Ngài có giải về 5 quả báo của ngũ giới, ở giữa phần đông thiện tín trong quận **Pāṭali** đó (kinh **Mahāparinibbāna sūtra dīghanikāya mahāvagga**) rằng :

Pañcime gahapatayo anisānsā sīlavato sīla-
sampadāya :

Này các ông trưởng giả ! quả báo của người tri giới, có giới đều đủ, có 5 là :

1. — Hằng được nhiều của cải, vì nguyên nhân không dễ dãi ;

2. — Hằng có danh thơm tiếng tốt đồn đến khắp nơi ;

3. — Dầu là trong nơi hội họp, có Vua, Bà-La-môn, phú-trưởng.giả hoặc Sa-môn, thì cũng hằng được dạn dĩ, tươi tỉnh, không e sợ chút nào ;

4.— Không làm lạc, mê loạn trong giờ mạng chung :

5.— Khi tan rã ngũ-uẩn, hằng được đi thọ sanh trong cõi vui.

(Chư thiện-tín nên suy xét về quả phước của sự tri giới trên đây, rồi thành tâm hoan-hỷ trong phép thọ tri giới cho trong sạch để hưởng quả vui trong kiếp này và trong đời vị lai).



PHÉP NIỆM PHẬT THAM-THIỀN

Niệm Phật là đề lòng ghi nhớ danh hiệu Phật (1), không tưởng nghĩ đến sự chi khác, chỉ thâu nhiếp cái vọng tâm dừng cho năm phép cái (2) ám-muội, mà đèn-tâm phải lu-lờ, không nảy sanh cái thắng lực của chánh định được.

Bởi chung cái tâm hằng bị năm phép cái làm cho nó phải lay động, khó nổi an-trú trong cảnh giới thiền-định, nên không nhớ việc nào được đúng đắn, không thấu việc chi được rõ-rệt, ví như nước hằng xao động vì gió, nên trông vào nước nào ai thấy mặt được rõ-rệt.

Phép niệm Phật là gom ý vào một đề mục cho yên lặng, vững vàng không cho duyên theo ngũ-trần, lục-dục, đề lần lần bước vào con đường chánh định, dắt dẫn ta ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

(1) Xin xem kinh Tam-Bảo nơi trường *âm đức Phật*.

(2) Cũng gọi là 5 phép che lấp con đường chánh định là : tham-sắc, oán-hận, hôn-trầm, phóng-tâm và hoài nghi. Sẽ giải nơi mục Thiền-định.

Niệm Phật giờ khắc nào cũng được, song ở chốn đô-hội, ban ngày không yên tĩnh, khó cho tâm an trú, chỉ có ban đêm thanh vắng mới tiện bề cho hành giả công-phu.

Ban đêm lúc nào niệm Phật cũng được, nhưt là mấy giờ sau đây :

1^o Đầu hôm, sau thời tụng kinh tối. Như trong mình mệt mỏi thì ngồi niệm 5, 10 phút đờag hồ, rồi nằm niệm cho đến khi ngủ quên.

2^o Lúc canh tư, canh năm, khoảng 3, 4, 5, giờ sáng (sau khi nghỉ một giấc đã khoẻ).

Khi ngồi niệm Phật, trước hết :

A.— Phải suy xét mười tội ngũ-trần như lời Phật giải sau đây :

1) Ngũ-trần ví như khúc xương bỏ rơi trên đất. Người sa-mê ngũ-trần cũng như con chó gặm khúc xương ấy, nó chỉ liếm lấy nước miếng nó, đã chẳng được sự lợi ích mà còn thêm mệt sức.

2) Ngũ-trần ví như miếng thịt thúi. Người sa-mê ngũ-trần cũng như bầy quạ đậu trên thây ma trôi từ trong sông ra biển khơi. Bầy quạ đậu trên thây ma, có thịt ăn, nước uống ; mãi mà theo sự ăn uống không quan tâm đến sự hại sẽ tới, khi cái thây ma, bên dưới bị nước biển đánh rửa, trên thì quạ ăn hết thịt chỉ còn lại bộ xương. Bộ xương nặng chìm xuống đáy biển ; bầy quạ bây giờ giựt mình dòm lại thì ó-hồ ! nào thấy bờ vực là đâu, chỉ bay chơi vơi chốc lát, rồi cũng phải theo số phận bộ xương mà xa xuống biển làm mồi cho cá ;

3) Ngũ-trần ví như cây đuốc rơm. Người sa-mê ngũ-trần cũng như kẻ cầm cây đuốc rơm đang cháy

mà đi ngược gió, bị lửa táp cháy tay mà không chịu rời cây đuốc ra, thật rất khổ sở ;

4) Ngũ-trần ví như lò lửa đang cháy. Người sa mê ngũ-trần cũng như kẻ bị té vào lò lửa, phải bị phỏng mình, cháy da đau đớn vô cùng ;

5) Ngũ-trần ví như giấc mộng bởi nó hằng biến đổi vô thường ;

6) Ngũ-trần ví như vật mượn của người ; bởi vật mượn của người nên không dùng được lâu dài ;

7) Ngũ-trần ví như trái cây có chất độc. Người sa mê ngũ-trần cũng như kẻ ăn lầm trái cộc phải bị khổ vô cùng ;

8) Ngũ-trần ví như dao với thớt ; dao đâm xuống thớt lâu ngày cả dao và thớt đều bị mòn và sứt mẻ. Người sa mê ngũ-trần cũng như kẻ bị phạm khí-giới, mỗi ngày đau khổ không xiết kể ;

9) Ngũ-trần ví như kiếm và lao, có ngày phải luy vi nó. Người sa mê ngũ-trần như kẻ bị thương tích nặng ; nếu không thác thì cũng đau khổ, rên xiết như trong cơn hấp-hối ;

10) Ngũ-trần ví như đầu con rắn độc. Người sa mê ngũ-trần cũng như kẻ bị rắn mổ, nếu không thiệt mạng thì cũng bị nọc hành nhức nhối vô cùng.

Người sa mê ngũ-trần hằng chịu tiếng xấu xa, là kẻ thấp hèn.

Ngũ-trần là pháp đề cho kẻ thấp hèn lợi-dụng. Ngũ-trần ví như phần đề cho đòi đục, như nước thúì đề cho heo tắm.

Suy xét như vậy sẽ thấy rõ ngũ-trần chỉ có lợi rất ít, mà khổ quá nhiều. Chẳng nên quyến

luyện và phải đem cả tinh-thần nghị-lực để đạt đến bậc nhập định.

B) Phải tham cứu ba đề-mục thiền định là :

1) Niệm tâm đại-từ : nguyện cho chư Thiên, các gia quyến và tất cả chúng sanh ở chung quanh ta đều được an vui, chẳng có sự chi khổ não cả ;

2) Niệm sự tử : «Ta sẽ chết, chắc như vậy ; hoặc là : sự chết sẽ đến cho ta chẳng sai».

3) Niệm sự dơ-nhớp : Tử-thi (xác chết)

Niệm tâm đại-từ để trừ lòng sân hận ; niệm sự tử để tránh khỏi tà-mạng và tu-hành được tinh-tấn ; niệm sự dơ-nhớp để trừ xan-tham.

Trong ba đề-mục trên đây, ta nên lựa một đề-mục nào tùy sở thích đặng niệm mỗi ngày cho nó thâm nhập vô tâm, có đức từ-bi, thấy rõ lý vô-thường và lần lần hết ưa mến và từng trọng cái thân tử-đại giả-hiệp mà phải bị ngũ-trần lôi cuốn.

CÁCH NIỆM PHẬT

Phải lựa một trong 10 hiệu Phật (coi nơi chỗ kinh tụng) mà niệm trong tâm, niệm hiệu nào cũng phải hiểu nghĩa cho rõ rệt.

Muốn niệm cả 10 hiệu Phật liên tiếp nhau cũng tốt vậy.

Thí dụ : « Á-rá-hã»... Tâm niệm, trí phải nhớ nghĩa hiệu ấy như vậy : «Đức Thế-Tôn hiệu Á-rá-hã vì Ngài đã xa lìa các tội lỗi, và tiền khiên tội rồi nên thân và khẩu của Ngài đều được trọn lành. Ngài đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường và Ngài không khuất lấp làm việc tội lỗi.»

Hành-giả nhớ niệm Đức của Phật, tâm sẽ dần dần xa lìa phiền não, an trú theo Đức của Phật và luôn cả năm pháp cái là : Tham sắc, oán giận, hôn-trầm, phóng-tâm, hoài-nghi, cũng do đó mà êm lặng.

Trước hết tập niệm độ nửa giờ rồi lần lần tăng lên một, hai giờ (lâu chừng nào càng tốt).

Hành-giả chánh niệm (1) được tinh tấn thì triệu chứng «tâm, sát, hỷ» sẽ phát sanh, làm cho thân tâm không còn quuyến luyến theo thế sự. Tâm của hành-giả sẽ khấn khít theo hiệu Phật mà vào bậc «cân định».

Triệu chứng tức là năm cách vui-vẻ phát sanh ra trong mình như sau này :

- 1.— Cách no vui : Da thịt đều nổi ốc ;
- 2.— — : Như thấy trời chớp, hoặc ánh sáng ;
- 3.— — : Như sóng tạt vào mình ;
- 4.— — : Rất khoái lạc trong thân tâm có thể bay bổng trên hư không ;
- 5.— — : Mát lạnh và nhẹ nhàng cả thân tâm.

Nếu có năm cách no vui nói trên đây, thì hành giả được gần vào bậc Sơ-định.

THAM - THIỀN

Chánh định là phương pháp tối cao để thâu nhiếp cái vọng-tâm an-trú vào một cảnh giới lành,

(1) Niệm y theo lời trước.

đẹp vọng tưởng, gom cả lực căn cho yên lặng, ấy là nguyên nhân phát sanh tri-tuệ.

Sự thâu nhiếp cái tâm buộc vào một chỗ, cần phải nương theo phép chỉ quán (1) và phép minh sát (2). Nhưng buộc vào hai phép ấy thì cái tâm thường hay loạn động, vọng chuyển. Tuy nhiên hành giả chẳng nên vì đó mà thối chí, ngã lòng ; chỉ phải nhứt tâm tinh tấn, buộc chặt nó vào đề-mục chánh-định cho đến khi nó an-trú, thì sự giải thoát ở ngay trước mắt.

Năm pháp-cái là :

- 1.— Tham muốn (**Kāmāchanda**), là lòng ưa thích, quyến-luyến ngũ-dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc) ;
- 2.— Oán-hận (**Byāpāda**), là lòng hờn giận muốn làm hại người ;
- 3.— Hòn trầm (**Thīnamiddha**), là sự tối tăm trầm trệ, biếng nhác, buồn ngủ ;
- 4.— Phóng tâm (**Uddhaca kukkucca**), là cái tâm hay vọng tưởng, không yên tĩnh.
- 5.— Hoài-nghi (**Vicikicchā**), lòng không tin chắc, dự-dự không quyết định.

Nếu biết năm pháp-cái ấy mà không rõ nguyên-nhân của nó, cũng khó diệt trừ được, ví như muốn phá giặc mà chẳng biết chỗ đồn binh của giặc, thì chẳng bao giờ đánh tan quân nghịch đảng.

(1) Chỉ-quán là phép chánh định tham-thiền.

(2) Minh sát là phép suy xét về 3 tướng của vạn vật và nhứt là quán tưởng về sự vô thường của ngũ-uẩn.

Nguyên-nhân năm pháp-cái là :

1.— Sự thấy sắc mà cho là xinh đẹp, là nhân sanh tham dục ;

2.— Sự thấy cảnh nghịch mà cố giận, là nhân sanh oán hận ;

3.— Sự không vui, lười-biếng, không thay đổi oai-nghi, ham ăn và giải-dã là nhân sanh hôn-trầm ;

4.— Lòng không an tịnh, là nhân sanh phóng-tâm ;

5.— Sự không xem xét và ghi nhớ, là nhân sanh hoài-nghi.

ĐỐI-TRỊ

I.— Trừ tham dục có sáu phép :

1.— Phải học phép thiền-dịnh về vật bất-tịnh (1);

2.— Phải chăm chỉ tưởng nhớ vật bất-tịnh ;

3.— Phải thu-thúc lục-căn ;

4.— Phải tiết-chế sự ăn uống ;

5.— Phải năng thân cận cùng bậc thiện-tri-thức ;

6.— Phải hằng nói lời dịu ngọt.

II.— Trừ oán hận có sáu phép :

1.— Phải học đề-mục thiền-dịnh về lòng bác-ái (2) ;

2.— Phải cố gắng niệm đề-mục thiền-dịnh bác-ái ;

3.— Phải xem xét cho thấy rõ tất cả chúng-sanh đều có cái nghiệp báo riêng (3) ;

4.— Phải tinh tấn quan sát cho thường mấy điều

(1) Vật bất tịnh là : 32 vật trước trong thân thể và 10 đề mục tứ thi.

(2) Đề mục thiền-dịnh về lòng bác-ái là rải tâm Đại-từ, Đại-bi Đại-hi, Đại-xả đến tất cả chúng sanh.

(3) Những cái chi xảy ra đều do nơi cái nghiệp mình đã gây ra từ trước. Biết suy xét như vậy thì không uất-ức oán-hận.

kể trên ;

5.— Phải năng thân cận cùng bậc thiện-trí-thức;

6.— Phải hằng nói lời dịu ngọt.

III.— Trừ hôn-trầm có sáu phép :

1.— Phải ghi nhớ và xem xét sự ăn uống không cho quá độ ;

2.— Phải thay đổi oai-nghi cho vừa được an vui;

3.— Phải ghi nhớ tìm xem ánh sáng ;

4.— Phải ở nơi khoảng-khoát ;

5.— Phải năng thân cận cùng bậc thiện-trí-thức;

6.— Phải hằng nói lời dịu ngọt.

IV.— Trừ phóng tâm có sáu phép :

1.— Phải thông hiểu kinh luật cho nhiều ;

2.— Phải siêng năng học hỏi điều phải, lẽ quấy;

3.— Phải thuộc nắm lòng giới luật ;

4.— Phải xu hướng theo bậc lão thành, nhứt là Đại Đức Tỷ-Khưu ;

5.— Phải năng thân cận cùng bậc thiện-trí-thức ;

6.— Phải hằng nói lời dịu ngọt.

V.— Trừ hoai-nghi có sáu phép :

1.— Phải thông hiểu kinh luật cho nhiều ;

2.— Phải siêng năng học hỏi điều phải, lẽ quấy ;

3.— Phải thuộc lòng giới luật ;

4.— Phải có nhiều đức tin ;

5.— Phải năng thân cận cùng bậc thiện-trí-thức ;

6.— Phải hằng nói lời dịu ngọt.

Thiền-định là cái thể trạng của tâm lành an-trú trong một cảnh-giới. Nếu cảnh-giới tham-luyến trong ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc) thì gọi là phàm định. Nương theo thánh-đạo, gọi là thánh định.

Những hành-giả muốn học phép thiền-định trước hết phải nghiêm-trì giới luật, bởi «giới năng sanh định, định năng phát tuệ». Phải tìm vị Thiền-sư là bậc thiện-trí-thức để học hỏi cho thông thuộc 40 đề-mục thiền-định, rồi chọn lấy một đề-mục hạp theo tính nết mình mà hành. Phải lánh chỗ nghịch, tìm cảnh thuận, xong rồi chủ tâm niệm tưởng đề-mục thiền-định, y theo chánh pháp (1).

GIẢI VỀ TÍCH NIỆM PHẬT, THAM THIỀN

(Parinibbute bhagavati)

Giải rằng: «Sau khi Đức Phật nhập Niết-Bàn, (Parinibbute Bhagavati) đức Hoàng-đế Ajātasatrū (A-Xá-Thế-vương) thỉnh Xá-ly được rồi, tạo thánh tháp, hành đại lễ mai táng, đề sùng bái cúng dường».

«**Ekā upasikā**». Thuở ấy có cô tín-nữ ở trong kinh đô **Rajagriha** (Vương-Xá thành) tính đến lễ bái Xá-ly ; sáng sớm tắm rửa sạch sẽ, cầm 4 cành hoa mướp đi cúng thánh tháp, thành tâm tưởng Phật, không để ý xem chừng điều rủi ro theo đường đi. Lúc đó có con bò cái dắt con kiếm ăn bên đường, vụt chạy báng nhằm cô tín nữ cách mau lẹ, cô bất ngờ nên phải bị hại. Nhờ cô không xao lãng, nhứt tâm niệm tưởng đến Đức Phật, nên mới được sanh trong cõi trời Đạo-Lợi.

Trong khi đó Đức Đế-Thích ngự đi đến vườn hoa, có các Ngọc nữ tùy tùng, Ngài bèn phán hỏi: Này nàng thiên nữ có sắc đẹp và y phục sáng rỡ như vàng ròng, nét mặt tròn, tươi ánh như trăng rằm, có đủ sự trang sức chói lọi, khắp cả châu

(1) Xem pháp chánh định

thân, cho đến cung điện, chỗ nằm, nơi ngồi cũng đều có sắc vàng rực rỡ. Này cô thiên-nữ! sắc mặt nghiêm trang trong sạch, trong kiếp nòng ở cõi người, nòng đã tạo nghiệp lành chi, mà nay được lên cõi này hưởng đều đủ sự cao sang như vậy? Cái quả lành đó do đâu mà có? Trẫm mong mỗi được biết phần phước của nòng, vậy nòng hãy tỏ cho trẫm nghe. Vị thiên nữ đó, bèn tâu bày tất cả nghiệp lành mà mình đã tạo trong cõi người cho Đức Đế-Thích nghe rằng : Tâu Hoàng-Thượng, tôi chỉ có đem 4 cành hoa mướp đi cúng dường thánh tháp, có tâng xá-ly Đức Thế-Tôn, tâm tôi trong sạch, thành kính, niệm tưởng Đức Phật, không dè bị bỏ củi báng nhằm, phải thác nơi giữa đường, nên mới được sanh trong đền của Bộ-Hạ ; nhờ tôi chú tâm niệm Phật, song cũng chưa đi đến tận nơi, mà cũng được quả báo như vậy ; nếu tôi đi đến tận nơi cúng dường thánh tháp, ắt sẽ được hạnh-phúc quý trọng đầy đủ hơn, tâu Hoàng-Thượng, tôi được làm bạn với các thiên-nữ, trong đền của Hoàng-Thượng đây là do cái nghiệp lành đem hoa mướp cúng thánh tháp, chiêm ngưỡng Đức Phật mà chưa đi đến nơi, chỉ có thành tâm niệm Phật mà được phước như vậy, nếu được đến tận nơi cúng dường rồi, thì sẽ được quả báo cao thượng hơn nữa không sai.

Đức Đế-Thích nghe vị thiên nữ bày tỏ đều đủ cái nghiệp lành của nòng đã tạo, bèn phán rằng :

Passa mātali accheran cittaṃ kammaphalaṃ idaṃ.

Nghĩa : Này **Mātālī** ! người nên tin cái quả phước cao thượng của sự bố-thí, tri-giới, tham thiền, mà người có tâm trong sạch đã làm. Vật thí đem cho, chẳng lựa là nhiều hay ít (**Punnaṃ mahaphalaṃ hoti**) hằng được quả nhiều, (**Citte pasan-namhi**) khi có đức-tin trong sạch, sự bố-thí đó chẳng ít phước đâu. (**Sambuddhe ca satthā gati**) Lại nữa, người có tâm trong sạch, cũng dường đến các bậc Giáo-chủ, hoặc các vị Thiệu-Văn thì được phước báo vô lượng, dầu là khi Đức Phật còn tại thế, hoặc Ngài nhập Niết-Bàn rồi cũng vậy, hễ người có tâm bình-đẳng trong sạch đồng nhau, thì phước báo cũng đồng nhau, không ít cũng không giảm hơn đâu. Thật vậy, người được thọ sanh trong nhân cảnh, cũng do sự chú-tâm trong sạch trong điều phước thì được hạnh-phúc vô lượng vô biên.

Uppajjanti tatthā gate ; Chư Phật ra đời, ban điều lợi-ích an-vui, cho sự thanh-lợi rất nhiều, đều đủ đến tất cả chúng sanh.

Chúng sanh di thọ sanh trong cõi trời, được khỏi khổ cũng do cái tâm trong sạch. Đức Đế-Thích giải xong bèn lui ra khỏi nơi đó, ngự đến tháp **Cūlāmanī** (1) để làm lễ cúng dường trọn 9 ngày. Khi đã làm đại lễ xong, có Đại-Đức **Nārada mahathera** nhập thiền bay đến lễ bái tháp **Cūlā-**

(1) Tháp **CŪLĀMANĪ** là tháp tắng trâm và tóc của Đức-Bồ-Tát, khi ngài trốn ra khỏi thành **KAPILAVASTU**, đến sông **ANOMA**, cắt tóc liệng lên hư không. Đức Đế-Thích lấy đồ đựng bằng vàng hứng đem tắng đề cúng dường mỗi ngày, trên cung trời Đao-Lợi.

manī, Đức Đế-Thích bèn bạch cho Ngài rõ cuộc đại lễ từ đầu đến cuối, rồi Đại-Đức **Nārada** từ-giã trở về cõi người.

Đến khi chư Đại-A-la-hán kết lập Tam-Tạng kỳ nhứt mới đem tích nầy ghi vào Tạng-kinh.

Các bậc tri-tuệ nên ghi nhớ cho thấy rõ rằng, người có tâm chăm chỉ, vững chắc trong điều phước (bố thí, trì giới, tham thiền), thì hằng được thọ sanh trong cõi trời, như vị thiên nữ **Kosātaki** đó, đến khi có thiện duyên đầy đủ, sẽ chứng đạo quả Niết-Bàn. Cho nên Đức Giáo-Chủ mới giảng giải về phép thiền-định, là cái pháp thanh cao, quý trọng hơn hết. Ngài khép vào phần pháp Bồ-Đề (**Bodhi pakhiyadharma**) là cái pháp làm cho giác ngộ Niết-Bàn, dập tắt cả điều thống khổ.

PHÁP CỦA ĐỨC ĐẾ-THÍCH GIẢI CHO CHƯ THIÊN NGHE

Đã nghe như vậy : Một thuở, đức Đế-Thích (1) ngự ra khỏi thiên cung, đưa tay lên bái đủ 10 hướng. Vị trời hộ giá tên **Mātalidevaputta** thấy, bèn quì tâu rằng : lịnh Hoàng-thượng lễ bái 10 hướng là cớ sao ?

Sakko devarājā : Đức Đế-Thích phán rằng : Nầy **Mātalī**, đó là ta lễ bái 10 hạng người :

1.— Hạng người có đức-tin làm phước bố-thí, đề bát và dâng 4 vật dụng đến bậc có giới trong sạch.

(1) Đế-Thích là đức vua trời trên cung Đạo-Lợi, Ngài là một vị Hộ-Pháp, thường xuống hầu Phật, hỏi đạo rồi đem giải cho chư thiên nghe.

2.— Hạng người tu thập thiện (thân, khẩu, ý lành);

3.— Hạng người kính trọng cha.

4.— Hạng người kính trọng mẹ.

5.— Hạng người có qui y Tam-Bảo (Phật, Pháp, Tăng) là nơi đáng cúng dường;

6.— Hạng người thọ trì 5 giới, 8 giới hoặc 10 giới.

7.— Hạng người đã làm việc lành, rồi hồi hướng đến chư thiên và những quyến thuộc đã quá vãng;

8.— Hạng người tôn kính ông thầy, bậc trưởng thượng và các vị có giới hạnh trang-nghiêm.

9.— Hạng người biết tế-độ vợ con bằng tâm thương xót;

10.— Hạng phụ-nữ không dễ-duôi, ngày đêm hằng kính trọng chồng.

Mười hạng người đó có nhiều ân-đức, thường đem điều yên-vui và sự tiến-hóa đến mình cùng đến kẻ khác, cho nên ta mới lễ bái.

Khi được nghe đức Đế-Thích giảng thuyết, như thế « **Taṇ sūtvā mātali** », Vị trời **Mātali** bèn phát tâm ưa thích, tâu rằng:

Ngài là chúa tất cả chư thiên, Ngài tôn-kính hạng người nào, tôi cũng tôn-kính hạng người đó. « **Tato patthāya** », từ đây tất cả chư thiên, đồng nhau hằng bảo hộ, che chở và đem điều yên-vui, đến 10 hạng người đó, cho đến ngày nay.

Những người mong lánh khổ tìm vui, cần phải phát tâm hoan hỷ thật hành theo lời giảng giải của

Đức Đế-Thích trên đây, cho chư thiên ủng-hộ, mới chắc được hưởng điều hạnh-phúc thanh-cao, y như ý nguyện.

TOÁT-YẾU

Chư thiện-tín đã làm phước để trong tâm, khi được nghĩ xét đến sự hành-vi lành của thân, khẩu, ý rồi, thấy toàn là điều lành thì sẽ phát tâm vui thích rằng: «Ta đã có làm việc chơn chánh rồi», lúc nào nhớ đến thì có lòng hoan-hỷ. Trong giờ hấp hối mà nhớ thấy như vậy, thỏa-thích vừa lòng, dạn-dĩ, không kinh-sợ đối với cái chết đến rõ-rệt trước mắt, vì tin chắc rằng: nhờ ảnh-hưởng của cái phước mà ta đã tạo để dành ấy, dầu có chết ta cũng được thọ sanh trong cõi vui chẳng sai. Nếu có đức-tín chắc như thế, thì có trí nhớ, không mê loạn quên mình, đến giờ lâm chung, có tâm yên-lặng, thì sẽ hưởng quả vui chẳng sai.

CÁI PHƯỚC LÀ MÓN PHÙ PHÉP HAY ĐẶC-BIỆT

Bậc thiện-trí-thức đã tu-tập việc phước trong tâm, được gọi là người biết phù phép giỏi nhất. Vì những người vừa lòng trong sự tu-tập điều lành hằng là nơi thân yếu của chư thiên và nhân-loại.

Thật vậy, kẻ nào mong được phần đông công chúng hoan nghênh ở bên cạnh, mà làm việc sai lầm không tạo nghiệp lành, chỉ gây việc dữ, trái với chơn-lý, thì không đáng cho kẻ khác yêu vi ;

dầu là có học phù phép, hoặc đi cầu thầy biết bùa chú giỏi đến ếm đối: cũng chẳng có ảnh hưởng chi.

Những bậc thiện-trí-thức không cần học phù phép chi, hoặc nương dựa nơi ông thầy cao đệ, các ngài chỉ tinh tấn làm các phước đức, là bố-thi, tri-giới, niệm, Phật, tự nhiên được quần chúng tùy tùng giao thiệp, mong được biết, được thấy mặt. Cho nên gọi phước là môn phù phép hay đặc-biệt.

Những lẽ đã giải trên, vạch cho thấy rằng: Các phước mà người đã làm rồi gọi là cái đức, nó hằng đem sự vui đến cho, từ kiếp nầy tới các đời sau, nó đưa điều hạnh-phúc đến trong giờ hấp hối, đem chúng sanh thọ sanh trong nhân cảnh.

PHẬT-NGÔN

(*phiên dịch và trích trong các kinh Pāli*)

1.— Tất cả chúng-sanh, chẳng có một ai là tay đối thủ của Ma-vương (tử-thần). Mặc dầu mãnh-lực của voi binh, mãnh-lực của xa binh, mãnh-lực của quân-binh, hoặc các phép thần-thông cùng của cải, cũng không chiến-thắng nổi Ma-vương.

Nên chỉ các bậc trí-tuệ, khi đã xét thấy rõ như thế, cần phải gieo sâu đức-tin trong Đức-Phật, Đức-Pháp và Đức-Tăng, nguyện không thối chuyển. Nhân đó hành-giả khi đã trau dồi thân, khẩu, ý, ở theo thập-thiện thì được các bậc Hiền-triết ngợi khen, và đến ngày mạng chung tất sẽ phi thăng nhân cảnh.



II.— Tất cả chúng-sanh, chẳng sót một ai, đều ở trong tay của vị tử-thần, vì sanh mạng của loài hữu-tình đều có sự chết là nơi cuối cùng.

Chúng-sanh phải thọ quả-phước hoặc quả-tội tùy theo cái nghiệp mà tự mình đã gây. Sau khi chết, nghiệp-lực mà phải luân-hồi; chúng-sanh nào đã tạo nhân dữ, thì phải mang quả-khổ ở địa-ngục; chúng-sanh nào đã tạo nhân lành thì được hưởng quả vui ở Thiên-đàng.

Chúng sanh nên sớm mau hồi đầu hướng-thiện làm những việc lành mà các bậc tiên-hiền hằng

hoan-hỉ, vì sau khi chết chỉ có cái quả-phước nó tiếp dẫn chúng sanh đến cảnh vui, trong kiếp vị-lai.



III.— Tuổi thọ của chúng-sanh rất ngắn-ngùn; sự già hăng dắt-dẫn tìm sự chết. Chúng-sanh mà bị sự già dắt-dẫn tìm sự chết rồi, chẳng có chi là nơi nương nhờ được. Cho nên chúng sanh khi đã thấy điều kinh sợ trong sự chết như thế, phải cần tu-tập các việc lành. nó sẽ đem sự yên-vui đến cho.



IV.— Ngày giờ qua mau thấm-thoát, mặt nhụt mọc hướng đông, chỉ lặn về hướng tây. Tuổi thọ chúng-sanh ngày càng hao mòn. Nếu chúng-sanh xem thấy có điều lo sợ trong sự chết như thế phải nên tinh-tấn làm những việc lành, nó sẽ tiếp độ đến nơi nhân cảnh.



V.— Tuổi thọ, hơi nóng (chất lửa) và thần-thức khi đã lìa bỏ xác thân giờ nào, thì người phải đem đập dưới đất giờ ấy, cũng như đóng tro tàn chẳng có sự lợi-ích chi cả.



VI.— Chúng-sanh trong tam-giới không thường trú lâu dài. Sự già hăng dắt-dẫn tìm sự bịnh, sự bịnh hăng dắt-dẫn tìm sự chết; chẳng có một ai tự ngăn-ngừa được, chẳng có một ai trốn lánh được.

Chúng sanh chẳng có vật chi gọi là của mình được; đều phải dứt bỏ của cải, chia lìa thân quyến, trong khi chết.



VII.— Chúng sanh thọ mạng trong thế-gian này, dầu cố-gắng tìm phương pháp để ngăn-ngừa sự chết, cố-gắng tìm đến đâu cũng luống công. Dầu là van-vái cho khỏi chết, hoặc cho đến già sẽ chết cầu khẩn như thế, nào có được.

Bởi chúng sanh phải chịu sự già, sự bệnh và sự chết theo luật thiên nhiên.

Tất cả chúng sanh, hoặc trẻ hay già, hoặc ngu hay trí, đều phải ở dưới quyền của sự chết, hằng bị sự chết đón ngăn phía trước.



VIII.— Sự khổ chẳng phải phát sanh ngoài lòng ái-dục. Sự khổ chỉ phát sanh nơi lòng ái-dục. Lòng ái-dục là nhân sanh khổ vậy.



IX.— Nếu chúng sanh dùng trí-tuệ suy xét thấy rõ vạn vật là vô thường trong giờ nào, thìắt chán nản sự khổ trong giờ ấy. Đó là con đường thanh-bạch cao-thượng vậy.



X.— Nếu chúng sanh dùng trí-tuệ, suy xét thấy rõ vạn vật là khổ não trong giờ nào, thìắt chán-nản sự khổ trong giờ ấy. Đó là con đường thanh-bạch cao-thượng vậy.



XI.— Nếu chúng sanh dùng trí-tuệ suy xét thấy rõ vạn vật là vô-ngã trong giờ nào, thì tất chán-nản sự khổ trong giờ ấy. Đó là con đường thanh-bạch cao-thượng vậy.



Con người thường bị lòng tham nó dục, nên chạy chỗ này đến chỗ kia, như con dê bị chúng rượt. Một phen đã bị cái tham nó huộc rồi, thì nạn khổ nó dòn-dập trên mình mãi. Nhà học đạo, muốn giữ mình trong sạch, phải đuổi xa sự tham.



Ở đâu có ngay-thật là có đạo-đức, ở đâu có đạo-đức là có ngay-thật, và đạo-đức của người ngay-thật với sự ngay-thật của người đạo-đức đều là sự ngay-thật và đạo-đức quý báu hơn hết ở đời này.



Không nên dòm lỏi người, không nên xem họ làm cái chi hay họ quên cái chi, mình hãy lấy mắt dòm lại lỏi mình, dòm coi mình làm những việc gì và quên những điều gì.



Phật dạy : nầy các tỷ khưu ! Dầu các thầy vì lẽ gì mà khổ, các thầy cũng chẳng nên làm khổ kẻ khác.



Bước từng bước, làm từng việc, giữ từng giờ, đáng hiền nhân hằng dọn mình cho thật trong sạch, dứt bỏ những sự dơ bẩn (tội lỗi) cũng như người thợ bạc thêu vàng vậy.



Nhà học đạo, giờ khắc nào cũng phải dè-dặt, cẩn thận và đề ý coi chừng lời nói, việc làm và tu-tướng mình luôn. Dầu là ngày chót của kiếp mình, mình cũng giữ, làm tròn phận sự.



Lời nói ngay-thật là điều cần-yếu thứ nhất, lời nói hòa-nhã là điều cần-yếu thứ nhì, lời nói hiền lành là điều cần-yếu thứ ba, lời nói hữu-ích là điều cần-yếu thứ tư.



Sự ham muốn và lòng luyến ái nó nảy sanh ra nơi mình và toan lấn lướt mình, mình phải đánh ngã nó ngay, lúc nó phát sanh lên.



Nghĩ đến cái chết, đến cái đời mơ-hồ, không biết mình sống bao lâu và không biết thời-thế nó xảy ra cho mình thế nào, nghĩ như vậy, khiến mình ở theo chân-lý.

Nghĩ rằng : nhân quả liên-tiếp nhau không bao giờ sai chạy, nghĩ như vậy khiến mình lánh xa những điều tội lỗi.

Nghĩ đến chỗ giả dối, đến sự ngăn-ngủi của đời mình đem so với các đời sau, khiến mình lo mà giải thoát.

Nghĩ rằng : chúng sanh chất chứa trong lòng những mối dục vọng xấu xa, những sự bất công, giả trá. Nghĩ rằng : rất khó mà chặt đứt tình dục, nghĩ như vậy, khiến mình tham thiền nhập định để đạt đến chân-lý.



Tánh nết có chỗ chê, mà mình không chịu sửa, thì mình rất lỗi lầm.



Nhìn chúng sanh bằng cặp mắt vô tư tỏ ra người cao thượng.



Bao giờ mình bỏ nơi ở chung.chạ với đời, đi ở yên trong nơi êm tịnh thì mình nên mừng.



Không thật có ý-chỉ thì gây thêm nhiều điều lầm lạc và làm cho sự đã lầm lạc từ trước trở lại ; còn thật có ý-chỉ thì chẳng những khỏi lầm-lạc thêm mà lại còn dứt được các lầm-lạc từ trước nữa.



Giữa cơn đông-tổ, mấy hòn núi cao vẫn đứng vững ; người hiền cũng thế, mặc ai khen chê, mình vẫn tự-nhiên.

XIN CHÚ Ý

Trước khi đọc quyển kinh này, xin Qui-vị sửa lại cho đúng những chữ in sai sau đây :

Trong	Hàng	Chữ in sai	Xin sửa lại
1	5	cao	cho
4	15	sarnan	saranan
6	10	k ến	kiến
8	21	sāvāk sangho	sāvākasangho
8	24	hành chính chấn y	hành y
18	16	upā } sakan } sikan	upā } sakan } man } sikan }
38	1	Pháp	Phật
48	14	đư ờ s ự c	được sự
52	22	dīghortatan	dīgharattan
55	25	săm	sấm
64	8	sót	xót
65	13	Toàn	Toan
69	6	knò	khò
71	14	g ả	giả
80	23	lên	nên
131	11	hipakhīyadharma	hipakkhīyadharma
137	9	sabbadu-	sabbaduk-
142	7	g ở	giờ
142	12	«cân-định»	«cận-định»
153	20	chết, nghiệp-lực	chết, tùy nghiệp-lực